**Ngày soạn: 20/9/2025 Họ và tên giáo viên: Hồ Đình Phương**

**Tổ chuyên môn: Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Bài 3: VĂN BẢN THÔNG TIN**

**ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN 1:**

**VỊNH HẠ LONG:**

**MỘT KÌ QUAN THIÊN NHIÊN ĐỘC ĐÁO VÀ TUYỆT MĨ**

**(Theo Thi Sảnh).**

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: **9A2,9A6**

Thời gian thực hiện: 2 tiết (Từ tiết: 29 đến tiết: 30)

**--------\*&\*--------**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- HS nhận biết và phân tích được ý nghĩa nhan đề, thông tin cơ bản, đặc điểm văn bản và mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh. Từ đó hình thành, rèn luyện năng lực đọc hiểu văn bản thông tin thuyết mình về một danh lam thắng cảnh.

- HS yêu thiên nhiên, cảnh đẹp của quê hương, đất nước.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự học và tự chủ: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh đề hiểu về văn bản thông tin thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác để giải quyết vấn đề về văn bản Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến bài học; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

**b. Năng lực đặc thù.**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận cá nhân về văn bản Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ.

**3. Phẩm chất.**

- Yêu thiên nhiên, cảnh đẹp của quê hương, đất nước. Đồng thời có tinh thần lan tỏa nét đẹp đó tới cộng đồng, bạn bè quốc tế.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ học tập cho học sinh.

- Bảng kiểm đánh giá: kỹ năng đọc diễn cảm văn bản. Kế hoạch bài dạy.

- Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm học tập của HS), giấy A4, bảng nhóm để học sinh trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.

- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to, tranh ảnh do giáo viên chuẩn bị có liên quan đến nội dung chủ điểm (dùng cho hoạt động Mở đầu) hoặc nội dung các VB đọc.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (7 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV trình chiếu video và nêu câu hỏi để HS suy nghĩ trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV trình chiếu video và nêu câu hỏi: Xem đoạn video dưới đây, em hãy miêu tả những gì em quan sát được và nêu cảm nhận?



**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS liên hệ thực tế, dựa vào hiểu biết của bản thân cùng trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm giành quyền trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, giành quyền trả lời (nếu nhóm bạn trả lời sai).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: HS miêu tả và nêu cảm nhận sau khi xem video (khung cảnh thiên nhiên, mặt nước, đảo đá, thực vật,…)

- GV dẫn dắt vào bài học mới:

*Với vẻ đẹp và giá trị văn hóa đặc biệt, vịnh Hạ Long đã chinh phục trái tim của du khách và trở thành điểm đến hấp dẫn không chỉ của người Việt mà còn của du khách quốc tế. Hãy tưởng tượng bạn đang trôi trên những con thuyền truyền thống, ngắm nhìn những ngọn núi đá vôi trùng điệp cao lầu trên biển xanh, khám phá những hang động bí ẩn và thả mình vào không gian yên bình của Vịnh Hạ Long. Để có thể hiểu kỹ hơn về vẻ đẹp của vịnh Hạ Long, chúng ta hãy khám phá qua bài học Vịnh Hạ Long: một kỳ quan thiên nhiên tuyệt mỹ tuyệt đẹp.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (60 phút)**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm chắc các đơn vị kiến thức, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu văn bản Vịnh Hạ Long: một kỳ quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ, nhận diện và phân tích các bút pháp nghệ thuật thể hiện trong văn bản.

**b. Nội dung:** Nhắc lại các kiến thức văn bản Vịnh Hạ Long: một kỳ quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**NHIỆM VỤ 1: TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ-TÁC PHẨM**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời:

+ Nhắc lại một số hiểu biết về tác giả Thi Sảnh và tác phẩm Vịnh Hạ Long: một kỳ quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ?

+ Vẻ đẹp thiên nhiên Vịnh Hạ Long được miêu tả như thế nào qua tác phẩm Vịnh Hạ Long: một kỳ quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ?

+ Tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm Vịnh Hạ Long: một kỳ quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**

HS làm việc theo cặp đôi hoặc đọc lại văn bản theo yêu cầu suy nghĩ để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**

GV mời 2-3 HS trình bày trước lớp yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**

GV nhận xét đánh giá chốt kiến thức.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Tìm hiểu khái quát về Tác giả-Tác phẩm.**  **1. Tác giả:** Thi Sảnh.  - (1941- 2020), tên thật là Nguyễn Thanh Sỹ, quê Quảng Trị.  - Nhiều năm gắn bó với ngành văn hóa và giữ chức vụ nguyên Giám đốc Sở Văn hóa – Thông tin Quảng Ninh.  **2. Tác phẩm.**  **a. Đọc văn bản:** SGK, trang 58-63.  **b. Xuất xứ-Ptbđ-Nội dung khái quát.**  **- Xuất xứ:** Đăng trên Tạp chí Di sản văn hóa, số 8, năm 2004.  **- Phương thức biểu đạt:** Thuyết minh kết hợp với miêu tả và biểu cảm.  **- Nội dung:** Văn bản giới thiệu về Vịnh Hạ Long, một trong những di sản thiên nhiên thế giới. Văn bản đã nêu được sự độc đáo và vẻ đẹp tuyệt vời của Vịnh Hạ Long. |

**NHIỆM VỤ 2. TÌM HIỂU NỘI DUNG VĂN BẢN**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV đặt câu hỏi:

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:

**Câu 1** (trang 61 sgk Ngữ Văn lớp 9 Tập 1): Nhan đề của văn bản thể hiện sự đánh giá như thế nào về kì quan vịnh Hạ Long?

**Câu 2** (trang 61 sgk Ngữ Văn lớp 9 Tập 1): Các đề mục nhỏ và nội dung đã triển khai vấn đề được nêu ở nhan đề như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- HS trình bày sản phẩm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung. → Ghi lên bảng.

- GV chốt lại kiến thức.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Ý nghĩa nhan đề văn bản.**  Nhan đề của văn bản thể hiện sự đánh giá về kì quan vịnh Hạ Long: Hùng vĩ và bí ẩn, đầy cảm hứng và vô cùng độc đáo, vịnh Hạ Long thật xứng đáng là một trong những kỳ quan thiên nhiên đẹp nhất.  **2. Nội dung khái quát các đề mục nhỏ.**  Các đề mục nhỏ và nội dung đã chứng minh được sự độc đáo và tuyệt mĩ của vịnh Hạ Long.  **- Vịnh Hạ Long được coi như tác phẩm nghệ thuật độc đáo của thiên nhiên với hệ thống đảo đá muôn hình muôn vẻ.** Những hòn đảo nhỏ như được chấm lên trên nền xanh ngọc của biển, cùng theo đó là những hang động kỳ bí được tạo nên bởi sóng và gió, những cánh rừng xanh biếc rộn rã tiếng chim hót, thật kỳ ảo.  **- Vịnh Hạ Long thay đổi vẻ đẹp của mình theo không gian và thời gian.** Mỗi góc nhìn, mỗi thời điểm, vịnh Hạ Long lại có vẻ đẹp riêng biệt và độc đáo riêng.  **- Những hang động của Hạ Long được văn mản miêu tả như những lâu đài của tạo hoá giữa chốn trần gian.**  => Tất cả những đề mục nhỏ và nội dung của văn bản đều khẳng định: Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ.  **3. Những giá trị của vịnh Hạ Long.**  **a. Phần mở đầu**  - Phần mở đầu văn bản nêu thông tin về thời gian và địa điểm vịnh Hạ Long được ghi nhận vào Di sản thế giới: vào lúc 17 giờ 17 phút ngày 14 tháng 12 năm 1994 tại khách sạn du lịch Lơ Me-ri-điêng nổi tiếng thành phố Phu-kẹt – miền Nam Thái Lan.  **b. Vịnh Hạ Long là tác phẩm nghệ thuật thiên nhiên hoành tráng.**  - Có nhiều đảo đá với nhiều hình dạng và kích thước khác nhau như những tấm thảm xanh lộng lẫy, lấp lánh với vô số châu ngọc.  - Những đảo đá sống động, muôn hình muôn vẻ, với các kiểu dáng độc đáo.  - Chân các đảo đá, chỗ mấp mé mặt nước cũng được biển cả chạm khắc nhiều hình dáng kì lạ, tầng lớp. Có chỗ đảo thì mảnh khảnh, chỗ lại trông bề thế, chỗ lại giống như chiếc ngà voi, có đảo được cấu trúc bởi những phiến đá vuông vức chồng lên nhau  **c. Cảnh quan Hạ Long biến đổi theo góc nhìn và thời gian.**  **- Buổi sáng:** chiêm ngưỡng cảnh Mặt Trời mọc. Bầu trời rực rỡ đủ màu sắc hồng, da cam và vàng óng.  **- Buổi trưa:** nắng bao trùm mặt vịnh, khiến mặt nước lấp lánh, đẹp mắt. Các đảo phơi mình dưới ánh nắng, những bông hoa phong lan trên vách núi tạo thành một khung cảnh nên thơ.  **- Buổi chiều:** chuyển từ màu ngà sang màu tím sẫm, là lúc Mặt Trời lặn.  **- Buổi đêm trăng thu:** diễm lệ và huyền bí, Mặt vịnh yên tĩnh, đảo đá ẩn hiện trong ánh sáng của trăng.  **d. Hệ thống hang động như những lâu đài bí ẩn.**  - Nhiều hang động, phân bố nhiều nơi trên mặt vịnh, các hang động có quy mô, kiểu dáng màu sắc phong phú đa dạng.  - Có sức hấp dẫn kì lạ với khách du lịch.  - Các động Thiên Cung, hồ Ba Đầm, cùng những cảnh quan xung quanh hang động khiến khách tham quan thích thú. |

**NHIỆM VỤ 3. TỔNG KẾT**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV đặt câu hỏi:

- GV yêu cầu HS thảo luận:

+ Những biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn này?

+ Vì sao văn bản Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ được coi là văn bản thông tin? Trong văn bản này có sự kết hợp của các phương thức biểu đạt nào? Chỉ ra tác dụng của sự kết hợp ấy?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.

- HS trình bày sản phẩm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- GV nhận xét, bổ sung. → Ghi lên bảng

- GV chốt lại kiến thức.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **III. Tổng kết.**  **1. Nội dung.**  - Văn bản đã cho người đọc thấy được vẻ đẹp độc đáo và tuyệt mĩ của vịnh Hạ Long Đó là những đảo đá, hang động với nhiều kiểu dáng, kích thước phong phú, đa dạng.  - Vẻ đẹp khác nhau của vịnh Hạ Long trong một ngày được tác giả khắc họa sinh động, thu hút.  **2. Nghệ thuật.**  Biện pháp tu từ nhân hóa, so sánh được sử dụng trong văn bản khiến người đọc hình dung rõ hơn, chân thực hơn vẻ đẹp của vịnh Hạ Long. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG (23 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:

+ Học xong văn bản, em có những hiểu biết gì về vịnh Hạ Long và còn muốn biết thêm những thông tin gì về địa danh nổi tiếng này?

+ Nếu được giới thiệu một số nét về danh lam thắng cảnh nổi tiếng về quê hương, em sẽ nêu các thông tin nào?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**

HS trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận.**

GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**

GV nhận xét, đánh giá.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **Dự kiến sản phẩm.**  **Câu 1.**  - Thông qua văn bản, em biết được Hạ Long là một kì quan thiên nhiên thế giới, là một thế giới sống sống động với những sinh linh ẩn hiện trong biết bao hình hải bí ẩn bằng đá, là sự thay đổi cảnh sắc độc đáo trong nháy mắt, là cảnh sắc ẩn dấu trong các hang động, đặc biệt là đông Thiên Cung khi vào thăm ta ngỡ như lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh, là hồ Ba Đầm với rừng thạch nhũ có nhiều kiểu dáng, màu sắc rực rỡ.  - Ngoài ra, em còn muốn biết thêm về các hang động khác trong quần thể hang động của vịnh Hạ Long như hang Đầu Gỗ, Hang Sửng Sốt,… Đặc biệt em còn muốn biết thêm về nguồn gốc của vịnh Hạ Long.  **Câu 2.**  Nếu được giới thiệu một số nét về danh lam thắng cảnh nổi tiếng về quê hương, em sẽ nêu các thông tin:  - Giới thiệu nguồn gốc của khu di tích: Có từ bao giờ, ai phát hiện ra? đã kiến tạo lại bao giờ chưa?  - Giới thiệu vị trí địa lí, đặc điểm bên ngoài (nhìn từ xa hoặc nhìn từ trên).  - Trình bày về đặc điểm của từng bộ phận của khu di tích: Kiến trúc, ý nghĩa, các đặc điểm tự nhiên khác thú vị, độc đáo…  - Danh lam thắng cảnh của quê hương bạn đã đóng góp như thế nào cho nền văn hoá của dân tộc và cho sự phát triển nói chung của đất nước trong hiện tại cũng như trong tương lai (làm đẹp cảnh quan đất nước, mang lại ý nghĩa về giáo dục, ý nghĩa tinh thần, mang lại giá trị vật chất…). |

**-------Hết-------**

**Ngày soạn: 21/9/2025 Họ và tên giáo viên: Hồ Đình Phương**

**Tổ chuyên môn: Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Bài 3: VĂN BẢN THÔNG TIN**

**ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN 2:**

**KHÁM PHÁ KÌ QUAN THẾ GIỚI:**

**THÁC I-GOA-ZU.**

**(**Theo **Đỗ Doãn Hoàng).**

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: 9A2,9A6

Thời gian thực hiện: 2 tiết (Từ tiết: 31 đến tiết: 32)

**--------\*&\*--------**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức.**

- Học sinh nắm vững những kiến thức về tác giả và văn bản Khám phá kỳ quan thế giới: Thác I-goa-zu.

- Phân tích những đặc sắc liên quan đến hình tượng, bút pháp nghệ thuật của tác phẩm.

- - Ghi nhớ, khắc sâu những đặc điểm của thể loại tác phẩm, xác định được bố cục, đặc sắc nội dung và nghệ thuật của tác phẩm Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung.**

- Năng lực tự học và tự chủ: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh để hiểu về văn bản đã học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác để giải quyết vấn đề về văn bản đã học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến bài học; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

**b. Năng lực đặc thù.**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác phẩm Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác phẩm.

- Năng lực phân tích, đánh giá được đặc điểm nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm.

- Năng lực cảm thụ văn học: bình luận, nêu cảm nhận riêng về những chi tiết tiêu biểu trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm.

- Năng lực đọc hiểu một bài thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại: phân tích ý nghĩa hình tượng nghệ thuật, đánh giá những sáng tạo độc đáo của tác giả.

- Năng lực phân tích, so sánh văn bản với các văn bản khác cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất.**

- Cảm nhận được vẻ đẹp của kỳ quan thế giới.

- Có sự thích thú, tò mò tìm hiểu về cảnh đẹp trên thế giới.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

- SGK, SBT Ngữ văn 9, tập 1, bộ sách Cánh diều.

- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (7 phút)**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối với kiến thức đã học, quan sát hình ảnh để nêu cảm nhận của mình.

**b. Nội dung:** GV trình chiếu hình ảnh để học HS quan sát và trả lời.



**c. Sản phẩm:** HS nêu cảm nhận của bản thân sau khi xem hình ảnh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** .

- Giáo viên yêu cầu học sinh đọc văn bản văn bản Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu.

GV đặt câu hỏi: Nêu cảm nhận của em khi quan sát hình ảnh về thác I-goa-zu.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

- GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**GV nhận xét:** *Hệ thống thác nước I-goa-zu hùng vĩ, với nhiều thác lớn nhỏ khác nhau, cây cối xanh tốt. Điều này tạo nên một bức tranh nhiên nhiên tráng lệ, thác nước như những dải lụa mềm được ai đó vắt lên vách đá và được chiếu sáng bởi ánh nắng mặt trời ấm áp.*

**GV dẫn dắt vào bài:** *Trên thế giới có rất nhiều kỳ quan thế giới tuyệt vời. Mỗi kỳ quan có một vẻ đẹp khác nhau và đều rất thu hút khách du lịch. Một trong những kỳ quan thiên nhiên thế giới được rất nhiều người chú ý đó là thác I-goa-zu. Để biết rõ hơn và thấy được hết vẻ đẹp của thác I-goa-zu, hãy cùng ôn tập lại bài học Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (60 phút)**

**NHIỆM VỤ 1: TÌM HIỂU CHUNG VỀ TÁC GIẢ-TÁC PHẨM**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm chắc các đơn vị kiến thức, rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu, nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản.

**b. Nội dung:** Nhắc lại các kiến thức văn bản Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

- GV yêu cầu HS trả lời:

+ Nhắc lại một số hiểu biết và tác giả và văn bản Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu?

+ Thác I-goa-zu được tác hiện như thế nào trong văn bản Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu?

+ Tổng kết giá trị nội dung và nghệ thuật của bài Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu?

- HS lắng nghe, thực hiện nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của giáo viên.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**

**-** HS làm việc theo cặp đôi hoặc đọc lại văn bản theo yêu cầu suy nghĩ để hoàn thành nhiệm vụ.

- GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**

- GV mời 2-3 HS trình bày trước lớp yêu cầu cả lớp nhận xét, bổ sung.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**

GV nhận xét đánh giá chốt kiến thức

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Giới thiệu khái quát về Tác giả-Tác phẩm**  **1. Tác giả:** Đỗ Doãn Hoàng  - Sinh 1976, quê: thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.  - Là một nhà báo chuyên làm phóng sự điều tra.  - Hiện đang công tác tại báo điện tử Dân Việt/ Nông thôn ngày nay.  **2. Tác phẩm.**  **a. Đọc văn bản:** SGK, trang64-67.  **b. Xuất xứ-Thể loại-Ptbđ.**  **- Xuất xứ:** Theo Đỗ Doãn Hoàng, laodong.vn, 23-11-2019.  **- Thể loại:** Văn bản thông tin.  **- Ptbđ:** Thuyết minh.  **c. Bố cục.**  - Phần 1 (từ “Thác nước khổng lồ” đến “mét khối”): Giới thiệu chung về thác nước I-goa-zu.  - Phần 2 (từ “Từ năm 1541” đến “khá kinh hoàng!”): Giới thiệu về vẻ đẹp tuyệt vời, sự vĩ đại mang tính kỉ lục của thác nước I-goa-zu.  - Phần 3 (từ “Sau khi đi bộ” đến “du khách tới I-goa-zu”): Tả cảnh vượt thác như lao vào “họng quỷ” của du khách.  - Phần 4 (Còn lại): Cảm nhận của tác giả và du khách sau khi vượt thác.  **d. Nội dung khái quát.**  Thác nước I-goa-zu – một trong những kì quan thế giới mang một vẻ đẹp hoang dã, tuyệt vời. Văn bản đem tới những thông tin hữu ích giúp người đọc trải nghiệm vẻ đẹp ấy một cách hoàn hảo nhất, từ việc miêu tả vẻ đẹp ấy, sự vĩ đại mang tính kỉ lục của thác nước, cách tả cảnh vượt thác đầy phong phu, như lao vào “họng quỷ” của du khách, và cảm nhận của tác giả và du khách. |

**NHIỆM VỤ 2: TÌM HIỂU CHI TIẾT VĂN BẢN.**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi:

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:

**Câu 1.** Văn bản Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu gồm mấy phần? Xác định nội dung thông tin của từng phần và cả văn bản.

**Câu 2.** Xác định mục đích của văn bản. Người viết đã triển khai nội dung làm sáng tỏ mục đích ấy như thế nào?

**Câu 3.** Phân tích đặc điểm và giá trị của thác I-goa-zu.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- HS trình bày sản phẩm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng

- GV chốt lại kiến thức.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản.**  **1. Phần mở đầu.**  - Nêu thông tin khái quát về thác I-goa-zu:  + Nằm ở biên giới giữa hai quốc gia Nam Mỹ là Bra-zil và Ác-hen-ti-na.  + Được Tổ chức Bảy kì quan thiên nhiên thế giới mới – vinh danh chính thức từ tháng 11-2011.  - Thác I-goa-zu có khoảng 275-300 ngọn thác I-goa-zu dài từ 64 đến 85 mét.  **2. Thác I-goa-zu xứ sở của những “kì quan tạo ra bởi Đức Chúa Trời”.**  - Thác I-goa-zu đẹp tuyệt vời và được ca ngợi là kì quan tạo ra bởi Đức Chúa Trời.  - Quanh thác I-goa-zu nước họ tổ chức “thủy lục, không quân”, thưởng thức ẩm thực và trải nghiệm văn hóa khác nhau.  - Có các hoạt động như: thăm các vườn chim, đạp xe, bay trực thăng, ngắm hồ thủy điện I-tai-pu, chơi trò dù lượn, tung mình, bung dù, ngắm thác I-goa-zu, rừng nguyên sinh.  - Trải nghiệm thiên nhiên trên bộ, trên không, đi chơi trò dưới nước, đi thuyền xuyên qua các ngọn thác I-goa-zu cao và nhiều trải nghiệm thú vị cho khách du lịch tại thác I-goa-zu.  **3. Ván bài sinh tử ở huyệt đạo thác I-goa-zu**.  - Chỉ có những người can đảm và dũng cảm mới có thể tham gia được hết các hoạt động vui chơi, Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu phá tại thác I-goa-zu.  + xông vào trung tâm “họng quỷ” với lượng nước 450 000 mét khối mỗi giây.  + đi xe điện trên đường ray lớn, leo lên lồng sắt, chìm dần từ mỏm núi cao xuống sát mép nước sông I-goa-zu cuộn xiết.  + Tàu chao đảo, nước xoáy, lòng thuyền bị nước té ngập quá mắt cá chân.  + Tiếng nước gầm thét ào ào, biển nước cuồn cuộn và Thiên nhiên hùng vĩ nhưng rất dữ dội bởi tiếng nước chảy mạnh, chảy xiết, lạnh ngắt. |

**NHIỆM VỤ 3: TỔNG KẾT.**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi:

- GV yêu cầu HS thảo luận:

+ Phân tích nghệ thuật miêu tả của tác giả thể hiện trong văn bản, dẫn ra một số câu văn giàu hình ảnh giúp người đọc như được chứng kiến con thác cùng tác giả.

+ Các hình ảnh trong văn bản có tác dụng bổ sung thông tin và khơi gợi cảm xúc của người đọc như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- HS trình bày sản phẩm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng

GV chốt lại kiến thức.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **III. Tổng kết.**  **1. Nội dung.**  Văn bản Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu giới thiệu chuyến đi Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-zu thám hiểm vẻ đẹp của thác I-goa-zu, một vẻ đẹp hoang dã, dữ dội, độc đáo.  **2. Nghệ thuật**  Biện pháp so sánh giúp người đọc cảm nhận chân thực cảnh quan thiên nhiên cũng như sự dữ dội tại thác I-goa-zu. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG (23 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi và thảo luận nhóm thông qua Phiếu trắc nghiệm:

+ Ở Việt Nam có những thác nước nổi tiếng nào? Em hãy tìm hiểu thông tin về một con thác mà em thích để giới thiệu với mọi người.

**PHIẾU TRẮC NGHIỆM.**

**Câu 1:** Thác nước I-goa-du nằm ở vùng biên giới giữa hai quốc gia nào?

**1. Bra-xin và Ác-hen-ti-na.** 2. Bra-xin và Trung Quốc.

3. Nhật Bản và Hàn Quốc. 4. Thái Lan và Việt Nam.

**Câu 2:** NOWC là tên viết tắt của tổ chức nào?

1. Tổ chức Thương mại thế giới. **2. Tổ chức Bảy kì quan thiên nhiên thế giới mới.**

3. Tổ chức Y tế thế giới. 4. Liên hợp quốc.

**Câu 4:** Thác nước I-goa-du có bao nhiêu ngọn thác?

1. 275 đến 400 ngọn thác. 2. 270 đến 400 ngọn thác.

**3. 275 đến 300 ngọn thác.** 4. 225 đến 300 ngọn thác.

**Câu 5:** Những ngọn thác của I-goa-du được so sánh với điều gì?

**1. Những làn mây trắng buông tỏa từ đỉnh trời.**

2. Những dải lụa trắng buông tỏa từ đỉnh trời.

3. Những mái tóc buông tỏa từ núi rừng.

4. Những mái tóc trắng buông tỏa từ đỉnh trời.

**Câu 6:** Nguyên nhân nào khiến cho lượng nước trong một giây từ đỉnh thác ụp xuống phần lãnh thổ biên thùy hai quốc gia ở chân thác I-goa-du lên đến 450.000 mét khối?

1. Vì độ cao của thác.

2. Do sự tác động của con người đến dòng chảy.

**3. Do sự đứt gãy kì vĩ của hiện tượng núi lửa phun trào từ thượng cổ, mảng kiến tạo lục địa được nâng cao rồi trồi sụt với độ dốc lớn.**

4. Do sự đứt gãy kì vĩ của hiện tượng núi lửa phun trào từ thượng cổ tạo khe nứt khiến dòng chảy mạnh hơn.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV nhận xét, đánh giá.

**-------Hết-------**

**Ngày soạn: 21/9/2025 Họ và tên giáo viên: Hồ Đình Phương**

**Tổ chuyên môn: Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1**

**NĂM HỌC: 2024-2025**

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: **9A2,9A6**

Thời gian thực hiện: 2 tiết (Từ tiết: 31 đến tiết: 32)

**--------\*&\*--------**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Ôn tập củng cố, hệ thống hóa kiến thức về loại, thể loại văn bản đã được đọc; tiếng Việt; kiểu bài viết; kiểu bài nói và nghe đã được học.

- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học, kĩ năng đã rèn luyện tập để giải quyết các bài tổng hợp.

- HS khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong 8 tuần đầu học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu văn bản, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt.

**2. Năng lực**

***a. Đọc hiểu văn bản:***

- Phát biểu được đặc điểm của các thể loại đã học: Thơ song thất lục bát; Truyện thơ Nôm.

- Liên hệ, mở rộng: thực hành làm một số bài tập vận dụng.

***b.Viết:*** Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát), Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)

***c. Nói và nghe:*** Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên), Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học)

***d. Tiếng Việt:*** Một số hiểu biết về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ; Điển tích, điển cố.

**3. Phẩm chất:**

**- Yêu nước:** Tự hào về truyền thống lịch sử và văn hóa dân tộc, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, phê phán những thói hư tật xấu, lên tiếng bảo vệ lẽ phải.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu; Kế hoạch bài dạy

- Tài liệu ôn tập bài học.

- Các phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Khơi kiến thức nền để học sinh bước vào giờ ôn tập hiệu quả.

**b. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Trò chơi “Ong nhỏ và mật hoa**”

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

Quản trò phổ biến luật chơi: Người dẫn chương trình đọc câu hỏi. Mỗi câu hỏi sẽ có 15s suy nghĩ và trả lời. HS được gọi phải đưa ra câu trả lời nhanh. Nếu quá 15s mà HS không đưa ra được câu trả lời đúng sẽ phải dừng cuộc chơi, người dẫn chương trình chọn tiếp một HS khác tiếp tục trả lời các câu hỏi còn lại.

**Gợi ý nhóm câu hỏi: Trình chiếu trên máy chiếu.**

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.**

**Nội dung 1. ÔN TẬP KIẾN THỨC ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, củng cố các đơn vị kiến thức: Hệ thống kiến thức về văn bản, viết, nói và nghe, về tiếng Việt đã học.

**b) Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Tổ chức dạy học dự án:**

- (GV chia lớp 5 nhóm, mỗi nhóm hoàn thiện một phiếu học tập theo yêu cầu giáo viên đã giao từ tiết học trước)

- Các nhóm tổ cử đại diện lên trình bày sản phẩm của nhóm; nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét KL/MC.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Ôn tập kiến thức về phần Đọc-Hiểu văn bản.**  **1. Đặc điểm Thơ song thất lục bát:**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm** | **Đặc điểm thơ song thất lục bát** | | *Khái niệm* | Là thể thơ kết hợp giữa thơ thất ngôn và thơ lục bát | | *Bố cục* | Mỗi khổ gồn 4 dòng thơ, một cặp thất ngôn và một cặp lục bát tạo thành một kết cấu trọn vẹn về ý cũng như về âm thanh, nhạc điệu | | *Gieo vần* | Mỗi khổ thơ có một vần trắc và 3 vần bằng, câu 6 chỉ có vần chân, 3 câu kia vừa có vần chân vừa có vần lưng. | | *Nhịp* | Các câu 7 có thể ngắt nghị 3/4 hoặc 3/2/2, hai câu 6 và 8 ngắt theo thơ lục bát |   **2. Hệ thống các văn bản Thơ và Thơ song thất lục bát đã học.**          **3. Đặc điểm của Truyện thơ Nôm.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Stt** | **Phương diện**  **thể hiện** | **Nội dung** | | **1** | **Khái niệm** | Truyện thơ Nôm là truyện thơ được viết bằng chữ Nôm thường dùng thể thơ lục bát để kể chuyện. Đặc điểm nổi bật của truyện thơ Nôm là sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình. Thể loại này phát triển mạnh và có nhiều thành tựu vào thế kỉ XVIII-XIX, hiện nay, còn lại khoảng trên 100 tác phẩm với những truyện tiêu biểu như: Truyện Hoa tiên (Nguyễn Huy Tự), Sơ kính tân trang (Câu chuyện mới về gương, lược-Phạm Thái), Truyện Kiều (Nguyễn Du), Bích Câu kì ngộ (Cuộc gặp gỡ kì lạ ở Bích Câu-Vũ Quốc Trân), Tống Trân-Cúc Hoa (khuyết danh), Truyện Lục Vân Tiên (Nguyễn Đình Chiểu),… Truyện thơ Nôm là thể loại có khả năng phản ánh sâu rộng hiện thực xã hội thông qua các câu chuyện kể về biến cố trong cuộc đời các nhân vật và cuộc đấu tranh để bảo vệ nhân phẩm, tình yêu của họ. | | **2** | **Cốt truyện** | Ở truyện thơ Nôm, cốt truyện đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng tác phẩm. Mô hình cốt truyện của truyện thơ Nôm gồm ba chặng: Gặp gỡ - Lưu lạc (hoặc thử thách) – Đoàn tụ. | | **3** | **Nhân vật** | Trong truyện thơ Nôm, nhân vật thường được chia thành hai tuyến đối lập nhau gồm các nhân vật chính diện (đại diện cho cái thiện, chính nghĩa) và các nhân vật phản diện (đại diện cho cái ác, phi nghĩa). Nhân vật chính diện và phản diện thường được xây dựng đối lập về phẩm chất theo từng cặp như: Từ Hải – Hồ Tôn Hiến (Truyện Kiều), Lục Văn Tiên – Trịnh Hâm (Truyện Lục Vân Tiên),… hoặc theo nhóm Thuý Kiều, Kim Trọng – Tú Bà, Mã giám Sinh; ông Tiều, ông Ngư – thái sư, thầy bói,… Nhân vật chính của truyện đóng vai trò kết nối các nhân vật ở hai tuyến chính diện và phản diện thông qua các ự kiện diễn ra trong cuộc đời mình. |   **4.** **Hệ thống các văn bản Truyện thơ Nôm đã học.**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Tên văn bản** | **Tác giả** | **Xuất xứ** | **Thể thơ** | **Giá trị ND** | **Đặc sắc NT** | | 1 | Cảnh ngày xuân (Trích Truyện Kiều) | Nguyễn Du | Đoạn trích nằm nằm ở phần 1 - Gặp gỡ và đính ước, sau đoạn Nguyễn Du miêu tả tài sắc của hai chị em Thúy Kiều, trước đoạn Kiều gặp mộ Đạm Tiên và Kim Trọng. | Lục bát | Đoạn thơ Cảnh ngày xuân là bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng. | - Sử dụng ngôn ngữ miêu tả giàu hình ảnh, giàu nhịp điệu, nhiều từ láy miêu tả cảnh vật và tâm trạng con người, diễn tả tinh tế tâm trạng nhân vật.  - Miêu tả theo trình tự thời gian cuộc du xuân của hai chị em.  - Tả cảnh thiên nhiên bằng những từ ngữ, hình ảnh giàu chất tạo hình. | | 2 | Kiều ở lầu Ngưng Bích (Truyện Truyện Kiều) | Nguyễn Du | Đoạn trích này nằm ở phần thứ hai: Gia biến và lưu lạc. | Lục bát | Đoạn trích đã miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi, đáng thương, nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo vị tha của Thúy Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích | Đoạn trích thành công ở nghệ thuật miêu tả nội tâm đặc sắc với bút pháp tả cảnh ngụ tình được coi là đặc sắc nhất trong Truyện Kiều. | | 3 | Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga (Trích Truyện Lục Vân Tiên) | Nguyễn Đình Chiểu | Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” nằm ở phần đầu của truyện. | Lục bát | Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” đã thể hiện khát vọng hành đạo giúp đời của tác giả và khắc họa những phẩm chất tốt đẹp của hai nhân vật: Lục Vân Tiên tài ba dũng cảm, trọng nghĩa khí; Kiều Nguyệt Nga hiền hậu nết na, ân tình. | - Thể thơ lục bát quen thuộc kết hợp với lối văn tự sự thơ.  - Ngôn ngữ hết sức giản dị và đời thường.  - Khắc hoạ nhân vật qua lời nói, hành động. | |

**NỘI DUNG 2: ÔN TẬP KIẾN THỨC VỀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Những hiểu biết cơ bản về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ?

- Thế nào là Điuển cố; Điển tích?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc BT 3 và thảo luận theo bàn để hoàn thành BT.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3 HS trình bày bài làm trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **II. Nội dung kiến thức phần Tiếng Việt.**  **1. Sơ giản về chữ Nôm.**  **1.1. Nguồn gốc:**  - Chữ Nôm là chữ viết cổ dùng để ghi âm tiếng Việt, được cha ông ta sáng tạo dựa theo kí hiệu văn tự Hán.  - Thời gian: chữ Nôm manh nha ở Việt Nam vào khoảng từ thế kỉ VIII đến thế kỉ IX, hình thành và hoàn thiện vào khoảng từ cuối thế kỉ X đến thế kỉ XII.  (Giáo viên lưu ý học sinh: Hàn Thuyên được cho là người có công đầu trong việc phát triển, phổ biến chữ Nôm. Nhiều tác giả đã sử dụng chữ Nôm trong sáng tác, tạo nên dòng văn học Nôm với nhiều thành tựu xuất sắc như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến,...)  **1.2. Phương thức cấu tạo chữ Nôm:** Chữ Nôm được cấu tạo theo hai phương thức chính:  ***- Phương thức vay mượn:*** dùng chữ Hán có sẵn để ghi âm tiết tiếng Việt giống hoặc gần giống âm Hán Việt của chữ Hán đó.  ***- Phương thức tự tạo:*** kết hợp kí hiệu văn tự Hán với kí hiệu chỉnh âm để tạo ra một chữ Nôm.  => Sự ra đời của chữ Nôm thể hiện tinh thần tự cường, tự tôn dân tộc. Chữ Nôm góp phần quan trọng vào quá trình phát triển của nền văn học và văn hoá dân tộc.  **2. Sơ giản về chữ Quốc ngữ.**  **2.1. Quá trình hình thành:**  - Chữ quốc ngữ là chữ viết dùng chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt.  - Chữ quốc ngữ được hình thành từ đầu thế kỉ XVII, gắn với quá trình truyền đạo Công giáo tại Việt Nam. Sang thế kỉ XX, chữ quốc ngữ được sử dụng phổ biến, thay thế dần cho chữ Hán, chữ Nôm. Từ năm 1945, chữ quốc ngữ có vị thế văn tự chính  thức của quốc gia.  (Giáo viên lưu ý học sinh: Những người có công lớn trong việc sáng tạo, hoàn thiện, truyền bá chữ quốc ngữ là giáo sĩ Phran-xít-xcô đờ Pi-na, giáo sĩ A-lếch-xăng đờ Rốt, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của,...)  **2.2. Đặc điểm:**  Chữ và âm, cách đọc và cách viết chữ quốc ngữ có sự thống nhất. Bởi thế, chỉ cần học thuộc bảng chữ cái, nắm được nguyên tắc ghép vần là có thể đọc được tất cả các chữ trong tiếng Việt.  **3. Điển tích; Điển cố.**  **- Điển tích** là câu chuyện trong sách xưa, được dẫn lại một cách cô đúc trong văn bản của các tác giả đời sau.  **- Điển cố** là sự việc hay câu chữ trong sách xưa, được dẫn lại trong văn bản của các tác giả đời sau.  - Những tích truyện, kinh sách, từ ngữ, lời thơ... khi đã thành điển tích, điển cố đều được xem là mẫu mực, giàu ý nghĩa, cho nên các tác giả thường sử dụng để gia tăng tính hàm súc, uyên bác, gợi liên tưởng phong phú cho người đọc. Điển tích, điển cố có quá trình hình thành và phát triển lâu dài, gắn với văn hoá, văn học của thời xa xưa. Do đó, để hiểu được ý nghĩa của điển tích, điển cố trong tác phẩm, người đọc cần tìm hiểu qua chú giải hoặc tra cứu tài liệu có liên quan.  **Lưu ý:** Điển tích, điển cố là hai khái niệm gần gũi nhau, sự phân biệt chỉ có tính tương đối. Vì thế, nhiều lúc điển tích, điển cố được gọi chung là điển. |

**Nội dung 3: Viết**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu câu hỏi: Thế nào là Phân tích một tác phẩm thơ.

Những điểm cần chú ý phân tích một tác phẩm thơ?

- GV khuyến khích HS suy nghĩ và trả lời theo ý kiến cá nhân những trải nghiệm mà HS có được.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe câu hỏi, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS; yêu cầu HS viết bài học kinh nghiệm của mình vào vở.

- GV nhắc lại cho HS về một số điểm lưu ý khi làm một bài thơ.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **III. Hoạt động Viết.**  **1. Phân tích một tác phẩm thơ là gì?**  Là phân tích những từ ngữ, hình ảnh, nhịp điệu, giọng điệu, biện pháp tu từ... được sử dụng trong bài thơ để từ đó làm nổi bật những tư tưởng, tình cảm mà tác giả muốn gửi gắm qua tác phẩm.  **2. Để viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ, các em cần chú ý:**  – Đọc kĩ bài thơ được phân tích, chú ý đặc điểm thể loại, tác giả và bối cảnh ra đời (nếu cần thiết) của tác phẩm.  – Phân tích nội dung và các yếu tố hình thức nghệ thuật nổi bật của bài thơ. Chỉ ra mối quan hệ giữa hình thức và nội dung; từ đó, làm rõ giá trị của các yếu tố hình thức trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm.  – Thực hiện các bước viết bài nghị luận theo quy trình bốn bước: chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý, viết, kiểm tra và chỉnh sửa.  – Suy nghĩ, nhận xét về ý nghĩa, giá trị và sự tác động của tác phẩm đối với người đọc cũng như với cá nhân em.  **3. Việc kiểm tra, chỉnh sửa cần chú ý những yêu cầu chung sau đây:**   |  |  | | --- | --- | | **Phương diện kiểm tra** | **Câu hỏi kiểm tra** | | **Nội dung** | **Mở bài:** Đã giới thiệu khái quát nội dung văn bản chưa? (Ở bài viết này là giới thiệu khái quát về bài thơ Khóc Dương Khuê)  **Thân bài:**  + Có nêu được các nội dung cụ thể làm rõ cho luận đề đã nêu ở mở bài không? (Ở bài viết này luận đề cần làm rõ là tình cảm sâu nặng của tác giả đối với người bạn của mình qua bài thơ Khóc Dương Khuê)  + So với dàn ý, bài viết còn thiếu ý nào? Các ý có được sắp xếp phù hợp không? Ý nào trong bài trùng lặp nhau?  + Có nêu được các lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, thuyết phục không?  + Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt và các thao tác khác trong khi viết hay chưa? (Ở bài viết này là kết hợp phân tích với giải thích, chứng minh, so sánh, biểu cảm... trong khi nghị luận.)  + Có nêu được những suy nghĩ và cảm xúc riêng không?  **Kết bài:**  Đã khái quát, tổng hợp vấn đề được trình bày chưa? (Ở bài viết này là những suy nghĩ và cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ Khóc Dương Khuê.) | | **Hình thức** | + Bài viết đã có đủ ba phần chưa? Độ dài của các phần có cân đối không?  + Bài viết còn mắc những lỗi gì về trình bày, trích dẫn, dùng từ, đặt câu, chính tả...? | | **Đánh giá chung** | + Bài viết đáp ứng yêu cầu ở mức độ nào?  + Em thấy thuận lợi hoặc khó khăn nhất khi thực hiện phần nào trong khi thực hành viết? Vì sao?  + Thành công nhất của bài viết là gì? |   **4. Các kiểu bài viết ở giữa học kỳ 1.**  **Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát)**  - Giới thiệu khái quát về tác phẩm thơ song thất lục bát (tác giả, tác phẩm), nêu được nhận định chung của người viết.  - Làm rõ được nội dung và chủ đề của tác phẩm.  - Phân tích được nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm, tập trung vào yếu tố đặc trung của thơ song thất lục bát và tác dụng của thể thơ này trong việc thể hiện nội dung của tác phẩm.  - Triển khai được hệ thống luận điểm chặt chẽ, sử dụng lí lẽ và bằng chứng xác đáng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.  - Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG (38 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về nội dung các bài đã học.

**b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

**c. Sản phẩm học tập:** Những kiến thức HS đã học được ở các bài và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận nhắc lại những kiến thức đã học được ở Bài 1, Bài 2,.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp, nhắc lại những kiến thức đã học.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chốt nội dung bài học

**Nhiệm vụ 2:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận, tập phân tích một tác phẩm thơ cụ thể.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Các nhóm thảo luận, phân tích một tác phẩm thơ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện các nhóm đọc bài thơ của nhóm mình trước lớp, sau đó cho cả lớp bình chọn bài thơ hay nhất.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**ĐỀ THAM KHẢO**

**Phần 1: Trắc nghiệm**

**Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu**

*Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước*  
*Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.*  
*Ngoài rèm thước chẳng mách tin,*  
*Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?*

*Đèn có biết dường bằng chẳng biết*  
*Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi*  
*Buồn rầu nói chẳng nên lời*  
*Hoa đèn kia với bóng người khá thương.*

*Gà eo óc gáy sương năm trống*  
*Hoè phất phơ rủ bóng bốn bên.*  
*Khắc giờ đằng đẵng như niên*  
*Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.*

*Hương gượng đốt hồn đà mê mải*  
*Gương gượng soi lệ lại châu chan*  
*Sắt cầm gượng gảy ngón đàn*  
*Dây uyên kinh đứt phím loan ngại chùng.*

*(Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ - trích Chinh phụ ngâm)*

**Câu 1:** Những tư tưởng nào dưới đây được thể hiện trong tác phẩm chinh phụ ngâm?

A. Oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa

B. Khao khát tình yêu, hạnh phúc lứa đôi

C. Ca ngợi sự đảm đang chung thủy của người chinh phụ

**D. Cả A và B**

**Câu 2:** Bản dịch “Chinh Phụ Ngâm” của Đoàn Thị Điểm được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú Đường luật. **B. Song thất lục bát**

C. Lục bát. D. Lục bát biến thể

**Câu 3:** Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ là gì?

A. Nỗi nhớ thương chồng mà bất lực.

B. Nỗi oán hờn khi phải xa chồng

**C. Tình cảnh lẻ loi, cô đơn khao khát hạnh phúc**

D. Sự chán nản tuyệt vọng trong nỗi cô đơn

**Câu 4:** Các câu thơ sau:

*Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước,*

*Ngồi rèm thưa ru thác đòi phen.*

*Ngoài rèm thưa thước chẳng mách tin,*

*Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?*

Có thể được hiểu là:

A. Hành động đi đi lại lại trong hiên vắng của người chinh phụ

B. Hành động rủ rèm, cuốn rèm của người chinh phụ

**C. Trạng thái mệt mỏi của chinh phụ trong cảnh đợi chờ người chồng xa cách biền biệt**

D. Tất cả đều đúng

**Câu 5:** Dòng nào dưới đây nhận xét không đúng về Chinh phụ ngâm?

A. Cảm động trước nỗi đau của con người, nhất là của những người vợ lính trong chiến tranh là động lực để Đặng Trần Côn viết nên khúc ngâm xuất sắc này.

B. Khúc ngâm nói lên sự oán ghét chiến tranh phong kiến phi nghĩa.

C. Khúc ngâm thể hiện tâm trạng khát khao tình yêu, hạnh phúc lứa đôi.

**D. Khúc ngâm được viết theo thể thơ lục bát.**

C**âu 6:** Ý nào dưới đây khái quát chính xác nhất về tình cảnh- tâm trạng của chinh phụ trong đoạn trích " Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ"?

**A. Tình cảnh - tâm trạng lẻ loi, buồn nhớ, khát khao.**

B. Tình cảnh-tâm trạng xa cách nhớ thương.

C. Tình cảnh-tâm trạng mòn mỏi mong chờ.

D. Tình cảnh-tâm trạng côi cút bi thương, oai oán.

**Phần 2: Viết**

Viết bài văn phân tích đoạn thơ trên.

**-------Hết-------**

**Ngày soạn: 21/09/2025**

Họ và tên giáo viên: **Hồ Đình Phương**

Tổ chuyên môn: **Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1**

**NĂM HỌC: 2025-2026**

**(ĐỀ KIỂM TRA TẬP TRUNG)**

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: **9A2,9A6**

Thời gian thực hiện: 02 tiết (Từ tiết: 35 đến tiết: 36 )

**--------\*&\*--------**

**Ngày soạn: 22/9/2025 Họ và tên giáo viên: Hồ Đình Phương**

**Tổ chuyên môn: Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Bài 3: VĂN BẢN THÔNG TIN**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**NGHĨA VÀ CÁCH DÙNG TÊN VIẾT TẮT**

**CỦA CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ.**

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: **9A2,9A6**

Thời gian thực hiện: 1 tiết (Tiết: 37)

**--------\*&\*--------**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức.**

Sau bài học này, HS sẽ:

- HS nhận biết được nghĩa và cách dùng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế.

- HS biết vận dụng nghĩa và tên viết tắt của các tổ chức quốc tế trong hoàn cảnh phù hợp.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự học và tự chủ: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến bài học; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được nghĩa và cách dùng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế.

- Biết cách vận dụng vào tạo lập văn bản một cách thành thục.

**3. Phẩm chất**

- Có trách nhiệm trong việc thực hiện nhóm và vận dụng trong tạo lập văn bản.

- Ý thức sử dụng tên viết tắt các tổ chức quốc tế hợp lí trong quá trình giao tiếp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

**1. Thiết bị:** - Kế hoạch bài dạy; Sách giáo khoa; Sách giáo viên; Máy tính, máy chiếu…

- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà;

**2. Học liệu:** - Hình ảnh, video phiếu học tập có liên quan đến nội dung của bài học.

- Sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học…

- Bảng giao nhiệm vụ học tập đã chuẩn bị ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (7 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi cho HS nghiên cứu trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi: *Theo em việc hiểu rõ về nghĩa và tên viết tắt của các tổ chức quốc tế có ý nghĩa như thế nào trong đời sống?*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS liên hệ thực tế, dựa vào hiểu biết của bản thân cùng trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm giành quyền trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, giành quyền trả lời (nếu nhóm bạn trả lời sai).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá chốt đáp án:** Hiểu rõ nghĩa và tên viết tắt các tổ chức quốc tế có ý nghĩa quan trọng trong đời sống. Các tổ chức quốc tế đóng vai trò quan trọng trong nhiều lĩnh vực như y tế, giáo dục, môi trường và nhân quyền. Điều này giúp chúng ta mở rộng kiến thức về các vấn đề quốc tế, vấn đề toàn cầu. Khi giao tiếp, nếu chúng ta hiểu nghĩa của các tên viết tắt này, chúng ta có thể sử dụng chúng một cách chính xác và truyền đạt ý nghĩa một cách rõ ràng.

**- GV dẫn dắt vào bài học mới:** Khi sử dụng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế, có một số quy tắc và hướng dẫn cần tuân thủ để đảm bảo sự rõ ràng và chính xác. Khi đọc một văn bản thông tin, tác giả thường viết tắt tên các tổ chức quốc tế, nếu không hiểu nghĩa và biết quy tắc sẽ gây hiểu lầm về nội dung bài viết. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về nghĩa và cách dùng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15 phút)**

**a. Mục tiêu:** HS có cái nhìn bao quát kiến thức Ngữ văn về Nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức Quốc tế. Để từ đó học sinh có định hướng sử dụng cho đúng trong quá trình giao tiếp.

**b. Nội dung:** Làm việc cá nhân, nghiên cứu sách giáo khoa, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, phiếu học tập đã có phương án trả lời.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu học sinh đọc phần kiến thức liên quan đến nội dung bài học ở Mục 2, SGK, trang 57.

- GV nêu câu hỏi:

+ Việc sử dụng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế có tác dụng gì?

+ Cần chú ý gì khi viết tắt tên các tổ chức trên thế giới?

+ Vì sao tên của các tổ chức quốc tế hay được vết tắt?

+ Tên viết tắt của các tổ chức quốc tế được tạo ra bằng cách nào?

+ Vì sao chúng ta cần tìm hiểu về tên viết tắt của các tổ chức quốc tế trên thế giới?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS nghe và theo dõi**

- GV hướng dẫn, hỗ trợ.

- HS làm việc cá nhân

**Bước 3: HS báo cáo, thảo luận**

- GV tổ chức học sinh báo cáo kết quả thực hiện hoạt động.

- HS thực hiện báo cáo, nhận xét, bổ sung ý kiến.

**Bước 4: Kết luận**

- GV kết luận, chốt lại nhiệm vụ.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Kiến thức cơ bản.**  **1. Tác dụng của việc sử dụng tên viết tắt của các tổ chức quốc tế.**  Trong giao dịch hiện nay, tên của các tổ chức quốc tế thường xuyên được nhắc tới. Để tiết kiệm thời gian và kinh phí in ấn tài liệu, người ta thường sử dụng tên viết tắt của những tổ chức này. Tên viết tắt được tạo ra bằng cách ghép các chữ cái đầu của các từ trong tên đầy đủ.  **Ví dụ:** WTO: World Trande Organization (Tổ chức Thuơng mại Thế giới), IOC: International Olympic Committee (Uỷ ban Olympic Quốc tế).  **2. Cách sử dụng.**  Để giao dịch được thuận lợi, trong lần đầu tiên văn bản nhắc đến tên các tổ chức nói trên, người ta thường sử dụng tên viết tắt gắn với tên đầy đủ, ví dụ:  - Dùng tên viết tắt để chú thích sau tên đầy đủ tiếng Việt: “Theo đánh giá của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Việt Nam sẽ dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2004.” (Theo Phí Như Chanh).  - Dùng tên đầy đủ tiếng Việt chú thích sau tên viết tắt tiếng Anh: Theo đánh giá của ADB (Ngân hàng Phát triển châu Á), Việt Nam sẽ dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2004.  **Lưu ý:** Trong tiếng Việt , tên viết tắt của các tổ chức quốc tế, dù viết bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp, tiếng Đức,… cũng cần được đọc theo tên chữ cái tiếng Việt (với một số ngoại lệ và một số chữ cái tiếng nước ngoài: D đọc là “Đê”; O đọc là (Ô); F đọc là (Ép-phờ); W đọc là “Vê-kép”; Z đọc đọc là “Giét”.). Ví dụ: ADB phát âm là “A Đê Bê”, chứ không phải là “Ây Đi Bi”; WTO phát âm là “Vê-kép Tê Ô”, chứ không phải là “Đấp-bliu Ti Âu” theo chữ cái tiếng Anh. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (15 phút)**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh củng cố lại nội dung kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi theo hệ thống câu câu trong SGK.

- Học sinh lắng nghe và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giáo viên.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và chia sẻ

- GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV nhận xét, đánh giá.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **II. Luyện tập.**  **Câu 1.**Ghép tên viết tắt của các tổ chức quốc tế ở bên A với tên tiếng việt phù hợp ở bên B:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **A. Tên viết tắt** | **B. Tên tiếng Việt** | **C. Đáp án** | | a) EU | 1) Ngân hàng phát triển châu Á | **1-c** | | b) IAEA | 2) Tổ chức Y tế Thế giới | **2-e** | | c) ADB | 3) Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc | **3-d** | | d) UNICEF | 4) Liên minh châu Âu | **4-a** | | e) WHO | 5) Cơ quan Năng lượng nguyên tử Quốc tế | **5-b** |   **Câu 2.** Tìm tên viết tắt của các tổ chức quốc tế phù hợp với mỗi kí hiệu \* trong những câu dưới đây:  a. Theo đánh giá của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (\*) và Ngân hàng Thế giới (\*) kinh tế thế giới năm 2003 đạt mức tăng trưởng 3,2%. (Theo Phí Như Chanh)  b. Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (\*) là một sự kiện quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội của nước ta. (Theo Uỷ ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế quốc tế).  **Gợi ý.**  **a.**  - Quỹ Tiền tệ Quốc tế: IMF  - Ngân hàng Thế giới: WB  **b.** Tổ chức Thương mại Thế giới: WTO  **Câu 3.** Tìm ba tên viết tắt của các tổ chức quốc tế mà em biết (ngoài những tên đã có ở bài tập 1,2). Nêu tên tiếng Việt của tổ chức đó.  **Gợi ý.**  - Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)  - Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF)  - Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU)  - Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (8 phút)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) trình bày hiểu biết của em về một tổ chức quốc tế mà Việt Nam tham gia, trong đoạn văn có sử dụng tên viết tắt của tổ chức đó.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện trả lời câu hỏi.

- GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

GV nhận xét, đánh giá.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) trình bày hiểu biết của em về một tổ chức quốc tế mà Việt Nam tham gia, trong đoạn văn có sử dụng tên viết tắt của tổ chức đó.  **Dự kiến sản phẩm.**  **Đoạn 1.**  Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là một tổ chức kinh tế, văn hóa và xã hội của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Vào ngày 8 tháng 8 năm 1967, tổ chức được thành lập. Các thành viên bao gồm Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Singapore, và Philippines. Mục đích là thiết lập tình đoàn kết giữa các nước, đồng thời hợp tác chống tình trạng bạo động và bất ổn tại những nước thành viên. Hàng năm, các nước thành viên đều tổ chức các cuộc hội họp chính thức để trao đổi hợp tác. Ngày 28 tháng 7 năm 1995, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN.  **Đoạn 2.**  UNICEF là viết tắt của Quỹ Nhi Đồng Liên Hiệp Quốc. UNICEF đảm nhận trách nhiệm hỗ trợ trẻ em trên toàn thế giới, cải thiện sức khỏe cho trẻ em và hỗ trợ các em cũng như các bà mẹ bị ảnh hưởng bởi HIV, thúc đẩy môi trường sống sạch sẽ, nâng cao chất lượng giáo dục, v.v. Kể từ khi hoạt động tại Việt Nam, UNICEF đã triển khai nhiều dự án và chương trình nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho trẻ em. Đặc biệt, nhờ vào chương trình tiêm chủng của UNICEF, ngày càng có nhiều trẻ em, đặc biệt là ở vùng khó khăn, được bảo vệ sức khỏe. Các hoạt động của UNICEF đem lại nhiều lợi ích thực sự và mang ý nghĩa sâu sắc. |

**-------Hết-------**

**Ngày soạn: 24/9/2025**

Họ và tên giáo viên: **Hồ Đình Phương**

Tổ chuyên môn: **Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Bài 3: VĂN BẢN THÔNG TIN**

**THỰC HÀNH ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN:**

**VƯỜN QUỐC GIA TRÀM CHIM-TAM NÔNG.**

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: 9A2,9A6

Thời gian thực hiện: 2 tiết (Từ tiết: 38 đến tiết: 39 )

**--------\*&\*--------**



**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức.** Sau bài học này, HS sẽ:

- HS nhận biết và phân tích được ý nghĩa nhan đề, thông tin cơ bản, đặc điểm văn bản và mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh. Từ đó, hình thành, rèn luyện năng lực đọc hiểu văn bản thông tin thuyết mình về một danh lam thắng cảnh.

- HS yêu thiên nhiên, yêu động vật.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự học và tự chủ: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh đề hiểu về văn bản thông tin thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác để giải quyết vấn đề về văn bản Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến bài học; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Vườn quốc gia Tràm chim-Tam Nông.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận cá nhân về văn bản Vườn quốc gia Tràm chim-Tam Nông.

**3. Phẩm chất**

- Yêu thiên nhiên, yêu động vật.

- Có ý thức bảo vệ các loài động vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

**1. Thiết bị:** - Kế hoạch bài dạy; Sách giáo khoa; Sách giáo viên; Máy tính, máy chiếu…

- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà;

**2. Học liệu:** - Hình ảnh, video phiếu học tập có liên quan đến nội dung của bài học.

- Sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học…

- Bảng giao nhiệm vụ học tập đã chuẩn bị ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (7 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV trình chiếu video và nêu câu hỏi để HS suy nghĩ trả lời.



**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

- GV trình chiếu video và nêu câu hỏi: Quan sát video dưới đây, em hãy trình bày suy nghĩ, cảm nhận về vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông.

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- HS liên hệ thực tế, dựa vào hiểu biết của bản thân cùng trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận.**

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm giành quyền trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, giành quyền trả lời (nếu nhóm bạn trả lời sai).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**

**- GV nhận xét, đánh giá chốt đáp án:** HS chia sẻ cảm nhân và suy nghĩ sau khi xem xong video.

**GV có thể gợi ý:**

Vườn quốc gia Tràm Chim-Tam Nông là nơi phát triển của thảm thực vật phong phú, với nhiều loài vật khác nhau. Có Sếu đầu đỏ, lớn nhất trong họ Hạc-một tài sản thiên nhiên vô giá của Vườn quốc gia Tràm Chim-Tam Nông ở Đồng Tháp. Nơi đây rộng lớn, mênh mông với nhiều cây cỏ tươi tốt, là nơi ở lý tưởng của các loài động vật.

**GV dẫn dắt vào bài:** Như vậy, khi xem video các em đã hình dung được quang cảnh thiên nhiên và động vật tại nơi đây. Để có thể hiểu kĩ hơn về sự tươi đẹp, thanh bình và nét độc đáo của Tràm Chim, hãy cùng khám phá qua bài học Vườn quốc gia Tràm Chim-Tam Nông.

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (60 phút)**

**Nội dung 1: Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đọc văn bản thông tin và nội dung liên quan về tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn cách đọc. GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.

- HS lắng nghe.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ và chia sẻ

- GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Tìm hiểu chung.**  **1. Đọc văn bản:** SGK, trang 69-71.  **2. Xuất xứ-Thể loại-Phbđ.**  **a. Xuất xứ:** Theo dulichviet.net.vn, 09-12-2018.  **b. Thể loại:** Văn bản thông tin.  **c. Ptbđ:** Thuyết minh.  **3. Bố cục:** 5 phần (Nội dung chính của mỗi phần được đánh số trong văn bản):  a. Giới thiệu chung về vườn quốc gia Tràm Chim.  b. Giới thiệu về loài sếu đầu đỏ.  c. Hiện tượng sếu xuất hiện và biến mất, sự bảo tồn đàn sếu ở Tràm Chim.  d. Những đặc điểm sinh học và tập tính của sếu đầu đỏ ở Tràm Chim.  đ. Nhận xét khái quát về giá trị của sếu đầu đỏ và sự bảo tồn loài sếu này ở Tràm Chim.  **4. Nội dung khái quát:**  Văn bản Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông giới thiệu cho người đọc cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, thanh bình của Tràm Chim. Đặc biệt, văn bản giúp chúng ta biết thêm được những thông tin lí thú về loài sếu cổ trụi đầu đỏ quý hiếm. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện và nắm bắt được những thông tin liên quan đến nội dung văn bản.

- Nhận diện và hiểu được giá trị đời sống vật chất và tinh thần của Tràm chim-Tam Nông mang lại.

- Viết bài văn thuyết minh một danh lam thắng cảnh mà em biết.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi:

+ Nhan đề Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông cho em biết những thông tin gì? So với hai văn bản Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ và Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-du, cách đặt nhan đề bài viết này có gì khác?

+ Đoạn mở đầu cho biết thông tin gì? Tại sao sếu đầu đỏ được tập trung nói nhiều ở văn bản này? Vì sao có hiện tượng sếu biến mất và xuất hiện?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- HS trình bày sản phẩm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng

- GV chốt lại kiến thức.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **II. Tìm hiểu chi tiết.**  **1. Nhan đề văn bản**  Nhan đề Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông cho chúng ta biết được nội dung văn bản sẽ nói về khu bảo tồn thiên nhiên Tràm Chim ở Tam Nông.  **Giáo viên chú ý cho học sinh tương tác với các văn bản đã học:** So với hai văn bản Vịnh Hạ Long: một kì quan thiên nhiên độc đáo và tuyệt mĩ và Khám phá kì quan thế giới: thác I-goa-du, cách đặt nhan đề bài viết này có chút khác biệt là nhan đề không khẳng định vẻ đẹp độc đáo gì của vườn quốc gia này mà để chỉ nêu tên địa danh để thôi thúc người đọc muốn tìm hiểu, khám phá.  **2. Nội dung văn bản.**  **a. Thông tin đoạn 1.**  - Vườn quốc gia Tràm Chim thuộc huyện Tam nông – tỉnh Đồng Tháp, là khu rừng có nhiều chim sinh sống.  - Vườn quốc gia Tràm Chim có cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp, thanh bình, thu hút nhiều du khách.  - Đa dạng các loài sinh vật:  + Thực vật: có những đám rừng lau, sậy, sen, súng, lúa ma, lác, năng,…  + Động vật bò sát như trăn, rắn, lươn, rùa.  + Các loại cá đồng.  + Nhiều loài chim nước, cò, vịt trời, diệc, cồng cộc…  + Nhiều loài chim sếu, đặc biệt có nhiều sếu cổ trụi đầu đỏ quý hiếm.  => Khơi gợi người đọc muốn tìm hiểu, khám phá.  **b. Thông tin đoạn 2,3,4:** Tập trung giới thiệu về sếu đầu đỏ.  - Có nhiều ở Tràm Chim, là loài biểu trưng cho Tràm Chim này.  - Loài chim thường kéo đến vào mùa khô, ăn củ năng, sống thành đàn.  - Sếu chỉ sống ở vùng sinh thái tự nhiên cân bằng.  - Chúng có ngôn ngữ, tiếng kêu riêng để giao tiếp với nhau.  **- Đặc điểm sinh học:**  **+** màu lông xám nhạt, phơn phớt xanh màu ngọc trai, đầu và một phần cổ trụi lông, da đỏ sẫm.  + cao từ 1,5 đến 1,6 mét, lúc trưởng thành có thể nặng từ 10 đến 15 ki-lô-gam.  **- Giá trị nổi bật:**  + là “sứ thần của môi sinh”, là “nhà quý tộc đáng yêu trong các loài chim”.  + như một minh chứng cho sự cân bằng sinh thái tự nhiên ở khu vực này.  + thu hút nhiều khách du lịch đến tham quan tại Tràm Chim.  **- Hiện tượng biến mất và xuất hiện:**  + Sự biến mất của loài sếu là do sự di dân ồ ạt của con người và chiến tranh kéo dài làm cho hệ sinh thái thay đổi.  + Sếu xuất hiện trở lại Tam Nông vì Tam Nông là vùng đất tự nhiên đảm bảo được sự cân bằng sinh thái cho loài sếu sinh sống.  **c. Thông tin đoạn 5.**  Đặt ra vấn đề: Bảo vệ loài sếu đầu đỏ quý hiếm được coi là khẩn thiết. |

**Nội dung 3. Tổng kết.**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV đặt câu hỏi:

- GV yêu cầu HS thảo luận:

+ Xác định nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- HS trình bày sản phẩm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → GV chốt lại kiến thức.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Văn bản đã cung cấp những thông tin cần thiết về sếu đầu đỏ tại Vườn quốc gia Tràm Chim-Tam Nông.  - Lời nhắc nhở cùng nhau bảo vệ loài chim quý hiếm này.  **2. Nghệ thuật**  - Từ ngữ đơn giản, dễ hiểu.  - Cách trình bày vấn đề khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (15 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:

Phân tích đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh thể hiện ở văn bản trên. Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản này.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

- HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → GV chốt lại kiến thức.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **Câu hỏi:**  Phân tích đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh thể hiện ở văn bản trên. Chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản này.  **Dự kiến sản phẩm.**  - Đặc điểm của văn bản thông tin giới thiệu một danh lam thắng cảnh thể hiện ở VB trên:  + Văn bản trình bày theo cách phân loại từng đối tượng đi từ việc quần thể động, thực vật phong phú và đa dạng sau đó tác giả đi nói về đặc điểm loại động vật đặc trưng nhất của Vườn quốc gia Tràm Chim là loại sếu đầu đỏ.  + Hình thức: chia thành từng đoạn văn, sử dụng yếu tố miêu tả, hình ảnh minh hoạ, sử dụng các từ ngữ chuyên ngành.  + Cấu trúc: Có đầy đủ 3 phần.  - Mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản này: Văn bản Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông đã thể hiện rõ đặc điểm của văn bản thuyết minh về một danh lam thắng cảnh nhằm cung cấp cho người đọc thông tin về Vườn quốc gia Tràm Chim – Tam Nông và loại sếu đầu đỏ - loài chim quý hiếm, đặc trưng của vường quốc qia này. |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (8 phút)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ**

Bằng những hiểu biết của mình, em hãy giới thiệu một danh lam thắng cảnh ở Việt Nam.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ trả lời

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

- HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV nêu kết luận.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **Đề bài:** Bằng những hiểu biết của mình, em hãy giới thiệu một danh lam thắng cảnh ở Việt Nam.  **Dự kiến sản phẩm.**  **\* Giới thiệu về vị trí của cảnh đẹp**  - Tràng An nằm cách trung tâm thành phố Ninh Bình 7km về hướng Tây.  - Cách di chuyển: gia đình em và các đoàn du lịch hay tới đây bằng xe ô tô, có nhiều cô chú, anh chị đi phượt bằng xe máy.  **\* Những nét đặc sắc ở nơi đây**  **- Về thiên nhiên:**  + Quần thể Tràng An – Tam Cốc rất rộng: hơn 6000 héc-ta.  + Có hệ thống núi đá vôi lâu đời, khoảng 250 triệu năm, núi bao quanh hồ.  + Có nhiều thung lũng, hồ, hang động: 31 hồ đầm, 48 hang động, trong đó có nhiều hang dài đẹp như Địa Linh, hang Mây… Bên trong hang, những nhũ đá vôi chảy xuống tạo thành nhiều hình thù đẹp mắt: hình con rùa, hình bầu sữa mẹ… Và còn rất nhiều hang khác với những tên gọi gắn liền với truyền thuyết như hang Nấu Rượu, hang Cơm…  + Điểm đặc biệt: hệ thống hang động thông nhau, có thể đi tham quan Tràng An theo đường thủy thành một vòng khép kín.  + Ngoài đầm hồ, còn có nhiều rừng ngập mặn, rừng núi đá vôi: có thể đi tham quan bằng đường bộ, leo núi.  **- Về con người:** con người nơi đây thật thà, mến khách; những người chèo thuyền đưa khách đi tham quan chính là những hướng dẫn viên du lịch am hiểu lịch sử địa phương.  **\* Giá trị văn hóa, lịch sử**  **- Quá khứ:** khi Đinh Bộ Lĩnh lập lên nhà Đinh, đóng đô ở Hoa Lư, Tràng An chính là Thành Nam của kinh đô, với núi rừng, ao hồ trùng điệp tạo thành lá chắn che chở cho kinh đô.  **- Hiện nay:**  + Được UNESCO công nhận là di sản thế giới: niềm tự hào của đất nước.  + Là nơi bảo tồn thiên nhiên; là một trong những nơi phật giáo phát triển (chùa Bái Đính), được chọn làm nơi diễn ra nhiều lễ hội Phật pháp của quốc gia và khu vực.  + Là một trong các địa điểm du lịch nổi tiếng thu hút khách du lịch, giúp phát triển kinh tế, du lịch, văn hóa quê hương. |

**-------Hết-------**

**Ngày soạn: 26/9/2025**

Họ và tên giáo viên: **Hồ Đình Phương**

Tổ chuyên môn: **Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Bài 3: VĂN BẢN THÔNG TIN**

**HOẠT ĐỘNG VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH VỀ**

**MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH.**

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: **9A2,9A6**

Thời gian thực hiện: 3 tiết (Từ tiết: 40 đến tiết: 42 )

**--------\*&\*--------**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Học sinh nắm được những kiến thức về cách viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- Kết hợp với nhận xét, đánh giá về giá trị của một danh lam thắng cảnh về văn hóa và lịch sử.

- Xác định được bố cục bài viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực tự học và tự chủ: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa để tìm hiểu về kiểu bài viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác để giải quyết vấn đề về cách viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến bài học; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- Năng lực so sánh, nhận xét đánh giá về một danh lam thắng cảnh.

- Năng lực trình bày, sử dụng lý lẽ và bằng chứng khi thực hành viết bài văn TM.

- Năng lực cảm thụ văn học: bình luận, nêu cảm nhận riêng về những chi tiết tiêu biểu trong bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- Năng lực phân tích, so sánh và diễn đạt rõ ràng mạch lạc.

**3. Phẩm chất**

- Củng cố kỹ năng phân tích, đánh giá khi viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- Giáo dục cho học sinh ý thức thu thập tài liệu về danh lam thắng cảnh, tập viết bài văn thuyết minh về danh lam thắng cảnh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà;

- SGK, SBT Ngữ văn 9; Sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học… Bảng giao nhiệm vụ học tập đã chuẩn bị ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (7 phút)**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối với kiến thức đã học buổi sáng để trả lời nhanh các câu hỏi Giáo viên giao.

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi để HS nghiên cứu trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

- GV đặt câu hỏi: Theo em, khi viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh cần tập trung vào yếu tố nào?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**

GV mời một số HS đứng dậy trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**

GV nhận xét chốt đáp án:

+ Khi tiến hành viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh cần chú ý các phương diện sau: nêu lên đặc điểm nổi bật của thắng cảnh đó, phân tích làm sáng tỏ vẻ đẹp và giá trị (vật chất lẫn tinh thần) của di sản được giới thiệu, có thể nêu hướng dẫn và lưu ý đối với khách khi đến tham quan.

- GV dẫn dắt vào bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh: *Trong tiết học buổi sáng chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu về cách viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh. Mỗi vùng miền trên đất nước ta đều có những phong cảnh thiên nhiên kì diệu được coi là danh lam thắng cảnh. Để giới thiệu và quảng bá rộng rãi các danh lam thắng cảnh áy, cần biết viết bài văn thuyết minh. Và trong bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau củng cố thêm một lần nữa về cách viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. (105 phút)**

**Nội dung 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức, rèn luyện kĩ năng viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

**b. Nội dung:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ:**

- Chia sẻ nội dung tìm hiểu của mình về kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- H/s: làm việc nhóm đôi hoàn thành PHT số 1.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** |
| Dựa vào phần Định hướng (SGK), hãy cho biết: |
| Thế nào là viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh? |
| Yêu cầu chung của kiểu bài này là gì. |
| Để viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh, các em cần lưu ý gì? |
| Nêu dàn ý chung của một bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh. |

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- Đại diện nhóm trình bày, HS nhóm khác nhận xét đánh giá.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi, điều hành quá trình học sinh thực hiện.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc nhóm của HS, chuẩn kiến thức, h/s điều chỉnh sản phẩm nếu cần.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Định hướng:**    **2. Để viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh, các em cần chú ý:** |

**Nội dung 2: Thực hành**

**Nhiệm vụ 1. Bước 1**

**a. Mục tiêu:** HS nắm vững được các bước viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được bài văn theo quy trình.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. GV giao nhiệm vụ học tập 1:**

- Yêu cầu HS đọc đề bài.

- Nhắc lại các bước viết bài văn nói chung, bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh nói riêng.

- Bước chuẩn bị cần những gì?

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ 1:**

- Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận 1:**

- HS trình bày;

- HS quan sát và tương tác.

**Bước 4. Kết luận, nhận định 1:**

- GV nhận xét và bổ sung. (chiếu pp).

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **II. Thực hành:**    **Quy trình các bước làm bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.**  **a. Bước 1:** Chuẩn bị viết  - Lựa chọn một danh lam thắng cảnh để viết.  - Trả lời các câu hỏi để định hướng cho bài viết: mục đích, người đọc là ai….  - Tìm các nguồn tài liệu liên quan đến danh lam thắng cảnh đó.  - Ghi chép các nhận xét đánh giá của cá nhân về thắng cảnh đó. |

**Nhiệm vụ 2. Bước 2,3,4**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức, rèn luyện kĩ năng viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

**b. Nội dung:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học khi viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh trả lời câu hỏi:

+ Yêu cầu đối với kiểu bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh là gì?

+ Các bước tiến hành viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh văn là gì?

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ.**

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận.**

- GV mời 1 – 2 HS trình bày các nội dung:

+ Yêu cầu.

+ Bước tiến hành.

- GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

- GV chuyển sang nội dung mới.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **II. Thực hành:**  **Quy trình các bước làm bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.**  **b. Bước 2:** Tìm ý, lập dàn ý.  \* Tìm ý:  - Trả lời các câu hỏi: đặc điểm của danh lam thắng cảnh đó?  - Giá trị và ý nghĩa về văn hóa và lịch sử của thắng cảnh đó?  - Lưu ý gì khi đến tham quan tại thắng cảnh đó?...  **\* Lập dàn ý:**  **1. Mở bài**  - Giới thiệu đối tượng thuyết minh: Danh lam thắng cảnh mà em định giới thiệu.  - Cảm nghĩ khái quát của em về danh lam thắng cảnh đó.  **2. Thân bài**  **a) Giới thiệu khái quát:**  - Vị trí địa lí, địa chỉ  - Diện tích  - Phương tiện di chuyển đến đó  - Khung cảnh xung quanh  **b) Giới thiệu về lịch sử hình thành:**  - Thời gian xây dựng, nguồn gốc hình thành  - Ý nghĩa tên gọi hoặc tên gọi khác (nếu có)  **c) Giới thiệu về kiến trúc, cảnh vật**  - Cấu trúc khi nhìn từ xa...  - Chi tiết...  **d) Ý nghĩa về lịch sử, văn hóa của danh lam thắng cảnh đó đối với:**  - Địa phương...  - Đất nước...  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại một lần nữa giá trị, ý nghĩa của đối tượng thuyết minh.  - Nêu cảm nghĩ của bản thân.  **c. Bước 3: Viết bài**  - Phát triển các ý thành đoạn văn.  - Nêu ý kiến đánh giá của mọi người về danh lam thắng cảnh đó.  **d. Bước 4:** Xem lại và chỉnh sửa.  phát hiện và sửa chữa các lỗi về dùng từ; đặt câu; dựng đoạn văn. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP/ VẬN DỤNG (23 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. GV giao nhiệm vụ học tập:**

*Bài tập 1: Lập dàn ý thuyết minh danh lam thắng cảnh: Chùa Một Cột.*

**Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh làm việc cá nhân, trả lời.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày.

- HS quan sát, tương tác.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét và bổ sung. (nếu cần).

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM.**

**I. Mở bài:**

Khi nhắc đến Hà Nội - thủ đô ngàn năm văn hiến, không thể không nhắc đến những danh lam thắng cảnh lịch sử, nghệ thuật độc đáo và đậm chất văn hóa. Trong số đó, Chùa Một Cột đã ghi dấu ấn sâu đậm trong lòng người dân Việt Nam và thu hút sự chú ý của du khách đến từ khắp nơi trên thế giới. Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu về di sản văn hóa độc nhất vô nhị này - Chùa Một Cột Hà Nội.

**II. Thân bài:**

*1. Vị trí và lịch sử hình thành:*

Chùa Một Cột tọa lạc ngay cạnh quần thể di tích lịch sử Quảng trường Ba Đình - Lăng Chủ Tịch, trung tâm quận Ba Đình, Hà Nội. Được khởi công xây dựng vào năm 1049 dưới thời vua Lý Thái Tông, chùa Một Cột trải qua nhiều giai đoạn tu sửa và mở rộng dưới triều đại vua Lý Nhân Tông và sau đó. Tuy đã từng chịu khổ hoạ và hư hỏng trong những cuộc chiến tranh, nhưng Chùa Một Cột đã được tôn tạo lại vào năm 1955.

*2. Kiến trúc độc đáo:*

Chùa Một Cột là một công trình kiến trúc độc đáo với hình dạng tượng trưng cho tâm linh và triết lý Đạo Phật. Cột trụ chính của chùa được xây dựng như một trụ đứng cao 4m, gồm hai cột đá ghép lại với nhau, tượng trưng cho lòng trung thành và sự cân bằng của con người. Đài Liên Hoa với hình vuông và các cột gỗ đỡ quanh nó tạo nên sự ổn định, thể hiện tinh thần hội tụ và đoàn kết. Mái chùa được lợp bằng ngói vảy truyền thống, màu đỏ gạch kết hợp với lớp rêu phong thời gian tạo nên vẻ đẹp thơ mộng và cổ kính.*3. Ý nghĩa và giá trị văn hóa:*

Chùa Một Cột không chỉ là biểu tượng thần thoại của thủ đô, mà còn là một công trình kiến trúc lịch sử và nghệ thuật độc đáo. Nét đẹp tinh tế của chùa thể hiện qua các hình tượng trên mặt nước, những tác phẩm điêu khắc đá, hội họa và chạm vẽ hành lang. Chùa Một Cột đã lọt vào danh sách kỷ lục châu Á với "Ngôi chùa có kiến trúc độc đáo nhất Châu Á," là niềm tự hào của dân tộc và điểm đến thu hút du khách thập phương.

**III. Kết bài:**

Chùa Một Cột Hà Nội không chỉ đơn thuần là một công trình kiến trúc nổi tiếng, mà còn là tấm gương sáng ngời thể hiện lòng trung thành với tôn giáo và văn hóa của người Việt. Sự duyên dáng và thanh khiết của Chùa Một Cột sẽ luôn là nguồn cảm hứng tinh thần và niềm tự hào văn hóa của dân tộc Việt Nam. Đến với Chùa Một Cột, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về sự hùng vĩ và đẹp đẽ của ngàn năm văn hiến mà Hà Nội - "Ngọc Phương Đông" mang trong lòng.

**-------Hết-------**

**Ngày soạn: 27/9/2025**

Họ và tên giáo viên: **Hồ Đình Phương**

Tổ chuyên môn: **Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Bài 3: VĂN BẢN THÔNG TIN**

**HOẠT ĐỘNG NÓI VÀ NGHE:**

**THUYẾT MINH VỀ**

**MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH.**

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: 9A2,9A6

Thời gian thực hiện: 2 tiết (Từ tiết: 43 đến tiết: 44)

**--------\*&\*--------**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

Sau bài học này, HS sẽ:

- HS nhận biết những yêu cầu về nội dung và hình thức của bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- HS biết cách lắng nghe và trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự học và tự chủ: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, để biết cách thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm, hợp tác để thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến bài học; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

**b. Năng lực đặc thù**

Nắm được yêu cầu cần có khi thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

**3. Phẩm chất**

Có ý thức trao đổi và lắng nghe về một ý kiến.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Kế hoạch bài dạy; SGK, SGV Ngữ văn 9; Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về tác giả, tác phẩm; Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà;

- SGK, SBT Ngữ văn 9; Sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học…

- Bảng giao nhiệm vụ học tập đã chuẩn bị ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (7 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi để HS nghiên cứu trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV đặt câu hỏi: Theo em, khi thuyết minh về một danh lam thắng cảnh cần chú ý điều gì?

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS liên hệ thực tế, dựa vào hiểu biết của bản thân cùng trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm giành quyền trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, giành quyền trả lời (nếu nhóm bạn trả lời sai).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án: Khi thuyết minh về một danh lam thắng cảnh cần chú ý những phương diện sau: nêu bật được đặc điểm độc đáo về phong cảnh, địa hình hoặc kiến trúc của danh lam thắng cảnh đó; giá trị văn hóa cũng như tầm quan trọng của danh lam thắng cảnh đối với cộng đồng địa phương; những lời khuyên hoặc thông tin cần thiết để giúp khách tham quan có trải nghiệm an toàn và thú vị.

**- GV dẫn dắt vào bài học mới:** *Việc thuyết minh về một danh lam thắng cảnh không chỉ đơn giản là mô tả một địa điểm đẹp mà còn là một phần quan trọng trong việc bảo tồn, phát triển và giới thiệu với mọi người về các giá trị văn hóa, thiên nhiên của đất nước và cộng đồng địa phương. Vậy có những lưu ý gì khi thuyết minh và các bước tiến hành làm bài thuyết minh như thế nào thì chúng ta hãy cùng tìm hiểu qua bài học ngày hôm nay nhé.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (60 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

- Biết được các kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự (con người trong mối quan hệ với tự nhiên)

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nội dung 1: Định hướng**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV đặt câu hỏi:

+ Trình bày hiểu biết của em về nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến.

+ Muốn nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến, các em cần lưu ý những gì?

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

- Các nhóm luyện nói.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Định hướng:**  1. Phần Viết đã hướng dẫn các em cách viết bài văn thuyết minh tổng hợp với yêu cầu giới thiệu một danh lam thắng cảnh Việt Nam. Ở phần Nói và nghe này, các em cần chuyển nội dung bài viết thành bài thuyết trình; nghĩa là sử dụng lời nói, giọng điệu và ngôn ngữ cơ thể phù hợp để trình bày lại nội dung bài viết. Bài này tập trung vào kĩ năng nói (thuyết minh, trình bày).  2. Để thuyết một cách hiệu quả, các em cần lưu ý:  - Nắm vững mục đích, đối tượng nghe và nội dung trình bày.  - Biết cách trình bày: cách nói, cách kết hợp, sử dụng sự hỗ trợ của thiết bị công nghệ và các yếu tố phi ngôn ngữ,…  - Có thái độ thân thiện, tôn trọng người nghe, trả lời đầy đủ các câu hỏi,… |

**Nội dung 2: Thực hành**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói.

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói.

- HS thực hiện nhiệm vụ

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.

- Các nhóm luyện nói

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **II. Thực hành:**  **Bài tập:** Giới thiệu về một danh lam thắng cảnh của Việt Nam mà em yêu thích.  **a. Chuẩn bị**  - Xem lại nội dung phần Viết theo yêu cầu thuyết minh kết hợp tự sự và miêu tả.  - Xem xét các yêu cầu đã nêu trong một 1. Định hướng.  - Chú ý bổ sung và sắp xếp hợp lí các ý của bài giới thiệu,…  **b. Tìm ý và lập dàn ý**  Xem dàn ý đã làm ở phần Viết, cân nhắc yêu cầu của bài nói để bổ sung, sắp xếp lại các ý cho mạch lạc, phù hợp với nội dung cần trình bày.  **c. Nói và nghe**  - Thực hành nói và nghe theo dàn ý đã làm.  - Tập trung vào các yêu cầu nói (trình bày) về nội dung thuyết minh về một danh lam thắng cảnh, kĩ thuật, cách thức thuyết minh và thái độ khi trình bày.  **Gợi ý:**  **- Mở đầu:** lời chào, giới thiệu bản thân  **- Nội dung chính:**  Việt Nam - mảnh đất hình chữ S với biết bao nhiêu những danh lam thắng cảnh đặc sắc. Nhưng có lẽ, đối với riêng tôi, mảnh đất Hà Nội - quê hương đã gắn bó với nhiều kỉ niệm tuổi thơ là đẹp nhất.  Hà Nội mang trong mình nét đẹp hài hòa giữa sự cổ kính và hiện đại. Trải qua những năm tháng chiến tranh hào hùng, thành phố đã được đổi tên nhiều lần Đông Đô, Thăng Long để đến với cái tên Hà Nội như ngày hôm nay.  Hà Nội cổ được biết đến với ba mươi sáu phố phường. Trong những bức hoạ nổi tiếng về Hà Nội, hình ảnh những con phố cổ nhỏ quanh co với những ngôi nhà mái ngói ngả màu rêu phong đã trở thành một nét riêng, một phần trong tâm hồn người Hà Nội, mà mỗi khi nhìn thấy, người ta không thể không cảm thấy một nỗi xao xuyến khó tả. Phố cổ Hà Nội được đặt tên theo các mặt hàng mà con phố đó buôn bán. Nào là hàng Buồm, hàng Thiếc, hàng Hài, hàng Khay.. Ngày nay vẫn còn những tên phố duy trì được đặc trưng này. Có những phố, hầu hết các gia đình đều theo một nghề thủ công. Nghề được cha truyền con nối và tồn tại đến tận ngày nay.  Nét cổ Hà Nội còn được thể hiện qua những công trình kiến trúc đẹp và độc đáo. Nằm giữa lòng thành phố là Hồ Hoàn Kiếm với hai địa danh nổi tiếng là Tháp Rùa và đền Ngọc Sơn. Khi nhắc đến Hồ Gươm người ta nhớ đến “Truyền thuyết Hồ Gươm” kể về việc vua Lê Lợi được Rùa Vàng cho mượn gươm đánh giặc. Ta cũng không quên nhắc đến Văn Miếu - ngôi trường đại học cổ nhất của Việt Nam. Với những tấm bia tiến sĩ ghi lại tên tuổi các vị tiến sĩ qua từng triều đại. Ngoài ra, đó còn là ngôi chùa Trấn Quốc, nằm trên một dải đất nhỏ trên Hồ Tây. Chùa là một trong những thắng cảnh nổi tiếng của Thủ đô Hà Nội với những bàn thờ các đức Phật uy nghiêm bên trong, cùng lăng tẩm của các vị chân tu qua nhiều đời trụ trì. Mênh mông xung quanh là nước, ngôi chùa nằm trên đường Thanh Niên này được xây dựng từ thế kỉ thứ 6. Hay như đền Quán Thánh gần đó được xây dựng vào năm 1010. Ngôi đền thu hút được sự ngưỡng mộ của du khách nhờ bức tượng Huyền Thiên (một trong bốn vị tướng trấn thành Thăng Long) được đúc bằng đồng đen cao 3,72m, nặng bốn tấn. Đây là một trong những tác phẩm độc đáo mà các nghệ nhân đúc đồng cổ Hà Nội để lại cho con cháu. Ngắm nhìn bức tượng, các nghệ nhân ngày nay cũng phải thầm cảm phục sự khéo léo của các bậc tiền bối bởi bức tượng khổng lồ này hoàn toàn được đúc bằng tay với những dụng cụ rất thô sơ của thế kỷ 17. Chùa Kim Liên ở phủ Tây Hồ cũng là một di tích độc đáo…  Bên cạnh vẻ đẹp cổ kính, trầm mặc, Hà Nội còn khoác lên mình một vẻ đẹp hiện đại. Đó chính là vẻ đẹp của kiến trúc Pháp. Với một loạt các công trình mang đậm dấu ấn phương Tây như: Nhà Thờ Lớn, Bắc Bộ Phủ, Nhà Hát Lớn... Ngoài ra, sự hiện đại của thủ đô cũng thể hiện qua việc ngày càng có nhiều những tòa nhà cao tầng được xây dựng.  Nét đẹp của Hà Nội dù hiện đại hay cổ kính đều có những vẻ đẹp riêng biệt. Mỗi chúng ta, hãy luôn trân trọng vẻ đẹp của một thủ đô ngàn năm văn hiến.  **- Kết thúc:** lời chào và lời cảm ơn. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG (23 phút)**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**

*Đề bài: Bài viết của em được chọn để trình trong buổi trao giải cuộc thi “Danh thắng và di tích tôi yêu” do một tạp chí du lịch tổ chức. Em hãy chuyển bài viết thành bài nói để thuyết minh với người nghe về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.*

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoạt động cá nhân hoàn thành sản phẩm ở nhà

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:** GV khuyến khích HS chia sẻ sản phẩm trên lớp hoặc trên Zalo của giáo viên để tiện theo dõi.

**Bước 4.** Kết luận, nhận định: GV biểu dương các sản phẩm chia sẻ.

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM.**

**Bước 1:** **Chuẩn bị trước khi nghe**

Tìm hiểu các thông tin về đối tượng người nghe; địa điểm trình bày bài nói (Ở danh thắng, di tích hay ở địa điểm nào khác? Trong phòng hay ngoài trời?); thời lượng cho phép của bài nói.

**Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý**

- Tóm tắt nội dung bài viết thành sơ đồ theo trình tự sau:

+ Mở đầu: nêu tên và giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

+ Nội dung chính: trình bày có hệ thống các thông tin liên quan đến các phương diện khác nhau của danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử (vị trí tọa lạc; lịch sử hình thành; đặc điểm kiến trúc, cảnh quan,…; giá trị lịch sử, văn hóa; cách thức tham quan; …)

+ Kết thúc: đánh giá khái quát về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử; bày tỏ suy nghĩ, tình cảm về danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử; đưa ra lời mời tham quan (nếu cần).

- Chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, đoạn phim,…) để tăng sự hấp dẫn cho bài nói.

**Bước 3:** **Luyện tập, trình bày**

- Chào hỏi người nghe, tự giới thiệu về bản thân, mối quan tâm và sự yêu thích của em dành cho danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử giới thiệu.

- Trình bày các thông tin rõ ràng, mạch lạc, chính xác.

- Kết hợp sử dụng phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, đoạn phim, ngôn ngữ hình thể,…).

- Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.

- Dự kiến các câu hỏi, thắc mắc của người nghe và câu trả lời.

**Bước 4:** **Trao đổi, đánh giá**

Dựa vào bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá bài nói của mình đồng thời góp ý cho bài nói của bạn.

**Gợi ý:**

**(1) Mở đầu:** Xin chào thầy cô và các bạn, tôi là…, học sinh lớp…. Sau đây, tôi sẽ trình bày về vấn đề….

**(2) Nội dung chính:**

*“Ai về đến huyện Đông Anh,*

*Ghé xem phong cảnh Loa Thành Thục Vương.*

*Cổ Loa hình ốc khác thường,*

*Trải qua năm tháng, nẻo đường còn đây.”*

Mỗi khi nghe bài ca dao này, tôi không khỏi cảm thấy tự hào khi nghĩ về quê hương mình. Chắc hẳn, là một người dân Việt Nam, ai cũng đã từng nghe đến truyền thuyết về vua An Dương Vương xây dựng thành Cổ Loa với sự giúp đỡ của thần Kim Quy. Trải qua năm tháng, thành Cổ Loa vẫn còn nguyên những giá trị về lịch sử, văn hóa.

Thành Cổ Loa được xây dựng vào khoảng thế kỷ III TCN, dưới thời trị vì của An Dương Vương, do sự chỉ đạo trực tiếp của Cao Lỗ. Thành tọa lạc tại một khu đất đồi nằm ở tả ngạn sông Hoàng - vốn là một nhánh lớn của sông Hồng. Ở thời Âu Lạc thì vị trí của Cổ Loa nằm ngay tam giác châu thổ sông Hồng, là nơi giao lưu giữa đường thủy và đường bộ. Đây được coi là vị trí có thể kiểm soát được cả đồng bằng lẫn vùng núi nên được chọn làm kinh đô.

Có lẽ, nếu nói đến nét đặc sắc nhất khi nhắc đến thành Cổ Loa, ai cũng sẽ phải công nhận đó là ở kiến trúc của thành. Theo tương truyền, thành bào gồm chín vòng xoáy trôn ốc. Tuy nhiên, căn cứ trên dấu tích hiện còn, các nhà khoa học nhận thấy thành chỉ có ba vòng. Trong đó, vòng thành nội rất có thể được làm về sau, dưới thời Ngô Quyền. Chu vi vòng ngoài là 8km, vòng giữa là 6,5km, vòng trong là 1,6 km, diện tích trung tâm lên tới 2km². Thành được xây theo phương pháp đào đất đến đâu, khoét hào đến đó, thành đắp đến đâu, lũy xây đến đó. Mặt ngoài lũy, dốc thẳng đứng, mặt trong xoải để đánh vào thì khó, trong đánh ra thì dễ. Lũy cao trung bình từ 4m - 5m, có chỗ cao đến 8m - 12 m. Chân lũy rộng 20m - 30m, mặt lũy rộng 6m - 12 m. Khối lượng đất đào đắp ước tính 2,2 triệu mét khối.

Thành có cấu tạo gồm ba phần: thành nội, thành chung và thành ngoại. Thành nội có hình chữ nhật, cao trung bình 5m so với mặt đất, mặt thành rộng từ 6m - 12m, chân rộng từ 20m - 30m, chu vi 1.650 m và có một cửa nhìn vào tòa kiến trúc “Ngự triều di quy”. Kế tiếp là thành trung xây dựng theo một vòng thành không có khuôn hình cân xứng, dài 6.500 m, nơi cao nhất là 10m, mặt thành rộng trung bình 10m. Thành có năm cửa ở các hướng đông, nam, bắc, tây bắc và tây nam, trong đó cửa đông ăn thông với sông Hoàng. Thành ngoài cũng không có hình dáng rõ ràng, dài hơn 8.000m, cao trung bình 3m - 4m (có chỗ tới hơn 8m). Mỗi vòng thành đều có hào nước bao quanh bên ngoài, hào rộng trung bình từ 10m đến 30m, có chỗ còn rộng hơn. Các vòng hào đều thông với nhau và thông với sông Hoàng.

Bên trong thành là các khu đình, đền bao gồm: đền Thượng (đền thờ An Dương Vương) được dựng trên khu đất rộng 19.138,6m 2 . Tại vị trí lối lên cửa giữa của đền đặt đôi rồng đá, mang phong cách nghệ thuật thời Lê - Mạt. Trong đền còn lưu giữ năm tấm bia đá và năm mươi ba hiện vật có giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học đặc sắc. Kiến trúc đền bao gồm tiền tế theo kiểu ba gian, hai chái. Hệ khung kết cấu gỗ, mái lợp ngói mũi hài. Trên hệ mái đắp các đầu đao cong, tượng nghê chầu. Các bộ vì chính được làm theo kiểu giá chiêng, sơn son thếp vàng, chạm họa tiết “rồng vờn mây”; trung đường đấu mái liền với hậu cung, tạo thành dạng thức kiến trúc kiểu “chuôi vồ”, bên trong đặt tượng An Dương Vương, bằng đồng, nặng khoảng 200kg, đúc năm 1897. Tiếp đến là đình Cổ Loa (hay còn gọi là Ngự Triều Di Quy) có bố cục mặt bằng nền hình chữ “Đinh”, gồm đại đình và hậu cung. Đại đình gồm năm gian, hai chái. Kết cấu khung gỗ, mái lợp ngói mũi hài, với bốn góc đao cong vút. Các bộ vì nóc được kết cấu theo kiểu “giá chiêng, chồng rường”, với sáu hàng chân cột. Hậu cung nối liền với đại đình qua bộ cửa bức bàn phía dưới và đấu mái ở phía trên. Các đề tài trang trí trên kiến trúc này mang phong cách nghệ thuật của thế kỷ XVIII. Kế tiếp là Am Mỵ Châu (am Bà Chúa hay đền thờ Mỵ Châu) nằm tọa lạc trên khu vực rộng 925,4m 2 . Mặt bằng kiến trúc được bố cục theo dạng “tiền Nhất, hậu Đinh”, gồm các tòa tiền tế, trung đường và hậu cung. Chùa Cổ Loa hay Bảo Sơn tự được khởi dựng vào khoảng đầu thế kỷ XVII. Bố cục mặt bằng nền theo dạng “nội Công, ngoại Quốc”, gồm các hạng mục với tiền đường, thiêu hương, thượng điện, hậu cung, gác chuông, tháp mộ, cổng hậu, nhà Tổ, nhà ni, nhà khách. Chùa Mạch Tràng (Quang Linh tự) được dựng vào thời Hậu Lê, trên diện tích rộng 4.922,4m 2 . Chùa quay hướng Nam, bao gồm các hạng mục: Tam bảo, tiền đường, thượng điện, nhà Mẫu, giải vũ, hành lang… Cuối cùng, đình Mạch Tràng: tọa lạc trên một khu đất cao, có diện tích 6.198,4m 2 , gồm các hạng mục tiền tế, đại đình và hậu cung.

Thành Cổ Loa có giá trị về nhiều mặt. Về quân sự, thành Cổ Loa thể hiện sự sáng tạo độc đáo của người Việt cổ trong công cuộc bảo vệ đất nước. Về văn hóa, thành Cổ Loa trở thành một di sản văn hóa. Một bằng chứng về sự sáng tạo cũng như trình độ kỹ thuật cũng như văn hóa của người Việt cổ.

Thành Cổ Loa chính là di tích lịch sử thể hiện nét đẹp không chỉ của quê hương tôi mà còn là của đất nước Việt Nam.

**(3) Kết thúc:** Trên đây là phần trình bày của tôi, cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý lắng nghe. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn.

**-------Hết-------**

**Ngày soạn: 06/10/2025**

Họ và tên giáo viên: **Hồ Đình Phương**

Tổ chuyên môn: **Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Bài 4: TRUYỆN NGẮN**

**ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN 1:**

**LÀNG**

(KIM LÂN)

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: **9A2,9A6**

Thời gian thực hiện: 2 tiết (Từ tiết: 45 đến tiết: 46 )

**--------\*&\*--------**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

- Nhân vật, sự việc, cốt truyện trong một tác phẩm truyện hiện đại.

- Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm; sự kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn bản tự sự hiện đại.

- Tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực đặc thù.**

- Năng lực tự chủ và tự học: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm đọc các văn bản thông tin; hoàn thành các phiếu học tập; chia sẻ, thảo luận, đánh giá qua các hoạt động nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề: phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

**b. Năng lực chung.**

- Nhận biết được đặc điểm của truyện ngắn.

- Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó; nhận biết được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện nội dung cơ bản của văn bản.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

**3. Phẩm chất.**

- Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

- Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm học tập phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

- Giáo dục lòng tự hào về truyền thống ngoại xâm kiên cường của cha ông.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá. Đọc và trả lời câu hỏi SGK, tìm hiểu thêm về tác giả, tác phẩm, tình huống truyện, diễn biến tâm lí nhân vật.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (7 Phút)**

**a. Mục tiêu:**

    - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

    - Kích thích HS tìm hiểu về tình yêu làng, tình yêu nước hòa nguyện của người nông dân sau cách mạng tháng 8, năm 1945.

**b. Nội dung:** HS theo dõi đoạn video và thực hiện yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** HS suy nghĩ trả lời.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

**GV dẫn dắt:**

*“Khi ta ở đất chỉ nơi ta ở*

*Khi ta đi đất bỗng hoá tâm hồn”*

Nhà thơ Chế Lan Viên đã nói hộ bao người tình cảm đối với quê hương, đất tổ thiết tha, sâu nặng. Có lúc tình cảm là nỗi nhớ da diết về làng quê, trong những hoàn cảnh đặc biệt, tình yêu & nỗi nhớ quê hương đó lại trở thành máu thịt, danh dự, lòng tự hào của mỗi con người khi xa quê. Ông Hai trong tác phẩm “ Làng” của Kim Lân là một trong số những con người có tình cảm như thế. Chúng ta cùng tìm hiểu về tình yêu làng của ônh Hai qua bài học hôm nay.

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. (60 Phút)**

**Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung**

**a.  Mục tiêu:**tìm hiểu tác giả, tác phẩm

**b) Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:**Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- GV đặt câu hỏi:

? Em hãy nêu những nét khái quát về tác giả Kim Lân?

? Cho biết xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác của truyện ngắn “Làng”?

? Xác định các sự việc và nhân vật chính?

? Hãy nêu kiểu văn bản và phương thức biểu đạt chính của văn bản?

? Qua tóm tắt em biết gì về nhân vật chính và chủ đề của chuyện ?

? Tác giả đã sử dụng ngôi kể nào? Tác dụng của cách sử dụng ngôi kể đó?

? Đoạn trích có thể chia làm mấy phần? Nội dung chính của từng phần?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** trình bày theo nhóm.

    - Một nhóm trình bày.

    - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

**GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).

**HS:**

- Trả lời các câu hỏi của GV.

- HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

**-** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

- GV chuẩn kiến thức:

**\* Giáo viên** **giới thiệu chân dung nhà văn Kim Lân và bổ sung:**

Kim Lân bắt đầu viết truyện ngắn từ năm 1941. Thế giới nghệ thuật trong truyện ngắn Kim Lân thường tập trung ở khung cảnh nông thôn &  hình tượng người nông dân, thể hiện không khí tiêu điều, ảm đạm của nông hôn Việt Nam & cuộc sống vất vả, lam lũ của người nông dân Việt Nam trước cách mạng  tháng Tám. Ngòi bút Kim Lân đặc biệt hấp dẫn khi viết về  những cảnh sinh hoạt phong phú ở thôn quê với những thú chơi lành mạnh như đánh vật, chọi gà, thả chim.v.v. Qua đó, thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân trước cách mạng: sống cực nhọc, nghèo khổ nhưng vẫn yêu đời, trong sáng, tài hoa. Sau cách mạng tháng Tám ông vẫn tiếp tục viết về làng quê Việt Nam & gặt hái được những thành công mới ở đề tài sở trường của mình với những tập truyện ngắn: “Nên vợ nên chồng” (1955) & “Con chó xấu xí” (1962) Vợ nhặt .v.v.

+ Là tác phẩm thành công của văn học Việt Nam thời kì đầu  cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược. Tác phẩm được đăng lần đầu tiên trong tạp chí văn nghệ năm 1948.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Kiến thức cơ bản về truyện ngắn.**  **1. Khái niệm:**  Truyện ngắn là thể thoại văn xuôi tự sự ngắn gọn, súc tích và có ý nghĩa, thường được viết dưới dạng mẫu truyện nhỏ mà người đọc dễ dàng tiếp thu và hiểu được nội dung văn bản. Truyện ngắn có thể viết về mọi phương diện trong đời sống từ: Sử sách, đời tư,...  **2. Đặc điểm truyện ngắn.**  **a. Về nhân vật trong truyện ngắn.**  Số lượng nhân vật trong truyện ngắn thường rất ít và cũng không có nhiều sự kiện phức tạp. Nó thường kể về cuộc đời hay một khoảng thời gian nhất định trong cuộc đời của nhân vật chính.  **b. Về nội dung trong truyện ngắn**  Các tình tiết trong truyện ngắn thường chỉ ghi lại những sự kiện tiêu biểu nhất, đủ để người đọc có thể liên tưởng đến cả quá trình. Nội tâm của nhân vật là mấu chốt quyết định cốt truyện nên nội dung chủ yếu xoay quanh những thay đổi trong ý thức, tâm trạng của nhân vật với bút pháp trần thuật là chấm phá.  **c. Bố cục của truyện ngắn** không có kết cấu rõ ràng, mà chủ yếu là các sự việc đan xen vào nhau. Chi tiết là yếu tố quan trọng gửi gắm nội dung chính của truyện ngắn.  **d. Đề tài của truyện ngắn** rất phong phú, đa dạng, chạm đến mọi ngóc ngách đời sống.  **3. Khi đọc tác phẩm truyện, các em cần chú ý:**  + Tóm tắt truyện, xác định tình huống truyện, ngôi kể, lời dẫn trực tiếp, gián tiếp… để hiểu nhân vật và đánh giá nghệ thuật kể chuyện.  + Tìm hiểu nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật trong truyện.  + Xác định đề tài, chủ đề, ý nghĩa nhan đề, thông điệp của tác phẩm…  + Liên hệ với vốn sống, trải nghiệm của bản thân và bối cảnh cuộc sống hiện tại để hiểu và vận dụng kết quả đọc vào thực tiễn.  **II. Tìm hiểu chung.**  **1. Tác giả:** Kim Lân  - (1920-2007), là bút danh của Nguyễn Văn Tài, quê Bắc Ninh.  - Là cây bút có sở trường về truyện ngắn.  - Am hiểu, gắn bó với nông thôn và người nông dân-> có những truyện ngắn đặc sắc về đề tài nông thôn.  **2. Tác phẩm:**  **a. Đọc-chú thích:**  Giọng chậm, thể hiện cảm xúc, tâm trạng của ông Hai, chú ý ngôn ngữ độc thoại, đối thoại.  **b. Xuất xứ-Thể loại-Ptbđ:**  **- Xuất xứ:** sáng tác trong thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Lần đầu tiên đăng trên báo văn nghệ năm 1948.  **- Thể loại:** truyện ngắn.  **- PTBĐ:** Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.  **c. Bố cục:** 3 phần  **- Phần 1** (Từ đầu đến “đôi phần”): Diễn biến tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng mình theo giặc.  **- Phần 3** (còn lại): Tâm trạng ông Hai khi nghe tin cải chính. |

**Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu chi tiết.**

**Nội dung 1. Tìm hiểu ý nghĩa nhan đề và tình huống truyện.**

**a. Mục tiêu:** HS nắm tình huống truyện và ý nghĩa.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**

**Giáo viên đặt câu hỏi:**

? Ý nghĩa nhan đề của truyện?

? Để khắc họa nổi bật chủ đề của truyện, tính cách của nhân vật, Kim Lân đã đặt

nhân vật chính vào một tình huống truyện như thế nào?

? Cách đặt tình huống trên có gì đáng chú ý?

? Tình huống ấy có tác dụng như thế nào?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- Một nhóm trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV đánh giá kết quả của HS.

**GV chuẩn kiến thức:**

+ Tác giả đã đặt nhân vật vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ chiều sâu tâm trạng nhận vật.

**=> Tác dụng:**

*Tạo nút thắt của câu chuyện gây ra một mâu thuẫn giằng xé, tạo điều kiện để thực hiện tâm trạng và phẩm chất, tính cách của nhân vật thêm chân thực và sâu sắc-> Phản ánh và ca ngợi tình yêu làng, yêu nước chân thành, giản dị của người nông dân.*

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **III. Tìm hiểu chi tiết.**  **1. Ý ngĩa nhan đề văn bản:**  - Đặt tên “Làng” mà không phải là: “Làng chợ Dầu” vì nếu thế thì vấn đề tác giả đề cập tới chỉ nằm trong phạm vi nhỏ hẹp của một làng cụ thể.  - Đặt tên “Làng” vì truyện đã khai thác một tình cảm bao trùm, phổ biến trong con người thời kì kháng chiến chống Pháp: tình cảm với quê hương, với đất nước.  → Tình cảm yêu làng, yêu nước không chỉ là tình cảm của riêng ông Hai mà còn là tình cảm chung của những người dân Việt Nam thời kì ấy.  **2. Tình huống truyện:**  - Ông Hai tình cờ nghe được tin làng Chợ Dầu theo giặc. -> Tình huống đặc sắc, bất ngờ, gay cấn.  - Đặt nhân vật vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ chiều sâu tâm trạng nhận vật thể hiện qua xung đột nội tâm. Tạo điều kiện bộc lộ tình cảm đối với làng, quê hương, đất nước của ông Hai.  => **Tác dụng:**  Tạo nút thắt của câu chuyện gây ra một mâu thuẫn giằng xé, tạo điều kiện để thực hiện tâm trạng và phẩm chất, tính cách của nhân vật thêm chân thực và sâu sắc. -> Phản ánh và ca ngợi tình yêu làng, yêu nước chân thành, giản dị của người nông dân. |

**Nội dung 2: Học sinh tìm hiểu diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV yêu cầu HS theo dõi 2 khổ thơ đầu

? Ở nơi tản cư tình yêu làng của ông được thể hiện qau những chi tiết nào ?

? Câu văn nào diễn tả trực tiếp nỗi nhớ làng của ông Hai ?

? Em có nhận xét gì về tình yêu làng của nhân vật Ông Hai ?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Một nhóm trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Dự kiến sản phẩm:**

Ở nơi tản cư tình yêu làng của ông được thể hiện qua những chi tiết :

+ Ông nhớ làng, nhớ về phong trào kháng chiến của làng quê, muốn về làng, muốn cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá.v.v..

+ Ông thường ra phòng thông tin nghe đọc báo, nghe ngóng tin về làng Chợ Dầu của ông.

Câu văn nào diễn tả trực tiếp nỗi nhớ làng của ông Hai: Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá kết quả của HS

- GV chuẩn kiến thức:

*NV ông Hai yêu tha thiết & mãnh liệt, tự hào, gắn bó với làng quê. Tình cảm ấy luôn thường trực trong ông. Đó cũng là niềm vui, tự hào của người nông trước thành quả cách mạng của làng quê, tình cảm đó thật đáng trân trọng.*

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **III. Tìm hiểu chi tiết.**  **3. Diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai:**  **a. Khi nghe tin làng theo giặc.**  **\* Khi vừa nghe tin:**  **- Tâm trạng:** sửng sốt, bàng hoàng, đau đớn, bẽ bàng: *cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân, giọng lạc hẳn đi.*  **- Cử chỉ,hành động:**  + Nói lảng:- Hà,nắng gớm, về nào…  + Cúi gằm mặt  - Ngôn ngữ độc thoại; miêu tả cụ thể, tinh tế, sâu sắc: nỗi cay đắng, xấu hổ, tủi nhục, uất hận của ông Hai.  **\* Khi về đến nhà:**  - Thương con: Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư…tuổi đầu?  -> độc thoại nội tâm :xót xa, tủi hờn cho lũ trẻ.  - Ông băn khoăn, kiểm diện từng người trụ lại làng, gắt với vợ.  - Trằn trọc không ngủ, lặng đi, chân tay nhũn ra; trống ngực đập thình thịch, nín thở, lắng tai nghe... nằm không nhúc nhích.  -> Ám ảnh, day dứt nặng nề.  **\* Mấy ngày sau:** Xung đột nội tâm gay gắt :  + Yêu làng- thù làng.  + Về làng- Không về.  -> dằn vặt, khổ tâm, bế tắc và tuyệt vọng.  **\* Trò chuyện với con:**  Giãi bày nỗi lòng, giải toả tâm trạng đau đớn, tuyệt vọng.  -> Tình yêu sâu nặng đối với làng quê, tình cảm son sắt, thuỷ chung với kháng chiến, với cách mạng, với Cụ Hồ, đó là tình cảm thiêng liêng, bền vững.  **b. Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng được cải chính:**  - Nét mặt: tươi vui, rạng rỡ hẳn lên.  - Hành động: chia quà cho con, lật đật đi khoe mọi người.  - Lời nói: Khẳng định thông tin sai, khoe nhà ông bị giặc đốt cháy.  -> Tâm trạng: nhẹ nhõm, vui sướng, hả hê đến tột đỉnh.  <=> Tình yêu làng của ông Hai đồng thời là biểu hiện của tình yêu đối đất nước, với kháng chiến, với Bác Hồ. |

**Nhiệm vụ 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản

**b. Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo cặp đôi:

? Nêu những nét đặc sắc về nội dung của truyện ngắn "Làng"?

? Hãy nêu ý nghĩa của văn bản " Làng"?

? Để xây dựng được 1 nhân vật Ông Hai mang tính cách đại diện cho nông dân V.Nam trong K/C chống Pháp, nhà văn đã sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào?

? Tâm lí nhân vật được khắc hoạ qua những phương diện nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Một nhóm trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV đánh giá kết quả của HS

- GV chuẩn kiến thức. Ghi chép nội dung.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **IV. Tổng kết.**  **1. Nội dung-Ý nghĩa:**  **a. Nội dung:**  Tình yêu làng, yêu nước, yêu kháng chiến, của người nông dân phải rời làng đi tản cư được bộc lộ chân thực, cảm động qua nhân vật ông Hai.  **b. Ý nghĩa của văn bản:**  + Đoạn trích thể hiện tình yêu làng, yêu nước của người nông dân trong kháng chiến chống Pháp  **2. Nghệ thuật:**  + Tình huống truyện gay cấn.  + Miêu tả tâm lí nhân vật chân thực và sinh động qua suy nghĩ, hành động, lời nói (đối thoại và độc thoại).  + Ngôn ngữ mang đậm tính khẩu ngữ |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (15 phút)**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

**b. Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS; vở ghi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV đăt câu hỏi:

? Tính điển hình của nhân vật thể hiện như thế nào?

? Từ xưa đến nay, tình yêu quê hương luôn là cảm hứng dồi dào cho sáng tác văn học nghệ thuật ở nước ta.Hãy tìm những tác phẩm minh chứng cho lời nhận xét đó ?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS suy nghĩ cá nhân.

- HS trao đổi, chia sẻ với bạn cùng bàn, cùng nhau thống nhất ý kiến.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

**-** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

1. Tính điển hình của nhân vật

Ông Hai là hình ảnh của những người nông dân trong những ngày đầu kháng chiến: yêu làng, yêu quê hương gắn liền với tình yêu cách mạng.

2. Những tác phẩm thể hiện tình yêu quê hương:

  + Quê hương & Nhớ con sông quê hương (Tế Hanh).

+ Lao xao - Duy Khán; + Bếp lửa (Bằng Việt).

+ Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận)

+ Tiếng gà trưa ( Xuân Quỳnh)

-> Dù chỉ viết về dòng sông quê khi TH xa quê; viết vẻ đẹp của làng quê khi chớm hè, vẻ đẹp của người lao động mới trong một chuyến ra khơi, hay viết về một âm thanh quen thuộc của tiếng gà vào buổi trưa…tất cả những gì giản dị, gần gũi ấy đều là tình yêu quê hương đất nước.

-> Và, tình yêu làng của Ông Hai tuy không nằm trong mạch cảm xúc ấy nhưng ta nhận

ra: tình yêu làng đặt trong tình yêu nước, thống nhất với tinh thần cách mạng, tinh thần kháng chiến khi đất nước bị xâm lược, khi dân tộc đang tiến hành cuộc kháng chiến cứu nước. Đó là tình cảm đáng trân trọng!

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

- Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.

- Chốt kiến thức trên các slide và chuyển dẫn sang mục sau.

**4. HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG. (8 phút)**

**a. Mục tiêu:**Vận dụng hiểu biết về văn bản để hoàn thành bai tập.

**b. Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS; vở ghi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**- GV đặt câu hỏi**:

? Hình dung tâm trạng ông Hai khi nghe những lời nói của bà chủ nhà.

? Em có ấn tượng gì về ngôn ngữ của các nhân vật trong truyện? Vì sao?

? Hãy tưởng tượng: Nếu nhân vật ông Hai trong tác phẩm của Kim Lân sống ở làng Chợ Dầu trong bối cảnh cuộc sống hôm nay thì em nghĩ ông sẽ chia sẻ với mọi người điều gì về làng quê của mình?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗtrợ (nếu HS gặp khókhăn).

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

- GV yêu cầu một vài HS trả lời.

- HS trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.** GV đánh giá kết quả của HS.

**Dự kiến sản phẩm:**

**Câu 1.** Tâm trạng ông Hai khi nghe những lời nói của bà chủ nhà: ông Hai thực sự rơi vào bế tắc. Chính trong lúc đau đớn tuyệt vọng ấy đã đẩy ông vào tình thế là phải lựa chọn: làng Chợ Dầu hay Tổ quốc? Ông đã thoáng nghĩ đến việc “Hay là quay về làng?” để gia đình ông có chỗ dung thân. Thuở trước, làng Chợ Dầu của ông đáng yêu, đáng tự hào lắm. Nhưng giờ đây chỉ nghĩ đến nó là lòng ông đắng ngắt, đau nhói từng hồi.

**Câu 2.** Ngôn ngữ của truyện rất đặc sắc, nhất là ngôn ngữ nhân vật ông Hai. Ngôn ngữ mang đậm chất khẩu ngữ và là lời ăn tiếng nói của người nông dân. Lời trần thuật và lời nhân vật có sự thống nhất về sắc thái, giọng điệu do truyện được trần thuật chủ yếu theo điểm nhìn của ông Hai, dù vẫn dùng cách trần thuật ở ngôi thứ ba. Ngôn ngữ nhân vật ông Hai vừa có nét chung của người nông dân, với cách dùng từ, đặt câu hết sức dễ hiểu, mộc mạc lại mang đậm cá tính của nhân vật, rất sinh động.

**Câu 3.** Nếu nhân vật ông Hai trong tác phẩm của Kim Lân sống ở làng Chợ Dầu trong bối cảnh cuộc sống hôm nay thì ông sẽ chia sẻ với mọi người sự phát triển hiện đại, sự thay đổi từng ngày của làng quê. Cơ sở hạ tầng được xây dựng khang trang, từ nhà cửa mới, có nhiều nhà cao tầng. Đường được xây dựng mới, rộng rãi, thuận tiện cho việc đi lại. Chợ quê đông vui, nhộn nhịp, với nhiều người mua và bán, lúc nào cũng nghe xe cộ náo nhiệt. Trường học đã được sửa chữa, nhiều trường mới được xây thêm, phòng học có đèn, có quạt, nhìn mới toanh và có tòa nhà cao. Ngoài ra, thêm ngân hàng, bệnh viện, công viên được xây dựng rất khang trang và tiện nghi, phục vụ tốt cho con người.

**-------Hết-------**

**Ngày soạn: 10/11/2025**

Họ và tên giáo viên: **Hồ Đình Phương**

Tổ chuyên môn: **Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Bài 4: TRUYỆN NGẮN**

**ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN 2:**

**ÔNG LÃO BÊN CHIẾC CẦU**

(Ơ-nít Hê-minh-uê)

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: **9A2,9A6**

Thời gian thực hiện: 2 tiết (Từ tiết: 47 đến tiết: 48)

**--------\*&\*--------**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức.**

- Học sinh nắm được những kiến thức về tác giả Hê-minh-uê và tác phẩm Ông lão bên chiếc cầu.

- Phân tích những đặc sắc liên quan đến hình tượng, bút pháp nghệ thuật của tác phẩm.

- HS nhận biết được đặc điểm của thể loại tác phẩm, xác định được bố cục, phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài Ông lão bên chiếc cầu. Từ đó hình thành, rèn luyện năng lực đọc hiểu một tác phẩm truyện ngắn.

- HS có sự đồng cảm, xót thương trước những số phận là nạn nhân của chiến tranh; trân trọng cuộc sống hòa bình.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung.**

- Năng lực tự học và tự chủ: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh để hiểu về văn bản đã học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác để giải quyết vấn đề về văn bản đã học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến bài học; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

**b. Năng lực đặc thù.**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác phẩm Ông lão bên chiếc cầu.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác phẩm.

- Năng lực phân tích, đánh giá được đặc điểm nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm.

- Năng lực cảm thụ văn học: bình luận, nêu cảm nhận riêng về những chi tiết tiêu biểu trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm.

- Năng lực đọc hiểu một bài thơ trữ tình theo đặc trưng thể loại: phân tích ý nghĩa hình tượng nghệ thuật, đánh giá những sáng tạo độc đáo của nhà văn.

- Năng lực phân tích, so sánh văn bản với các văn bản khác cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất.**

- Đồng cảm, xót thương trước những số phận là nạn nhân của chiến tranh.

- Trân trọng cuốc sống hòa bình, phê phán những cuộc chiến tranh đang diễn ra trên thế giới.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

**1. Thiết bị:** - SGK, SGV, tài liệu tham khảo về đặc trưng thể loại, về kĩ năng đọc hiểu và các văn bản mở rộng văn bản Ngữ văn 9; Phiếu học tập, hình ảnh, video,…

- Máy tính, máy chiếu, loa, giấy và bút dạ, bút màu, bút bi nhiều màu,…

**2. Học liệu:** - Chuẩn bị từng phần bài học ở nhà theo hướng dẫn, phiếu học tập giáo viên giao trong từng buổi học.

- Có đầy đủ SGK, vở ghi, đồ dùng học tập (bút chì, bút màu, bút bi, bút đánh dấu, giấy nhớ, giấy A4,…).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (7 Phút)**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối với kiến thức đã học buổi sáng để tìm ra từ khóa chính của bài học.

**b. Nội dung:** GV trình chiếu hình ảnh để HS quan sát.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

- GV đặt câu hỏi: qua các hình ảnh em hãy tìm ra từ khóa của bài học hôm nay:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**

- GV mời một số HS đứng dậy trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**

**- GV nhận xét chốt đáp án:** từ khóa chiến tranh

- GV dẫn dắt vào bài: *Chiến tranh luôn để lại đau thương và mất mát, ảnh hưởng đến nhiều mặt của xã hội và con người. Viết về đề tài có rất nhiều tác phẩm hay, một trong số đó không thể không nói tới Ông lão bên chiếc cầu của Hê-minh-uê. Qua văn bản, chúng ta sẽ thấy được số phận hẩm hiu của ông lão già nua, vì thời cuộc đã trở thành nạn nhân không may của thảm cảnh chiến tranh. Hãy cùng ông tập lại bài học Ông lão bên chiếc cầu.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. (60 phút)**

**Nhiệm vụ 1: ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**

**a. Mục tiêu:** Nắm được kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Thao tác 1: Đọc**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv gọi 2 bạn đọc phân vai văn bản trước lớp, các bạn còn lại nhận xét, đánh giá bài đọc của hai bạn dựa trên Bảng kiểm kĩ năng đọc truyện ngắn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ |  |  |
| Ngắt giọng phù hợp và phân biệt giọng đọc của nhân vật |  |  |
| Giọng đọc chậm rãi, nhẹ nhàng |  |  |
| Thể hiện được cảm xúc của nhân vật |  |  |

GV cho hs giải thích một số chú thích dưới chân trang

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS lắng nghe và quan sát bảng kiểm kĩ năng đọc**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

**Thao tác 2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ báo cáo việc chuẩn bị bài ở nhà**

GV yêu cầu HS tìm hiểu những nét cơ bản về tác giả Hê-minh-uê (quê quán, năm sinh, phong cách sáng tác, sáng tác tiêu biểu..) và tác phẩm “Ông lão bên chiếc cầu” (xuất xứ, bố cục, sự việc chính, thể loại, PTBĐ…)

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt và mở rộng kiến thức

*+ Từng tham gia chiến tranh thế giới thứ I. Chiến tranh đế quốc đã làm cho ông tan vỡ ảo tưởng tốt đẹp về quan hệ tốt đẹp trong xã hội đương thời. Ông tự nhận mình thuộc thế hệ mất mát, gồm những người trở về từ chiến trận hoặc chịu tác động của chiến tranh, không hòa nhập với cuộc sống, họ chủ yếu tìm sự bình yên trong men rượu và tình yêu.*

*+ Năm 1939, chiến tranh Thế giới thứ 2 bùng nổ, He-minh-uê tham gia lực lượng quân Đồng minh và là một trong những người đầu tiên tiến vào giải phóng Pa-ri.*

*+ Năm 1953, Hê-minh-uê nhận giải thưởng Pulizer, đó là giải thưởng cao quý của nước Mĩ, được trao tặng hàng năm cho những cá nhân và tập thể có thành tích trong lĩnh vực báo chí, văn học, âm nhạc và sân khấu.*

Hê-minh-uê là người khởi xướng loại truyện-thật-ngắn hiện đại. Truyện ngắn của Hê-minh-uê không có cốt truyện rõ rệt và ông không dùng tình cảm để gây xúc động mạnh. Tuy nhiên với văn phong giản dị nhưng điêu luyện, từ ngữ chọn lọc và óc nhận xét tinh tế, ông thường chia tình tiết câu chuyện thành từng đoạn từng hồi rõ rệt.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Tìm hiểu khái quát về Tác giả-Tác phẩm.**  **1. Tác giả:** Hê-minh-uê  - sinh năm 1961, trong một gia đình trí thức tại một vùng ngoại ô của Chicago, Mỹ.  - Đề tài sáng tác: Chiến tranh, cuộc sống sôi động của những người đi săn cá, săn voi, đấu bò,…  - Phong cách văn chương: thường ngắn gọn, giản dị, vừa sôi nổi mãnh liệt và suy tư sâu sắc.  **2. Tác phẩm.**  **a. Đọc văn bản:** SGK, trang 91->93.  **b. Xuất xứ-Thể loại-Ptbđ.**  **- Xuất xứ:** Lê Huy Bắc chủ biên và giới thiệu, dịch, NXB Văn học, Hà Nội, 2004.  **- Thể loại:** truyện ngắn.  **- Phương thức biểu đạt:** tự sự, miêu tả, biểu cảm.  **c. Bố cục đoạn trích**  **- Phần 1** (từ đầu đến…ông lão vẫn ngồi đó): bối cảnh truyện và giới thiệu khái quát về ông lão.  **- Phần 2** (đoạn còn lại): cuộc đối thoại giữa ông lão và nhân vật “tôi”. |

**III. TÌM HIỂU CHI TIẾT**

**1. Đề tài; bối cảnh câu chuyện; ngôi kể và nhân vật.**

**a) Mục tiêu: Giúp HS:**

- Tìm được những chi tiết giới thiệu về đề tài; bối cảnh câu chuyện; ngôi kể và nhân vật.

- Cảm nhận được ác liệt; mất mát của chiến tranh.

**b) Nội dung:**

- GV sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:** HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập (GV).**

- Chia nhóm: HS làm việc theo nhóm 6 HS

- Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:

1. Hãy xác định để tài, bối cảnh, ngôi kể và các nhân vật trong truyện Ông lão bên chiếc cầu.

2. Xác định các chi tiết thể hiện bối cảnh của truyện.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**HS:** Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’.

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

**GV:** Hỗ trợ HS khi cần thiết.

**B3: Báo cáo, thảo luận.**

**GV: -** Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS:** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV).**

- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.

- Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển sang mục sau.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản.**  **1. Đề tài, bối cảnh truyện, ngôi kể và các nhân vật.**  **a. Đề tàu:** Số phận con người và loài vật trong chiến tranh.  **b. Bối cảnh của truyện:**  - Chiếc cầu bắc qua sông;  - Những chiếc xe nối đuôi nhau đi qua;  - Binh lính đẩy hộ xe hàng;  - Những người dân quê lầm lũi bước trong đám bụi;  - Chỉ một mình ông lão già nua vẫn ngồi yên, bất động vì quá mệt mỏi và không thể tiến thêm bước nào nữa.  => Bối cảnh chiến tranh: nội chiến Tây Ban Nha.  **c. Ngôi kể:** Thứ nhất (xưng tôi).  **d. Nhân vật:** ông lão và tôi. |

**2. Nhân vật ông lão**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và hình thức của VB theo đặc trưng thể loại.

**b. Nội dung:** GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi, thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học Mây và sóng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

Nhân vật ông lão được thể hiện như thế nào trong văn bản? Câu chuyện dự báo điều gì sẽ đến với ông? Vì sao?

Điều gì khiến ông lão lo lắng?

Lời đối thoại cho biết các thông tin gì về nhân vật ông lão?

Chi tiết về ngày "Chủ nhật Phục sinh" và "niềm may mắn" của ông lão ở phần cuối tác phẩm tạo ra sự tương phản như thế nào với cảnh ngộ của ông? Qua đó, tác giả muốn gửi gắm điều gì?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc theo cặp và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày câu trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. => Ghi lên bảng.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản.**  **2. Nhân vật ông lão.**  **a. Hoàn cảnh của ông lão**  - Ông lão đến từ San Carlos, ông nuôi gia súc và là người cuối cùng rời khỏi thị trấn vì chăm sóc những con vật.  - Ông lão lo những con vật khác là hai con dê, bốn cặp chim bồ câu sẽ không thể tự kiếm ăn và không biết điều gì sẽ xảy ra với chúng.  **b. Ngoại hình:**  Ông lão hiện lên với chân dung bụi băn, xám bẩn nhưng ẩn sau đó là tấm lòng lương thiện sâu sắc dành cho các con vật nuôi của mình.  **c. Tâm trạng:**  Ông lão lo những con vật khác là hai con dê, một con mèo, và bốn cặp chim bồ câu sẽ không thể tự kiếm ăn và không biết điều gì sẽ xảy ra với chúng.  => Câu chuyện dự báo cái chết có thể đến với ông vì đang xảy ra chiến tranh nhưng ông nhất quyết không chịu đi vì lo cho vật nuôi của mình.  - Chi tiết về ngày "Chủ nhật Phục sinh" và "niềm may mắn" hoàn toàn đối lập với cảnh ngộ của ông lão.  *(Ngày lễ Phục sinh đánh dấu sự sống trở lại của Chúa, và “niềm may mắn” khi giống mèo có thể tự xoay sở. Thế nhưng còn ông lão, có thể ông sẽ phải đối mặt với cái chết khi quân đội phát xít đang đến gần.)*  -> Sự tàn ác, khốc liệt của chiến tranh. |

**3. Đặc sắc nghệ thuật và thông điệp của tác giả**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi cho HS thảo luận theo cặp:

+ Hãy chỉ ra và phân tích một số đặc sắc nghệ thuật của truyện (các hình ảnh biểu

tượng, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại nội tâm...)?

Truyện gửi đến người đọc thông điệp gì? Theo em, thông điệp đó có ý nghĩa như

thế nào trong cuộc sống hiện nay?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc theo cặp, trao đổi và thực hiện theo yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu mời một vài nhóm HS trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. => Ghi lên bảng.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **II. Tìm hiểu chi tiết.**  **3. Những đặc sắc nghệ thuật của truyện.**  - Các hình ảnh biểu tượng: cây cầu - ranh giới của hai phe chiến tranh  - Ngôn ngữ đối thoại giữa nhân vật tôi và ông lão cho thấy đặc điểm, tâm trạng và phẩm chất của nhân vật  - Đọc thoại nội tâm: “Đấy là quê hương của lão. Lão hãnh diện và mỉm cười khi có người nhắc đến” cho thấy nội tâm, suy nghĩ của nhân vật về quê hương của mình.  **4. Thông điệp:**  - Chiến tranh chỉ đem đến mất mát, đau thương.  - Con người dù trong hoàn cảnh nào cũng luôn giữ cho mình sự lương thiện và tình yêu thương.  => Ý nghĩa: nhắc nhở con người phải biết trân trọng, giữ gìn nền hòa bình trên toàn thế giới. |

**Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật.**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi thực hiện các nhiệm vụ, GV yêu cầu HS: Nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. => Ghi lên bảng.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **III. Tổng kết.**  **1. Nội dung:**  Văn bản giúp chúng ta thấy được số phận hẩm hiu của ông lão già nua, vì thời cuộc đã trở thành nạn nhân không may của thảm cảnh chiến tranh trong cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha (1936-1939).  **2. Nghệ thuật:** Tác giả đã rất thành công trong việc tạo dựng tình huống truyện, lối kể chuyện hấp dẫn, lôi cuốn. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG (23 phút)**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản Ông lão bên chiếc cầu..

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS nêu ý nghĩa tác giả không đặt tên nhân vật ông lão..

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS về thông điệp của VB.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu cho HS:

1. Việc tác giả không đặt tên cho nhân vật ông lão trong tác phẩm có ý nghĩa gì?

2. Chia sẻ những suy nghĩ của em về chiến tranh và số phận con người qua truyện “Ông lão bên chiếc cầu” (Hê-minh-uê).

- GV yêu cầu HS suy nghĩ, ghi câu trả lời vào vở.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện ghi câu trả lời vào vở.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm trước, sau đó, GV mời một vài HS xung phong, tự tin chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt lại những ý chính của VB, yêu cầu HS ghi nhớ.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **IV. Luyện tập/Vận dụng.**  **Câu 1.**  Việc không đặt tên cho ông lão có ý nghĩa khái quát lớn. Đó không chỉ là một ông lão ngồi bên cầu mà nhân vật tôi gặp được mà ông là đại diện cho rất nhiều số phận con người bị ảnh hưởng bởi chiến tranh.  **Câu 2.**  Xin chào cô giáo và các bạn, em tên là Nguyễn Thị Hoa, học sinh lớp 9A, trường THCS Cát Minh, hôm nay em xin trình bày vấn đề: *chiến tranh và số phận con người qua truyện “Ông lão bên chiếc cầu” (Hê-minh-uê).*  Lịch sử nhân loại đã trải qua nhiều giai đoạn khó khăn đầy máu và nước mắt. Một trong số đó chúng ta không thể không nhắc đến là những cuộc chiến tranh và hậu quả của nó. Chiến tranh là việc mỗi quốc gia chưa bằng lòng với lãnh thổ của mình mà đem quân đội đi đánh chiếm quốc gia khác nhằm mục đích mở rộng lãnh thổ hoặc củng cố chính trị, nhưng chiến tranh cũng làm cho số phận mỗi con người trở nên mong manh, ngắn ngủi và vô vọng hơn giống như số phận của ông lão trong Ông lão bên chiếc cầu của nhà văn Hê-minh-uê.  Chiến tranh là một hoạt động sai trái và bất nhân mà công dân trên khắp thế giới cần đả đảo và ngăn cản. Trên thế giới đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh đẫm máu và để lại hậu quả vô cùng nặng nề cho con người mà lịch sử đã ghi chép lại khiến chúng ta ám ảnh. Chiến tranh có sức tàn phá nặng nề, thiệt hại to lớn, mất mát, rạn nứt tình người, chính vì thế con người cần có nhận thức đúng đắn và ngăn chặn sớm mọi mầm mống của chiến tranh.  Khi một cuộc chiến tranh xảy ra, ắt hẳn sẽ để lại nhiều hậu quả nặng nề cho bản thân những nước tham chiến cũng như toàn nhân loại trên nhiều phương diện. Nhưng có lẽ hậu quả nặng nề nhất phải kể đến là về con người. Hàng nghìn người đã ngã xuống vì chiến tranh. Họ có thể là những người lính trực tiếp tham gia chiến tranh. Họ cũng có thể chỉ là những người dân vô tội vì chiến tranh mà mất đi mạng sống của mình. Nhưng họ có một điểm chung, đều là những con người vô danh, không tên không tuổi. Có những người may mắn sống sót sau khi cuộc chiến kết thúc nhưng trở lại cuộc sống bình thường họ lại mang trong mình hai nỗi đau. Một nỗi đau về thể xác, đó là các thương binh, các bệnh nhân chất độc màu da cam… Một nỗi đau về tinh thần, đó là những dư chấn của cuộc chiến, những ám ảnh về chết chóc bom đạn, nỗi đau khi mất đi người thân, gia đình bị ly tán…  Không chỉ để lại hậu quả về con người, chiến tranh còn có sức tàn phá ghê gớm đối với môi trường thiên nhiên. Ô trường bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi những chất thải hóa học dùng để chế tạo bom mìn, các chất độc hóa học giải xuống mặt đất không chỉ gây hại cho con người mà còn phá hủy những cánh rừng, động vật tự nhiên mất đi môi trường sống. Những dòng sông bị ô nhiễm nghiêm trọng, những cánh đồng khô hạn không được trồng trọt tưới tiêu bởi người nông dân. Không chỉ vậy, chiến tranh còn phá hủy vô số những công trình xây dựng vĩ đại của nhân loại. Một cuộc chiến xảy ra khiến cho nền kinh tế của các bên tham chiến đổ dồn vào cuộc chiến ấy. Khi cuộc chiến tranh kết thúc, dù giành chiến thắng hay thua cuộc, các nước tham chiến đều phải đối mặt với nguy cơ khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng. Một ví dụ điển hình như sau cuộc đại chiến thế giới, các nước đứng đầu về kinh tế như Anh, Pháp, Mỹ đều rơi vào các cuộc khủng hoảng kinh tế. Kinh tế không phát triển khiến cho người dân đói khổ, trình độ dân trí thấp và đất nước trở nên nghèo nàn lạc hậu. Các cuộc chiến tranh xảy ra khiến cho mối quan hệ quốc tế trở nên căng thẳng hơn, việc hợp tác giữa các quốc gia cũng trở nên khó khăn đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển của nhân loại.  Như vậy, có thể thấy, chiến tranh thực sự là một từ ám ánh và đáng sợ với toàn nhân loại. Mỗi con người, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia hãy cùng đồng lòng chống lại chiến tranh, bảo vệ nền hòa bình của nhân loại. Bên cạnh đó, chúng ta cần có hành vi ngăn chặn, lên án những hành vi làm nhen nhóm lên cuộc chiến tranh, chủ trương sống vì hòa bình. Các bạn học sinh cần có ý thức học tập, trau dồi bản thân, trở thành một công dân có ích. Mỗi người một hành động nhỏ, một đóng góp nhỏ sẽ tạo thành khối sức mạnh dân tộc to lớn, hãy yêu quý nền hòa bình và bảo vệ nền hòa bình đáng quý của toàn nhân loại. |

**-------Hết-------**

**Ngày soạn: 12/11/2025**

Họ và tên giáo viên: **Hồ Đình Phương**

Tổ chuyên môn: **Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Bài 4: TRUYỆN NGẮN**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**CÁCH DẪN TRỰC TIẾP**

**VÀ CÁCH DẪN GIÁN TIẾP.**

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: **9A2,9A6**

Thời gian thực hiện: 01 tiết (Tiết: 49)

**--------\*&\*--------**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức.**

- Củng cố kiến thức về cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp.

- Luyện tập theo kiến thức tiếng việt cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung.**

Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

Biết xác định được những công việc có thể hoàn thành tốt nhất bằng hợp tác theo nhóm.

**b. Năng lực đặc thù.**

Hiểu được đặc điểm và tác dụng của cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp; hoàn cảnh sử dụng.

**3. Phẩm chất.**

**- Chăm chỉ:** HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

**- Trách nhiệm:** Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

**1. Thiết bị:** Phiếu học tập, bài trình bày của HS, bảng phụ.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập trước khi bước vào bài.

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi để HS tiến hành nghiên cứu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV đặt câu hỏi: Theo em cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp có điểm gì khác nhau?

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập.

- GV quan sát và hỗ trợ HS nếu cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

GV mời đại diện 1-2 HS của mỗi nhóm trình kết quả chuẩn bị.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, gợi mở:** Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp là hai cách trình bày câu chuyện, diễn lời nói của người khác. Với cách dẫn trực tiếp, chúng ta giữ nguyên văn lời của người nói và thêm dấu ngoặc kép dầu và cuối câu. Với cách dẫn gián tiếp, chúng ta diễn đạt lại lời nói của người khác bằng lời của mình, thay đổi sao cho phù hợp nhưng vẫn giữ nguyên ý nghĩa.

**- GV dẫn dắt vào bài học mới:** Trong các tác phẩm Văn học, tác giả không đơn giản chỉ kể lại câu chuyện mà còn tìm cách khiến câu chuyện trở nên sinh động và chân thực hơn. Một trong những cách khiến câu chuyện trở nên thú vị, chân thực hơn đó là tác giả dùng các câu dẫn trực tiếp và câu dẫn gián tiếp. Để hiểu hơn về điều này, hôm nay chúng ta sẽ cùng ôn lại bài học cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp.

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. (15 phút)**

**Nội dung 1. Định hướng kiến thức Ngữ văn.**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố lại kiến thức thực hành tiếng Việt - cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS thực hành nhắc lại kiến thức bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nhắc lại lý thuyết và chuẩn kiến thức GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, dựa vào kiến thức đã học về cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp, trả lời câu hỏi:

+ Trình bày đặc điểm và tác dụng của cách dẫn trực tiếp.

+ Trình bày đặc điểm và tác dụng của cách dẫn gián tiếp.

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS trình bày các nội dung:

+ Trình bày đặc điểm và tác dụng cách dẫn trực tiếp.

+ Trình bày đặc điểm và tác dụng cách dẫn gián tiếp.

- GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, nêu ý kiến bổ sung (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

- GV chuyển sang nội dung mới.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Định hướng kiến thức.**  **1. Cách dẫn trực tiếp.**  **a. Khái niệm:**  - Lời dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật. Thông thường, nội dung lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép và ngăn cách với phần lời dẫn bởi dấu hai chấm.  - Ngoài ra, trong truyện, các nhân vật thường nói chuyện với nhau bằng lời thoại và nội dung lời thoại được đánh dấu bằng cách sử dụng dấu gạch đầu dòng ở đầu câu.  **b. Tác dụng:**  - Truyền tải thông tin chính xác.  - Tăng tính chân thật và sống động.  - Tạo độ tin cậy và động viên.  - Dễ dàng trích dẫn và sử dụng lại.  **2. Cách dẫn gián tiếp.**  **a. Khái niệm:**  Lời dẫn gián tiếp là cách thuật lại lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật và có sự điều chỉnh cho thích hợp. Lời dẫn gián tiếp không được đặt trong dấu ngoặc kép; trong giao tiếp thông thường, khi kể chuyện bằng lời nói thì cách dẫn gián tiếp được sử dụng thường xuyên hơn.  **b. Tác dụng:**  - Truyền đạt thông tin.  - Thể hiện sự suy nghĩ và phân tích.  - Tạo sự tương tác và tiếp thu.  - Tạo sự linh hoạt trong ngôn ngữ.  - Tạo sự tinh tế và đa dạng trong diễn đạt.  **3. Chuyển đổi từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp.**  – Lược bỏ dấu ngoặc kép, dấu hai chấm đánh dấu phần dẫn trực tiếp.  – Diễn đạt lại nội dung phần dẫn trực tiếp sao cho thích hợp, đảm bảo trung thành với  ý được dẫn trong VB gốc. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (20 phút)**

**a. Mục tiêu:** HS được luyện tập để khái quát lại kiến thức đã học trong bài, áp dụng kiến thức để làm bài tập.

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh làm tập SGK.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (GV)**

**Câu 1. (trang 90 sgk Ngữ Văn lớp 9 Tập 1):** Ghép các lời dẫn (in đậm) ở bên A với cách dẫn phù hợp ở bên B (SGK).

**Câu 2 (trang 90 sgk Ngữ Văn lớp 9 Tập 1):** Tìm lời dẫn trong những đoạn văn dưới đây. Xác định các trường hợp dẫn lời nói, dẫn ý nghĩ; dẫn trực tiếp, dẫn gián tiếp.

Chỉ ra đặc điểm giúp em nhận biết mỗi cách dẫn và sự phù hợp của cách dẫn đó trong mỗi đoạn văn.

a) Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lời và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.”. (Hồ Chí Minh)

b) Ông kể lại hôm Tây vào khủng bố. Chúng nó có bao nhiêu thằng, bao nhiêu Tây, bao nhiêu Việt gian, đi những đường nào, đốt phá những đâu đâu và dân quân, tự vệ làng ông bố trí, cầm cự ra sao, rành rọt, tỉ mỉ như chính ông lão vừa mới dự trận đánh giặc ấy xong thật… (Kim Lân).

c) Hoạ sĩ nghĩ thầm: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn.”. (Nguyễn Thành Long).

**Câu 3 (trang 91 sgk Ngữ Văn lớp 9 Tập 1):** Chuyển lời dẫn trực tiếp dưới đây thành lời dẫn gián tiếp:

a) Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hỗn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn:

- Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về. (Nguyễn Dữ)

b) Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng: “Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu. Hồi ấy, mọi thức còn rẻ cả…”. (Nam Cao)

c) Nhà văn Xu-khôm-lin-xki (Sukhomlynsky) đã nói: “Con người sinh ra không phải để tiêu biến như một hạt cát vô danh. Họ sinh ra để in dấu trên mặt đất, in dấu lại trong trái tim người khác.”. (Theo Trần Thị Ngọc Luyến)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS nghe yêu cầu -> thực hiện yêu cầu.

- Từng HS chuẩn bị độc lập.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

- HS trình bày cá nhân.

- Dự kiến sản phẩm: HS xác định được BPTT và tác dụng của BPTT đó.

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. => Ghi lên bảng.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **II. Luyện tập.**  **Dự kiến sản phẩm.**  **Câu 1.**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **A. Lời dẫn** | **B. Cách dẫn** | **Đáp án** | | a) Ông kiểm điểm từ người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy! (Kim Lân) | 1) Dẫn trực tiếp ý nghĩ của nhân vật | **a - 4** | | b) Bà Hai bỗng lại cất tiếng:  - Thầy nó ngủ rồi ư? Dậy tôi bảo cái này đã? (Kim Lân) | 2) Dẫn gián tiếp lời nói của nhân vật | **b - 3** | | c) Anh tìm vô nhà gặp mạ, kể với mạ anh ấy gặp cậu đang theo bộ đội đi qua bên mặt trận… (Phùng Quán) | 3) Dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật | **c - 2** | | d) Trong đầu tôi chợt nảy ra một ước mơ rất trẻ con: “Biết đâu có lúc nào đó mình cũng làm được một chiếc xe như thế nhỉ?”. (Hon-đa Sô-i-chi-rô-Honda Soichiro) | 4) Dẫn gián tiếp ý nghĩ của nhân vật | **d - 1** |   **Câu 2.**  a) Lời dẫn trong đoạn văn: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lời và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.” – là **lời dẫn trực tiếp**.  Lời dẫn được tách ra khỏi phần đứng trước bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. Hồ Chí Minh đã trích nguyên câu văn trong Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 để khẳng định tự do, bình đẳng là quyền mà tất cả mọi người dân trên thế giới được hưởng.  b) Lời dẫn trong đoạn văn: Chúng nó có bao nhiêu thằng, bao nhiêu Tây, bao nhiêu Việt gian, đi những đường nào, đốt phá những đâu đâu và dân quân, tự vệ làng ông bố trí, cầm cự ra sao, rành rọt, tỉ mỉ như chính ông lão vừa mới dự trận đánh giặc ấy xong thật… - là **lời dẫn gián tiếp.**  Lời dẫn không trích y nguyên lời nói của nhân vật mà đã điều chỉnh, thay đổi theo lời người thuật lại. Lời dẫn này đã giúp cho tác giả thể hiện được cách nhìn nhận đánh giá của mình về nhân vật thông qua lời kể của nhân vật.  c) Lời dẫn trong đoạn văn: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn.”. – là **lời dẫn trực tiếp ý nghĩ của nhân vật.**  Lời dẫn được tách ra khỏi phần đứng trước bằng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. Lời dẫn này thể hiện sự đánh giá chủ quan của tác giả đối với anh thanh niên, sự đánh giá này chưa chắc đã đúng.  **Câu 3.**  a) Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hỗn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn nói hộ với chàng Trương rằng nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, thì xin lập một đàn giải oan ở bến sông rồi đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, nàng sẽ trở về.  b) Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng cái vườn là của con lão. Hồi mẹ nó còn sống, mọi thứ còn rẻ, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu đước cái vườn ấy.  c) Nhà văn Xu-khôm-lin-xki (Sukhomlynsky) đã từng nói rằng con người sinh ra không phải để tiêu biến như một hạt cát vô danh mà họ sinh ra để in dấu trên mặt đất, in dấu lại trong trái tim người khác. |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**. **(5 phút)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (GV).**

Viết đoạn văn (khoảng 8-10 dòng) về chủ đề tinh thần yêu nước của nhân dân ta, trong đó có dẫn trực tiếp một trong các ý kiến dưới đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

a) Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta.

b) Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Quang Trung… Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS nghe và thực hiện yêu cầu.

- HS làm việc cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

- HS trình bày kết quả ( đọc đoạn văn).

- GV gọi hs nhận xét bài làm của bạn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).**

+ GV nhận xét, bổ sung, cho điểm và cho HS tham khảo đoạn văn.

**HS có thể tham khảo đoạn văn sau:**

a) Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định*: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta”*. Điều đó đã được khẳng định từ quá khứ đến hiện tại. Trong những năm chiến tranh, nhân dân Việt Nam luôn đoàn kết một lòng chống lại kẻ thù xâm lược: từ phương Bắc đến thực dân Pháp hay đế quốc Mĩ. Ở bất cứ thời đại nào, cũng có những bậc anh hùng - hữu danh hay vô danh nguyện hi sinh để giành lại độc lập cho dân tộc. Còn khi hòa bình, tinh thần yêu nước lại được thể hiện qua nhiều hành động khác nhau. Sự biết ơn, yêu mến những người đã sinh ra, dạy dỗ chúng ta. Hay là mong muốn học tập để mai này trở về xây dựng quê hương ngày một giàu đẹp. Cùng với đó là ý chí bảo vệ và phát huy những nét văn hóa truyền thống của quê hương. Đặc biệt là lòng quyết tâm chiến đấu bảo vệ đất nước của mỗi con người trong những lúc gian nguy rình rập (chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh…). Như vậy, mỗi người dân Việt Nam hãy luôn giữ gìn và phát huy tinh thần yêu nước - truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

b) Nhân dân Việt Nam có một truyền thống yêu nước nồng nàn. Điều đó được thể hiện từ trong quá khứ đến hiện tại*. “Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Quang Trung… Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.”* (Hồ Chí Minh). Để rồi đến hiện tại, tinh thần yêu nước đó lại tiếp tục được phát huy. Từ cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng, trẻ thơ…ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc. Hay những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội. Cả những người phụ nữ khuyên chồng tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải. Rồi nam nữ nông dân và công nhân hăng hái tăng gia sản xuất. Ngay cả những đồng bào điền chủ quyên ruộng cho Chính phủ…. Thế mới thấy tinh thần yêu nước không luôn tiềm ẩn trong mỗi con người, không phân biệt giới tính, tuổi tác hay nghề nghiệp, giai cấp…

**-------Hết-------**

**Ngày soạn: 10/11/2025**

Họ và tên giáo viên: **Hồ Đình Phương**

Tổ chuyên môn: **Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Bài 4: TRUYỆN NGẮN**

**THỰC HÀNH ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN:**

**CHIẾC LƯỢC NGÀ**

(Nguyễn Quang Sáng)

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: 9A2,9A6

Thời gian thực hiện: **2 tiết** (Từ tiết: 50 đến tiết: 51)

**--------\*&\*--------**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:** Sau bài học này, HS sẽ:

- HS nhận biết được đặc điểm của thể loại tác phẩm, xác định được bố cục, phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài Chiếc lược ngà. Từ đó hình thành, rèn luyện năng lực đọc hiểu một tác phẩm truyện ngắn.

- Trân trọng tình cảm gia đình thiêng liêng, quý giá.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự học và tự chủ: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh đề hiểu về tác phẩm truyện ngắn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác để giải quyết vấn đề về văn bản Chiếc lược ngà.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến bài học; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

**b. Năng lực đặc thù.**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Chiếc lược ngà.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận cá nhân về văn bản Chiếc lược ngà.

**3. Phẩm chất.**

- HS có sự quý trọng tình cảm gia đình, người thân.

- Trân trọng tình cảm cha con sâu nặng trong mọi hoàn cảnh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV Ngữ văn 9; Kế hoạch bài dạy.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà;

- Tranh ảnh về tác giả, tác phẩm;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp;

- Sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (7 Phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi để HS suy nghĩ trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

- GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và nêu câu hỏi: Em hãy chia sẻ ngắn gọn những gì em tìm hiểu được về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta năm 1954 – 1975?

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- HS liên hệ thực tế, dựa vào hiểu biết của bản thân cùng trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận.**

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm giành quyền trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, giành quyền trả lời (nếu nhóm bạn trả lời sai).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**

**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:** Cuộc kháng chiến kéo dài 21 năm của nhân dân ta đã trải qua không ít khó khăn, thách thức, với nhiều đau thương và mất mát. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân Việt Nam trên hai miền Nam – Bắc đã anh dũng chiến đấu chống đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai ở miền Nam, bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

**- GV dẫn dắt vào bài học mới:** *Trong những năm kháng chiến chống Mỹ oanh liệt nơi chiến trường Nam Bộ nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã viết tác phẩm Chiếc lược ngà vào năm 1966. Hoàn cảnh sáng tác truyện ngắn Chiếc lược ngà sẽ giúp chúng ta hiểu được phần nào về cuộc sống chiến đấu và đời sống tình cảm của những người lính cụ Hồ và những gia đình ở Nam Bộ, cùng với tình cảm cha con thiêng liêng, cao quý trong sự tàn khốc của chiến tranh. Tác phẩm đã diễn tả một cách chân thành và cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Hãy cùng tìm hiểu chi tiết qua tác phẩm Chiếc lược ngà.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. (60 Phút)**

**Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:**tìm hiểu tác giả, tác phẩm.

**b) Nội dung:** HS  quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:**Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

**- GV đặt câu hỏi:** Nêu những nét tiêu biểu về tác giả Nguyễn Quang Sáng ?

? Cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản ?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**trình bày theo nhóm.

    - Một nhóm trình bày.

    - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

- GV chuẩn kiến thức:

**\* Giáo viên**giới thiệu dung nhà văn N.Q.S  các tác phẩm của ông và bổ sung: Nguyễn Quang Sáng  tham gia kháng chiến chống Pháp, năm 1945 tập kết ra Bắc, viết văn. Kháng chiến chống Mĩ ông về Nam tiếp tục khỏng chiến, viết văn. Nguyễn Quang Sáng rất am hiểu, gắn bó với mảnh đất Nam Bộ, hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong 2 cuộc kháng chiến và khi hoà bình. Truyện của ông thường có cốt truyện khá hấp dẫn, xoay quanh những tình huống khá bất ngờ nhưng tự nhiên, hợp lí. Ngôn ngữ truyện của ông gần với khẩu ngữ và đậm màu sắc Nam Bộ. Nhà văn đã có những tiểu thuyết chuyển thể thành phim: Cánh đồng hoang, Mùa gió chướng.v.v...

**\***Sáng tác vào thời điểm khi cuộc kháng chiến đang diễn ra quyết liệt. Đáng chú ý là truyện viết trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt; nhưng lại tập trung nói về tình người – tình cha con trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh và tình đồng chí của những người cán bộ Cách mạng thật cảm động=> Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” tiêu biểu cho những đặc điểm trong nhệ thuật viết truyện ngắn của N.Q.Sáng.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Tìm hiểu chung.**  **1. Tác giả:** Nguyễn Quang Sáng.  - (1932-2014), quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.  - Là nhà văn gắn liền với vùng đất Nam Bộ trong hai cuộc chiến đấu chống Pháp và Mĩ và sau hòa bình.  **2. Tác phẩm:**  **a. Đọc văn bản:** SGK.  **b. Xuất xứ-Thể loại-Ptbđ-Ngôi kể:**  - Xuất xứ: Viết năm 1966 khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ được đưa vào tập truyện cùng tên. Văn bản trong SGK là đoạn trích phần giữa truyện.  - Thể loại: Truyện ngắn  - PTBĐ: tự sự kết hợp miêu tả biểu cảm và nghị luận.  - Ngôi kể: Thứ nhất, lời kể của anh Ba - người chứng kiến câu chuyện -> Tạo cảm giác chân thực...  **c. Bố cục:** 2 phần.  - Phần 1: Cuộc gặp gỡ của cha con ông Sáu sau tám năm xa cách.  - Phần 2: Tình cha con sâu nặng- Hình ảnh chiếc lược ngà. |

**Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu chi tiết.**

**Nội dung 1. Tình cảm của bé Thu dành cho ông Sáu.**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS.

- Tìm hiểu nhân vật bé Thu- Diễn biến tâm lí nhân vật gặp lại ông Sáu sau 8 năm xa cách.

- Cảm nhận được nét đẹp trong tình cảm cha con ông Sáu.

**b) Nội dung:**

- GV sử dụng KT khăn trải bàn cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:**

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập (GV).**

- Chia nhóm: HS làm việc theo nhóm 6 HS

- Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:

1. Nêu tình huống truyện?

2. Chú ý đoạn truyện kể về nhân vật bé Thu trong những ngày ông Sáu về thăm nhà, tìm những chi tiết kể về lần đầu bé Thu gặp cha? (Bé Thu có những p/á ntn khi ông Sáu gọi mình là con và xưng ba?

3. Bé Thu đã tròn mặt nhìn đó là đôi mắt nhìn ntn? Bé Thu đã vụt chạy và kêu thét lên "Má Má". Đó là những cử chỉ ntn? Những cử chỉ và tiếng kêu ấy biểu hiện cảm xúc gì của bé Thu tronglúc này?

4. Em có cảm nhận gì về tình cảm của hai cha con trong bài thơ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**HS:** - Làm việc cá nhân 2’, làm việc nhóm 5’.

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

**GV:** Hỗ trợ HS khi cần thiết.

**B3: Báo cáo, thảo luận.**

**GV:** - Yêu cầu HS trình bày.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**HS:** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV).**

- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.

- Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển sang mục sau.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **II. Tìm hiểu chi tiết.**  **1. Tình huống truyện:** Truyện được xây dựng trên hai tình huống cơ bản:  - Tình huống 1: Đó là cuộc gặp gỡ của hai cha con ông Sáu sau tám năm xa cách, nhưng thật trớ trêu là bé Thu không nhận cha, đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu lại phải lên đường.  - Tình huống 2: Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và lòng mong nhớ đứa con vào việc làm cây lược ngà để tặng con, nhưng ông đã hi sinh khi chưa kịp trao món quà ấy cho con gái.  => Tình huống truyện ở đây mang đầy kịch tính chứa đựng nhiều yếu tố bất ngờ. Đó là những tình huống ngẫu nhiên song lại rất phổ biến, những tình huống đầy éo le mà chúng ta thường gặp trong chiến tranh.  (**Giáo viên mở rộng thêm vấn đề:** *Như vậy, nếu ở tình huống thứ nhất bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu với cha, thì tình huống thứ hai lại biểu lộ tình cảm sâu sắc, thắm thiết của ông Sáu với con. Tình huống truyện ở đây mang đầy kịch tính chứa đựng nhiều yếu tố bất ngờ. Đó là những tình huống ngẫu nhiên song lại rất phổ biến, những tình huống đầy éo le mà chúng ta thường gặp trong chiến tranh. Song đặt các nhân vật của mình vào các tình huống ấy, nhà văn muốn khẳng định và ngợi ca: tình cha con thiêng liêng, sâu nặng như một giá trị nhân bản sâu sắc. Tình cảm ấy càng cao đẹp trong hoàn cảnh chiến tranh.)*  **2. Diễn biến tâm lí và tình cảm của bé Thu trong lần ông Sáu về thăm nhà.**  **a. Thái độ và hành động của bé Thu trong phút đầu gặp gỡ.**  - Nghe gọi: con bé giật mình, tròn xoe mắt nhìn → Nó ngơ ngác , lạnh lùng.  - Mắt mở to không chớp → biểu lộ sự ngạc nhiên, cảnh giác.  - Thấy lạ: mặt nó bỗng tái đi, vụt chạy và kêu thét lên: "má, má".  ⇒ Cử chỉ nhanh, mạnh, biểu lộ ý định cầu cứu ⇒ Lo lắng, sợ hãi.  **b. Những ngày sau đó.**  - Bé Thu tỏ ra lạnh nhạt.  - Nói trống không.  - Hất miếng trứng cá ra khỏi bát cơm.  - Bỏ sang nhà ngoại khi bị ông Sáu đánh.  ⇒ Kiên quyết không nhận ông Sáu là cha, cự tuyệt 1 cách quyết liệt.  **c. Thái độ và hành động của bé Thu trong buổi chia tay:**  - Cái nhìn không ngơ ngác, không lạnh lùng ,nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa.  ⇒ Tâm lí thăng bằng, không còn lo lắng sợ hãi nữa.  - Nó bỗng kêu thét lên : “Ba..a..ba..a”, nhanh như sóc, nó thót lên và dang tay ôm chặt lấy cổ ba nó, nói trong tiếng khóc.  - Nó hôn ba nó…  - Ôm chầm lấy ba nó, mếu máo…  ⇒ Tình yêu nỗi nhớ, niềm ân hận, nuối tiếc của bé Thu bị dồn nén lâu nay bùng ra mạnh mẽ, hối hả ,cuống quýt, mãnh liệt ào ạt.  =>Bé Thu: hồn nhiên chân thật trong tình cảm, mãnh liệt trong tình yêu thương. |

**Nội dung 2. Tình cảm của ông Sáu dành cho bé Thu.**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS:

- Tìm được những chi tiết nói về tình cảm của ông Sáu dành cho con.

- Cảm nhận được nét đẹp trong tình cảm cha con trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh..

**b) Nội dung:**

- GV sử dụng KT động não, chia sẻ nhóm đôi cho HS thảo luận.

- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho ý kiến của bạn bạn (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập (GV).**

- Phát phiếu học tập số 3.

- Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:

+ HS đọc thầm đoạn 2 văn bản.

1. Vì sao người thân mà ông Sáu khao khát được gặp nhất chính là đứa con? Tìm chi tiết miêu tả cảnh ông Sáu lần đầu trông thấy con-lúc ấy tâm trạng của ông như thế nào?

2. Ông Sáu đã có những biểu hiện gì khi bé Thu phản ứng trước và trong bữa cơm? Từ những biểu hiện đó nỗi lòng nào của ông được bộc lộ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**HS:** - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS trao đổi nhóm đôi và ghi lại kết quả.

- Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

**GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo, thảo luận.**

**HS :** - Trả lời câu hỏi của GV.

- Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.

**GV:** - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.

- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định.**

GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **II. Tìm hiểu chi tiết.**  **3. Nhân vật ông Sáu.**  **a. Vừa gặp con:**  - ông gọi “Thu! con.”, vừa bước, vừa khom người đưa tay chờ đón con.  - Bị con từ chối tình cảm ông đứng sững, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại, hai tay buông xuống như bị gãy->Buồn bã ,thất vọng.  **b. Trong bữa cơm:** ông Sáu nhìn con, khe khẽ lắc đầu cười. Khi con hất miếng trứng cá, anh vung tay đánh, hét lên.  ⇒ Tình yêu thương của người cha trở nên bất lực. Ông buồn vì tình yêu thương của người cha chưa được con đền đáp.  **c. Trước khi trở lại chiến khu:**  - Chỉ dám nhìn con trìu mến, lẫn buồn rầu, chào con " ba đi nghe con"-> Sự lưu luyến xen nỗi tiếc nuối, ân hận vì lỡ đánh con.  - Khi bé thu bất ngờ nhận cha: ông Sáu một tay ôm con ,một tay lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con.  ⇒ Đó là đôi mắt giàu tình yêu thương và độ lượng, đó là nước mắt sung sướng, hạnh phúc của người cha cảm nhận được tình ruột thịt từ con mình.  **d. Ở chiến khu:** ân hận vì đã đánh con, tự mình làm chiếc lược ngà: tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc , tẩn mẩn khắc từng nét “Yêu nhớ tặng Thu con của ba!”. Lúc sắp qua đời móc cây lược, nhìn bác Ba hồi lâu.  - Cây lược trở thành kỉ vật thiêng liêng mà người cha để lại cho con. ông luôn nhớ con, giữ lời hứa với con.  ⇒ Ông Sáu là người cha có tình yêu thương con sâu nặng. |

**Nhiệm vụ 3. Tổng kết**

**a) Mục tiêu:** - Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Suy ngẫm về ước mơ của bản thân và những việc làm để thực hiện ước mơ.

**b) Nội dung:**

- GV sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của VB.

- HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.

**c) Sản phẩm:** HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho ý kiến của bạn bạn (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập (GV).**

- Chia nhóm lớp theo bàn.

- Phát phiếu học tập số 4.

- Giao nhiệm vụ nhóm:

? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.

? Nội dung chính của văn bản “Chiếc lược ngà” là gì?

? Qua truyện ngắn “Chiếc lược ngà”, thái độ và hành động của nhân vật bé Thu đối với ba rất trái ngược trong những ngày đầu khi ông Sáu về thăm nhà và lúc ông sắp ra đi, nhưng vẫn nhất quán trong tính cách của nhân vật. Em hãy giải thích điều đó.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ.**

**HS:** - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ragiấy.

- Chia sẻ cặp đôi 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu họctập).

**GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khókhăn).

**B3: Báo cáo, thảoluận.**

**HS:** - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhómbạn.

**GV:** - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.

**B4: Kết luận, nhận định (GV).**

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**  - Tạo tình huống truyện éo le.  - Có cốt truyện mang yếu tố bất ngờ.  - Lựa chọn người kể chuyện là bạn ônng Sáu (ngôi thứ nhất) chứng kiến toàn bộ câu chuyện, thấu hiểu cảnh ngộ và tâm trạng của nhân vật trong truyện.  - Cách kể tự nhiên, giản dị, kết hợp nhiều phương thức biểu đạt.  **2. Nội dung:** Là câu huyện cảm động về tình cha con sâu nặng, Chiếc lược ngà cho ta hiểu thêm về những mất mát to lớn của chiến tranh mà nhân dân ta đã trải qua trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  (**Giáo viên mở rộng vấn đề:** Hành động trái ngược của bé Thu trong những ngày đầu khi ông Sáu về thăm nhà và lúc ông sắp ra đi được thể hiện:  ● *Khi ông Sáu bồi hồi nhận con thì bé Thu lại tròn mắt ngơ ngác lạ lùng. Bé ngạc nhiên, sợ hãi vì người đàn ông lạ mặt ôm và tự nhận là ba của bé. Vết sẹo dài trên mặt ông Sáu vì xúc động mà đỏ ứng, giật giật khiến cho bé Thu sợ hãi, khóc và chạy về nhà. Khi nhận ra ba thì tình cảm trào dâng, Thu nhất quyết không cho ba đi.*  *● Hai hành động trái ngược đó thể hiện sự yêu ghét rạch ròi phân minh, một tính cách bản lĩnh vững vàng của cô bé dù chỉ mới tám tuổi. Điều nhất quán trong tính cách nhân vật đó là tình yêu dành cho ba của Thu, cô bé yêu ba, tự hào về ba, khắc ghi hình ảnh của ba trong bức tranh khi chụp chung với má. Em chỉ yêu người ba trong ảnh. Vì vậy, khi nhìn thấy ông Sáu ngoài đời thực khác xa bức ảnh, em đã kiên quyết không nhận. Khi bà ngoại nói cho Thu biết vì thằng Mỹ mà ba có vết thẹo trên má, em yêu thương ba hơn và trong tình yêu mãnh liệt, gấp gáp ấy co cả sự ân hận day dứt.*) |

**3. HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (15 Phút)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** GV hướng dẫn HS suy nghĩ và hoàn thành phiếu bài tập

- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện.**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập (GV).**

GV cho HS thực hiện phiếu bài tập.

? Giải thích nhan đề: “Chiếc lược ngà”?

? Qua đoạn trích em có nhận xét gì về cuộc chiến tranh của Mĩ tại Việt Nam?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS: Suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy.

- Một nhóm trình bày.

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**B3: Báo cáo, thảo luận.**

- HS: Học sinh trình bày cá nhân, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.

- GV: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.

**B4: Kết luận, nhận định (GV).**

- GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ và kết quả làm việc của học sinh.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **IV. Luyện tập.**  **Câu 1.** Giải thích nhan đề: “Chiếc lược ngà”?  **Trả lời:**  Truyện được đặt tên là “ Chiếc lược ngà” bởi lẽ chiếc lược ngà là chiếc cầu nối, là biểu hiện thiêng liêng của tình cha con, là kỉ vật cuối cùng ông Sáu để lại cho con. Nó làm dịu đi nỗi ân hận, chứa đựng TY vô bờ của người cha.  **Câu 2.** Qua đoạn trích em có nhận xét gì về cuộc chiến tranh của Mĩ tại Việt Nam?  **Trả lời:**  Cuộc chiến mà đế quốc Mĩ gây ra ở Vn là cuộc chiến tranh phi nghĩa. Chiến tranh đã để lại bao thảm họa khôn lường: con mất cha, gia đình li tán, vì chiến tranh để lại trên khuôn mặt người cha vết thẹo dài để rồi giây phút gặp lại cha của bé Thu thật đau lòng, éo le: con không nhận cha, đến khi hiểu ra thì cha lại phải đi xa.  **(xem các hình ảnh về chiến tranh ở VN)**    Và giờ đây chiến tranh đã lùi xa nhưng hệ lụy của nó còn khôn lường( chúng để lại nỗi đau cho các bà mẹ mỏi mắt trông chờ những đứa con ra đi mãi không về, những đứa trẻ sinh ra mang trên mình di chứng chất độc màu da cam  **(xem hình ảnh những nạn nhân chất độc màu da cam)**  -> chúng ta cần chung tay bảo vệ hòa bình để không còn những thảm họa đau lòng do chiến tranh gây ra. |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (8 Phút)**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV nêu câu hỏi vận dụng và gọi HS chia sẻ cá nhân.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện.**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập (GV).**

- GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời

Có thể đặt những tên gọi nào khác cho truyện ngắn này?

Em có giữ kỉ vật nào của người thân không? Hãy chia sẻ với bạn những suy nghĩ của em về kỉ vật và tình cảm của người thân đó đối với em.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS suy nghĩ và chia sẻ

- GV gọi HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**B3: Báo cáo kết quả.**

- HS: Chia sẻ cá nhân.

- GV: Yêu cầu HS đứng dậy chia sẻ, HS khác nhận xét, đánh giá.

**B4: Kết luận, nhận định (GV).**

- GV kết luận lại vấn đề, nhận xét thái độ học tập của học sinh.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **IV. Vận dụng.**  **Câu 1.** Có thể đặt những tên gọi nào khác cho truyện ngắn này?  **Trả lời:**  + Cuộc gặp gỡ cuồi cùng.  + Tình cha con.  + Câu chuyện cảm động.  + Chuyện kể của anh Ba.  **Câu 2.** Em có giữ kỉ vật nào của người thân không? Hãy chia sẻ với bạn những suy nghĩ của em về kỉ vật và tình cảm của người thân đó đối với em.  **Trả lời.**  Em có kỉ vật của bà nội để lại, đó chính là chiếc túi vải của bà. Nó là món quà cuối cùng bà để lại cho em trước khi mất. Mỗi khi nhìn thấy chiếc túi em lại nhớ tới bà vì thế nó là một món đồ quan trọng đối với em. |

**-------Hết-------**

**Ngày soạn: 17/11/2025**

Họ và tên giáo viên: **Hồ Đình Phương**

Tổ chuyên môn: **Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Bài 4: TRUYỆN NGẮN**

**THỰC HÀNH ĐỌC-HIỂU VĂN BẢN 2:**

**CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG**

(Trích) -O.Hen-ri-

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: 9A2,9A6

Thời gian thực hiện: **01 tiết** (Tiết: 52)

**--------\*&\*--------**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:** Sau bài học này, HS sẽ:

- HS nhận biết được đặc điểm của thể loại tác phẩm, xác định được bố cục, phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật của bài Chiếc lá cuối cùng. Từ đó hình thành, rèn luyện năng lực đọc hiểu một tác phẩm truyện ngắn.

- Trân trọng tình cảm con người, đùm bọc, chia se lẫn nhau.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự học và tự chủ: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh đề hiểu về tác phẩm truyện ngắn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác để giải quyết vấn đề về văn bản Chiếc lá cuối cùng.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến bài học; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

**b. Năng lực đặc thù.**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản Chiếc lá cuối cùng.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận cá nhân về văn bản Chiếc lá cuối cùng.

**3. Phẩm chất.**

- HS có sự quý trọng tình cảm trong mối quan hệ giữa con người với con người trong đời sống xã hội.

- Trân trọng tình cảm, lòng nhân ái, vị tha.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- SGK, SGV Ngữ văn 9; Kế hoạch bài dạy.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà;

- Sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học…

- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp;

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 Phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi để HS suy nghĩ trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

- GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và nêu câu hỏi: *Em hiểu thế nào là lòng nhân ái, vị tha? Hãy tìm một câu chuyện về lòng nhân ái, vị tha để có thể kể trước lớp.*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- HS liên hệ thực tế, dựa vào hiểu biết của bản thân cùng trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận.**

- GV mời đại diện 1 HS của mỗi nhóm giành quyền trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, giành quyền trả lời (nếu nhóm bạn trả lời sai).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

- GV dẫn dắt vào bài học: *Trong nhịp sống hối hả, tất bật, quay cuồng, những lo toan thường nhật, cuộc mưu sinh bận rộn với bao toan tính liệu có cuốn con người vào guồng quay lạnh nhạt? Không! Ở đâu đó, hơi ấm tình người vẫn lặng lẽ tỏa sáng. Ngay trong khu phố nhỏ tồi tàn, vẫn cất lên bản nhạc dịu dàng giữa một xã hội phồn vinh rộng lớn. Nơi ấy, nhà văn Mĩ O.Henry bằng tấm lòng chân thật của mình đã diễn tả biết bao vẻ đẹp của tình yêu thương giữa những con người, đặc biệt thầm kín qua hình ảnh chiếc lá cuối cùng.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30 phút)**

**Nội dung 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS đọc văn bản và theo dõi thông tin về tác giả, tác phẩm

*1) Chia sẻ quá trình tự đọc văn bản ở nhà (cách đọc, cách khám phá văn bản theo các gợi ý đọc bên phải văn bản; những lưu ý khi đọc văn bản).*

*(2) Ngoài các từ ngữ ở cước chú, em thấy cần giải nghĩa thêm những từ ngữ nào khác trong văn bản?*

- Hoàn thành phiếu bài tập về tác phẩm.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Tìm hiểu chung văn bản** | |
| **Yêu cầu** | **Nội dung** |
| 1. Thể loại, vị trí đoạn trích |  |
| 2. Nhân vật chính |  |
| 3. Tóm tắt văn bản. |  |
| 4. Nhan đề | Nhan đề có liên quan như thế nào đến nội dung câu chuyện? |
| 5. Ngôi kể  Tác dụng | - Xác định ngôi kể:…  - Dẫn ra, phân tích tác dụng một số lời người kể chuyện và lời nhân vật |
| 6. Tình huống truyện, tác dụng | - Tình huống truyện có gì hấp dẫn?  - Kết thúc có gì độc đáo? Hai nữ họa sĩ nếu biết cụ Bơ-men vẽ chiếc lá trên tường thì câu chuyện có hấp dẫn không? Vì sao? |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS theo dõi văn bản

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV đưa thông tin về tác giả tác phẩm lên bảng

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

- GV dẫn dắt sang nội dung mới.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Tìm hiểu khái quát về Tác giả-Tác phẩm.**  **1. Tác giả:** O’Hen-ri  **-** (1862-1910) là nhà văn Mỹ.  - Ông có sở trường viết truyện ngắn và thường viết về cuộc sống nghèo khổ, bất hạnh của người dân Mỹ với lối viết nhẹ nhàng, toát lên tinh thần nhân đạo cao cả, tình huống hấp dẫn, kết cấu chặt chẽ.  - Đề tài sáng tác của ông phong phú, đa dạng nhưng phần lớn hướng vào cuộc sống nghèo khổ, bất hạnh của người dân Mĩ. Một số truyện mang ý nghĩa phê phán xã hội rõ rệt.  **2. Tác phẩm:**  **a. Đọc văn bản:** SGK, trang  **b. Tóm tắt truyện ngắn:**  Truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng kể về nhân vật chính là Giôn - xi, cô bị mắc chứng bệnh sưng phổi và tuyệt vọng trước cuộc sống. Giôn-xi tự nhủ rằng chừng nào chiếc lá cuối cùng trên cây thường xuân ở phía bên ngoài cửa sổ kia rụng xuống thì cũng là lúc cô ra đi, từ bỏ cuộc sống. Khi biết được ý nghĩ đó thì cụ Bơ men - người thuê phòng ở tầng dưới, cũng là một họa sĩ già - đã vẽ nên kiệt tác chiếc lá cuối cùng trong đêm mưa bão để Giôn xi có niềm tin vào cuộc sống. Cụ đã qua đời và Giôn xi lấy lại được hi vọng khi tưởng rằng chiếc lá đó là thật. Hình ảnh chiếc lá như một “kiệt tác” bởi cụ Bơ men đã vẽ bằng cả tấm lòng mình.  **c. Vị trí đoạn trích-Ngôi kể.**  **- Vị trí đoạn trích:** nằm ở phần cuối truyện.  **- Ngôi kể:** ngôi thứ ba. => Tác dụng: có thể linh hoạt, tự do kể các sự việc với các nhân vật, ở mọi lúc, mọi nơi.  **- Nhân vật chính:** Giôn-xi và cụ Bơ-men.  **d. Lời người kể chuyện và lời nhân vật:**  **- Lời người kể chuyện:**  **Ví dụ:** *“Khi hai người lên trên gác thì Giôn-xi đang ngủ. Xiu kéo tấm mành mành xuống che kín cửa sổ và ra hiệu cho cụ Bơ-men sang buồng bên cạnh. Sang đến nơi, họ sợ sệt ngó ra ngoài cửa sổ, nhìn cây thường xuân. Rồi họ nhìn nhau một lát, chẳng nói năng gì”.*  => Tường thuật lại câu chuyện, miêu tả khung cảnh và các nhân vật một cách khái quát.  **- Lời nhân vật:**  **Ví dụ:**  **+ lời của Giôn-xi:** *“Em thật là một con bé hư, chị Xiu thân yêu ơi.”, “Em cứ tưởng là nhất định trong đêm vừa qua nó đã rụng. Em nghe thấy gió thổi. Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết.” …*  **+ lời của Xiu:** *“Em thân yêu, thân yêu!”, “Em hãy nghĩ đến chị, nếu em không còn muốn nghĩ đến mình nữa. Chị sẽ làm gì đây?”…*  => Cho thấy suy nghĩ và tâm trạng nhân vật rất sinh động. |

**Nội dung 2: Thực hành đọc hiểu**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được tình huống, kết thúc truyện và nhận xét sự hấp dẫn và độc đáo của tình huống và cách kết thúc.

- Phân tích tâm trạng của Giôn-xi qua hai lần yêu cầu “kéo mành lên”. Lí giải được vì sao “chiếc lá cuối cùng” đã giúp Giôn-xi hồi sinh.

- Tưởng tượng là Giôn-xi để trình bày suy nghĩ, cảm xúc khi nghe Xiu kể lại sự việc cụ Bơ-men đã qua đời vì sưng phổi sau đêm vẽ “chiếc lá cuối cùng”.

- Hiểu được hình ảnh mang tính hình tượng “chiếc lá cuối cùng” và thông điệp truyện gửi đến người đọc.

- Biết yêu thương, chia sẻ, đồng cảm giữa con người và con người.

- Hoàn thiện chiến lược đọc hiểu truyện ngắn.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH theo nhóm, kĩ thuật động não, thuyết trình, đặt câu hỏi để hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động đọc hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS đọc văn bản và thực hiện theo yêu cầu.

**+ Nhóm 1 hoàn thiện nội dung câu hỏi:**

Nhan đề Chiếc lá cuối cùng có liên quan như thế nào đến nội dung câu chuyện?

**+ Nhóm 2 hoàn thiện nội dung câu hỏi:**

Tình huống truyện có gì hấp dẫn? Kết thúc truyện có gì độc đáo? Nếu Xiu và Giôn-xi biết cụ Bơ- men sẽ vẽ chiếc lá trên tường thì câu chuyện có thể thay đổi như thế nào? Vì sao?

**+ Nhóm 3 hoàn thiện nội dung câu hỏi:**

Phân tích tâm trạng của Giôn-xi qua hai lần yêu cầu “kéo mành lên”. Vì sao “chiếc lá cuối cùng” đã giúp Giôn-xi hồi sinh qua PHT sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VẬT GIÔN-XI** | |
| **Yêu cầu** | **Nội dung** |
| 1. Giới thiệu chung |  |
| 2. Tâm trạng của Giôn-xi qua lần thứ nhất yêu cầu "kéo mành lên". | - Suy nghĩ: *…*  - Hành động: *…*  - Lời nói: *…*  => Nhận xét về tâm trạng: |
| 3. Tâm trạng của Giôn-xi qua lần thứ hai yêu cầu "kéo mành lên". | - Suy nghĩ, lời nói: *…*  - Hành động: *…*  => Nhận xét về tâm trạng: |
| 4. Vì sao "chiếc lá cuối cùng” đã giúp Giôn-xi hồi sinh? |  |
| 5. Nhận xét về nhân vật Giôn- xi. | -. Nhận xét về nhân vật: .......  - Nếu là Giôn-xi, em sẽ có suy nghĩ, cảm xúc như thế nào khi nghe Xiu kể lại sự việc cụ Bơ-men đã qua đời vì sưng phổi sau đêm vẽ “chiếc lá cuối cùng”? |

**+ Nhóm 4 hoàn thiện nội dung câu hỏi:**

Nếu là Giôn-xi, em sẽ có suy nghĩ, cảm xúc như thế nào khi nghe Xiu kể lại sự việc cụ Bơ-men đã qua đời vì sưng phổi sau đêm vẽ “chiếc lá cuối cùng”?

**+ Nhóm 5 hoàn thiện nội dung câu hỏi:**

Vì sao “chiếc lá cuối cùng” mà cụ Bơ-men vẽ lại được coi là một “kiệt tác”? Theo em, truyện nhằm gửi đến người đọc thông điệp gì?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS theo dõi văn bản

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV đưa thông tin về tác giả tác phẩm lên bảng

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

- GV dẫn dắt sang nội dung mới.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **II. Tìm hiểu chi tiết.**  **1. Nhan đề văn bản:**  Nhan đề Chiếc lá cuối cùng liên quan đến chi tiết quan trọng nhất, là chi tiết then chốt để tạo nên tình huống hấp dẫn của truyện: Giôn-xi ốm nặng và luôn nghĩ khi chiếc lá cuối cùng của cây thường xuân rụng thì cô cũng từ biệt cuộc sống nên hằng ngày, cô bắt Xiu kéo bức mành lên để nhìn chiếc lá cuối cùng ấy.  **2. Tình huống truyện, tác dụng:**  - Tình huống truyện hấp dẫn khiến người đọc hồi hộp theo dõi: Giôn - xi đang ốm nặng, cô nhất quyết cho rằng chiếc lá cuối cùng trên dây thường xuân rụng thì mình sẽ chết. Mà theo quy luật lá vàng sẽ rụng, mà lại trải qua đêm mưa tuyết, liệu chiếc lá cuối cùng có rụng xuống không? Sau đêm mưa bão đó, sự việc gì sẽ xảy ra?  - Kết thúc vô cùng độc đáo, bất ngờ: Giôn-xi hồi phục nhưng cụ Bơ-men lại ra đi vì chính bênh viêm phổi mà Giôn-xi đang mắc.  => Truyện đã sử dụng thành công thủ pháp đảo ngược tình thế hai lần một cách đột ngột, bất ngờ để hấp dẫn người đọc và bộc lộ chủ đề tư tưởng văn bản: bài học về lòng khát vọng sống và tấm lòng cao cả của con người với con người.  **3. Nhân vật Giôn-xi.**   |  |  | | --- | --- | | **NHÂN VẬT GIÔN-XI** | | | **Yêu cầu** | **Nội dung** | | 1. Giới thiệu chung | - Là họa sĩ nghèo, còn trẻ, sống trong căn hộ thuê;  - Vào mùa đông, giôn-xi bị bệnh sưng phổi. Bệnh tật và nghèo túng khiến cô tuyệt vọng.  - Cô đếm và chờ chiếc lá thường xuân cuối cùng rụng là cô lìa đời. | | 2. Tâm trạng của Giôn-xi qua lần thứ nhất yêu cầu "kéo mành lên". Nhận xét về tâm trạng của cô | - Suy nghĩ: *“Cái cô đơn nhất trong khắp thế gian là một tâm hồn đang chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi xa xôi bí ẩn của mình.”, những dây ràng buộc cô với tình bạn và thế gian cứ lơi lỏng dần.*  - Hành động: *mở to cặp mắt thẫn thờ, ra lệnh kéo mành lên, không trả lời,*  - Lời nói: *thều thào “Kéo nó lên, em muốn nhìn”, “Đó là chiếc lá cuối cùng”, “Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết.”,*  => Tinh thần suy sụp, yếu đuối, tuyệt vọng và buông xuôi. Cô chỉ có điểm tựa duy nhất là điểm bấu víu vào chiếc lá cuối cùng. | | 3. Tâm trạng của Giôn-xi qua lần thứ hai yêu cầu "kéo mành lên". Nhận xét về tâm trạng của cô | - Suy nghĩ, lời nói: *“Em thật là một con bé hư, chị xiu thân yêu ơi”, “Có một cái gì đấy đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy rằng mình đã tệ như thế nào. Muốn chết là một tội…cho em xin một tí cháo và một chút sữa … cho em chiếc gương…em ngồi dậy xem chị nấu nướng”, “…một ngày nào đó em hi vọng sẽ được vẽ vịnh Na-plơ..*  - Hành động: *ra lệnh kéo mành lên, nằm nhìn chiếc lá hồi lâu,*  => Tâm trạng hoàn toàn thay đổi, cô đã mong muốn được sống, ăn uống và làm việc. Sự hồi sinh đã trở lại. | | 4. Vì sao "chiếc lá cuối cùng” đã giúp Giôn-xi hồi sinh? | + Cô thấy hình ảnh chiếc lá thường xuân giàu sức sống sau đêm mưa bão  + Giôn-xi không muốn phụ tấm lòng yêu thương của Xiu, cụ Bơ-men. | | 5. Nhận xét về nhân vật Giôn- xi. | Ví dụ:  + Nếu là Giôn-xi,em không nói được gì, nghẹn ngào xúc động vì tình thương bao la của cụ Bơ-men. Tình cảm đó đã giúp cho một người từ cõi chết trở về. Cụ đã lấy cả mạng sống của mình để mang lại hi vọng và sự sống hồi sinh.  + Nếu là Giôn-xi,em sẽ cảm thấy rất đau lòng, xúc động và áy náy trước nguyên nhân cụ Bơ-men qua đời. Và sau đó sẽ cố gắng sống thật tốt để không uổng phí cơ hội sống mà cụ đã đem lại. |   **4. Chiếc lá cuối cùng là một kiệt tác.**  + Hình ảnh “Chiếc lá” được coi là một kiệt tác vì: **Thứ nhất là một bức vẽ đẹp hoàn hảo, giống thật đến nỗi cả Giôn-xi và Xiu đều bị nhầm tưởng đó là chiếc lá thường xuân thật đang cố bám níu trên bức tường gạch**; **Thứ hai, điều quan trọng bởi nó đã cứu sống được Giôn-xi, đã mang lại nghị lực, khát vọng được sống cho cô họa sĩ trẻ đáng thương.** Sau bao nhiêu gió bão, chiếc lá vẫn kiên cường bám trên bức tường gạch khiến cho Giôn-xi hiểu ra mình cần phải mạnh mẽ để sống tiếp; Thứ ba, Chiếc lá cuối cùng được đánh đổi bằng chính tính mạng của cụ Bơ-men. Cụ đã vẽ nó với hi vọng mang lại điều kì diệu. Kiệt tác “Chiếc lá cuối cùng” ấy chính là biểu hiện cao đẹp nhất cho tấm lòng nhân hậu, đức hi sinh, lòng vị tha của cụ Bơ-men, cũng như tình yêu thương giữa những con người.  **+ Cái chết của Bơ men thật là cao cả.** Cụ không chỉ thương xót, mà đã tìm ra cách để chữa căn bệnh nguy hiểm trong tư tưởng Giôn-xi, Cụ Bơ -men làm việc thầm lặng dưới ngọn đèn bão tuyết. Trong đêm mưa rét ấy, một kiệt tác đã hoàn thành, kịp thời thay thế cho chiếc lá vừa rung. Cái chết lặng lẽ, sự hi sinh thầm lặng. **Cụ Bơ - men đã chết nhưng tác phẩm kiệt xuất của cụ vẫn sống mãi trong lòng các thế hệ bạn đọc. Cụ chính là biểu tượng của nghệ thuật vị nhân sinh cao cả.**  **5. Thông điệp của truyện**  - Nghệ thuật đích thực là nghệ thuật vì con người, phục vụ và mang lại niềm tin, hi vọng để cứu giúp con người, kể cả những người dã tuyệt vọng.  - Tình yêu thương cao cả giữa những con người đã thắp sáng tâm hồn, trái tim, đem lại nghị lực sống cho con người đang tuyệt vọng. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài và cách đọc hiểu thể loại văn bản.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **III. Tổng kết.**  **1. Nghệ thuật và nội dung**  Truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng đã xây dựng cốt truyện đặc sắc, cách sắp xếp chặt chẽ, đặc biệt là đảo ngược tình huống hai lần. Những đặc sắc đố đã thể hiện một cách thành công, cảm động, nhân văn câu chuyện về tình bạn, tình yêu thương giữa những con người với nhau. Qua văn bản, nhà văn muốn gửi bức thông điệp: Hãy luôn thắp sáng ngọn lửa của khát khao hi vọng hãy luôn yêu thương, mang nghệ thuật phục vụ con người, nghệ thuật chân chính lâu bền nhất là nghệ thuật hướng tới con người và vì con người.  **2. Kĩ năng đọc truyện ngắn**  - Cần xác định truyện ngắn viết về ai, viết về sự việc gì? Tóm tắt và nhận biết cốt truyện có gì đặc biệt.  - Nhân vật chính là ai? Nhân vật đó được tác giả khắc họa như thế nào qua ngoại hình, lời nói, hành động...và mối quan hệ giữa các nhân vật trong truyện.  + Xác định đề tài, chủ đề, ý nghĩa nhan đề, thông điệp của tác phẩm.  + Phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện, chỉ ra tác dụng của chúng.  + Liên hệ với vốn sống, trải nghiệm của bản thân và bối cảnh cuộc sống hiện tại để hiểu và vận dụng kết quả đọc vào thực tiễn. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG (10 Phút)**

**a. Mục tiêu:** Tiếp tục củng cố khắc sâu về nội dung văn bản; kết nối với hoạt động viết đoạn; mở rộng khám phá những tác phẩm thể hiện tình yêu thương giữa con người với con người qua việc tìm hiểu những văn bản ngoài SGK.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH nêu vấn đề và kỹ thuật đặt câu hỏi , trò chơi hướng dẫn HS viết đoạn văn và ghi chép kiến thức văn học.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV có thể chọn một trong những nhiệm vụ

(1) Tham gia trò chơi “Lật mảnh ghép - Đoán hình nền”, với luật chơi:

+ Có 6 mảnh ghép được đánh số che khuất hình ảnh bên trong. HS được phép chọn bất kì mảnh ghép nào để trả lời câu hỏi có liên quan đến tác giả, tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng”.

+ Các mảnh ghép được lật sẽ hiện ra hình nền, HS tham gia trò chơi bằng cách giơ tay; HS giơ tay nhanh nhất sẽ được gọi để trả lời các câu hỏi (nếu trả lời sai thì GV sẽ gọi HS tiếp theo); HS nào đoán được hình nền sau khi một mảnh ghép được mở sẽ được tặng một món quà nhô.

(2) Em trình bày suy nghĩ về nhân vật Xiu. Nhân vật này có tác dụng gì cho truyện. Viết đoạn văn khoảng 8 – 10 dòng thể hiện suy nghĩ của bản thân về nhân vật đó.

(3) Ghi chép những tác phẩm thể hiện tình yêu thương giữa con người với con người qua việc tìm hiểu những văn bản ngoài SGK. (giao về nhà, ghi chép vào Sổ tay văn học của cá nhân).

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ.

- GV tổ chức hướng dẫn HS tham gia hoạt động; điều khiển và xử lí các tình huống.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV tổng kết nhiệm vụ, động viên, khen ngợi HS có tinh thần, thái độ tham gia hoạt động với kết quả tốt; nhắc nhở về nhà hoàn thiện nhiệm vụ 2, và 3.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

=> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng.

**CÂU HỎI LẬT MẢNH GHÉP**

**Câu 1: Đối với Giôn-xi, chiếc lá cuối cùng rụng hay không rụng có ý nghĩa như thế nào?**

A. Nếu chiếc lá ấy rụng thì cô sẽ không tiếp tục vẽ nữa.

B. Nếu chiếc lá ấy rụng thì cô sẽ rất đau khổ.

C. Cô không còn muốn quan tâm đến chiếc lá cuối cùng nữa.

***D. Chiếc lá rụng hay không sẽ quyết định số phận của cô.***

**Câu 2: Câu văn "Chị Xiu thân yêu ơi, một ngày nào đó em hi vọng sẽ được vẽ vịnh Na-plơ" giúp em hiểu gì về Giôn-xi.**

A. Giôn-xi rất thích vẽ vịnh Na-plơ.

B. Giôn-xi chưa bao giờ vẽ vịnh Na-plơ

***C. Trong con người Giôn-xi đang có sự hồi sinh.***

D. Giôn-xi đang có bắt chuyện và làm vui lòng Xiu.

**Câu 3: Cụ Bơ-men đã nghĩ gì khi nảy ra ý định vẽ chiếc lá thường xuân?**

***A. Cụ muốn trả lại niềm tin yêu cuộc sống cho cô hoạ sĩ trẻ Giôn-xi.***

B. Cụ nghĩ Giôn-xi cần phải sống vì cô gái trẻ

C. Cụ muốn để lại một kiệt tác cho đời.

D. Cụ nghĩ mình đã già, sẽ chết nên hi sinh để cứu Giôn-xi

**Câu 4: Qua câu chuyện, em hiểu thế nào về một tác phẩm được coi là kiệt tác?**

A. Tác phẩm đó phải rất đẹp và hoàn hảo.

B. Tác phẩm đó phải rất độc đáo và gây ấn tượng.

***C. Tác phẩm đó phải đẹp và có ích cho cuộc sống.***

D. Tác phẩm đó phải đồ sộ và hoành tráng.

**Câu 5: Dóng nào sau đây không đúng khi nhận xét về nội dung của tác phẩm ?**

A. Truyện ca ngợi tình yêu thương cao cả giữa những con người nghèo khổ.

***B. Phê phán sự bất công và khoảng cách giàu nghèo trong xã hội nước Mĩ***

C. Tôn vinh giá trị, sức mạnh của nghệ thuật chân chính mang đến niềm vui và hạnh phúc cho con người.

D. Là câu chuyện về tình bạn, tình người đáng trân trọng.

**Câu 6: Nhận định nào sau đây nhận xét đúng về đoạn trích *Chiếc lá cuối cùng*?**

***A. Thông qua việc miêu tả tâm trạng của Giôn-xi, kể lại những việc làm của Xiu và cụ Bơ-men dành cho cô, tác giả muốn làm nổi bật tình yêu thương giữa những người nghèo khổ với nhau.***

B. Thông qua việc miêu tả tâm trạng của Giôn-xi, kể lại những việc làm của Xiu và cụ Bơ-men dành cho cô, tác giả muốn làm nổi bật đức tính cao cả và sự hy sinh quên mình của cụ Bơ-men.

C. Thông qua việc miêu tả tâm trạng của Giôn-xi, kể lại những việc làm của Xiu và cụ Bơ-men dành cho cô, tác giả muốn làm nổi bật sự lo lắng khôn nguôi của Xiu dành cho Giôn-xi.

D. Thông qua việc miêu tả tâm trạng của Giôn-xi, kể lại những việc làm của Xiu và cụ Bơ-men dành cho cô, tác giả muốn làm nổi bật nguyên nhân sâu xa quyết định hồi sinh của Giôn-xi.

**Câu hỏi hình nền**

Hình ảnh này xuất hiện ở đâu ? Nêu nội dung của hình ảnh?



*(Bìa sách giáo khoa lớp 9, tập 1,*

*vẽ cụ Bơ-men đang vẽ bức tranh chiếc lá trong đêm mưa tuyết.)*

(2) Đọc tác phẩm “Chiếc lá cuối cùng”, em rất yêu quý và xúc động trước tình cảm yêu thương nhân vật Giôn- xi qua suy nghĩ, hành động và lời nói. Chung sở thích đã gắn hai cô thành một đôi bạn thân thiết. Khi Giôn-xi bị ốm nặng, bế tắc cả về thể chất cũng như tinh thần, Xiu vẫn tận tình chăm sóc, khuyên bảo bạn và kiên nhẫn với Giôn-xi. Xiu còn là người kể toàn bộ sự việc xảy ra về chiếc lá cuối cùng, đó chính là tác phẩm kiệt xuất của cụ Bơ-men để giúp Giôn – xi thắng được bệnh tật, thắng được những yếu mềm. Hình tượng xiu đã góp phần làm nổi bật nội dung tư tưởng và thông điệp ,à tác giả Ô.Hen-ri muốn gửi đến bạn đọc.

(3) HS tìm đọc các tác phẩm thể hiện tình yêu thương giữa con người với con người qua việc tìm hiểu những văn bản ngoài SGK. (giao về nhà, ghi chép vào Sổ tay văn học của cá nhân).

**--------\*&\*--------**

**Ngày soạn: 26/11/2025**

Họ và tên giáo viên: **Hồ Đình Phương**

Tổ chuyên môn: **Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Bài 4: TRUYỆN NGẮN**

**HOẠT ĐỘNG VIẾT:**

**PHÂN TÍCH**

**MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN**

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: 9A2,9A6

Thời gian thực hiện: **3 tiết** (Từ tiết: 53 đến tiết: 55 )

**--------\*&\*--------**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức.**

- HS nhận biết được yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm truyện.

- HS viết được bài văn phân tích một tác phẩm truyện: nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm truyện.

**2. Năng lực:**

- HS biết viết phân tích một tác phẩm truyện đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu), tìm ý, lập dàn ý, viết, chỉnh sửa đoạn văn đã viết, rút kinh nghiệm cho bản thân.

- HS viết được bài văn phân tích một tác phẩm truyện ghi lại cảm xúc sau khi đọc một tác phẩm truyện.

- HS biết giao tiếp, hợp tác, trình bày sản phẩm trước tập thể lớp, biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể).

**3. Phẩm chất:**

- Tự tin thể hiện bản thân.

- Biết lắng nghe, tôn trọng.

- Nghiêm túc trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

**1. Thiết bị:** - Kế hoạch bài dạy; Sách giáo khoa; Sách giáo viên; Máy tính, máy chiếu…

- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà;

**2. Học liệu:** - Hình ảnh, video phiếu học tập có liên quan đến nội dung của bài học.

- Sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học…

- Bảng giao nhiệm vụ học tập đã chuẩn bị ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (7 Phút)**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

**c. Sản phẩm:** Hs hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

- GV yêu cầu HS đọc phần đầu trong SGK và trả lời câu hỏi:

+ Hãy liệt kê những tác phẩm truyện mà em biết hoặc đã được học

+ Tác phẩm truyện nào đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc cá nhân suy nghĩ trả lời.

- HS thảo luận và hoàn thành bảng hệ thống theo gợi ý.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**

- HS trả lời câu hỏi.

- HS khác nhận xét đánh giá, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**

- GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của HS

\* Gợi ý trả lời:

*+ Những tác phẩm truyện mà em biết hoặc đã được học là: Bầy chim chìa vôi (Nguyễn Quang Thiều), Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long), Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ (Nguyễn Ngọc Thuần), …*

*+ Tác phẩm truyện Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long đã để lại cho em rất nhiều ấn tượng sâu sắc vì tác phẩm đã ca ngợi vẻ đẹp của những người lao động bình thường và ý nghĩa của những công việc thầm lặng. Thông qua đây tác giả cũng đã thể hiện niềm yêu mến đối với những con người có lẽ sống cao đẹp đang lặng lẽ quên mình cống hiến cho Tổ quốc.*

**- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:** Phân tích một tác phẩm truyện là làm sáng tỏ chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm được thể hiện qua những yếu tố cơ bản của thể loại truyện như cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện,… Phần Viết của bài học này sẽ hướng dẫn em viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện theo định hướng đó.

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. (105 Phút)**

**Nhiệm vụ 1: Định hướng.**

**a. Mục tiêu:** Nắm được yêu cầu khi viết một bài văn phân tích một tác phẩm (truyện)

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trả lời các yêu cầu khi viết một bài văn phân tích một tác phẩm (truyện).

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập cho HS.**

GV yêu cầu HS dựa vào nội dung SHS cùng kiến thức đã chuẩn bị trước đó trả lời câu hỏi: Theo em, một bài văn phân tích một tác phẩm truyện phải đáp ứng được các yêu cầu gì?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**

HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận.**

GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**

GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. => Ghi lên bảng.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Định hướng.**  **1. Yêu cầu đối với bài văn phân tích tác phẩm truyện.**  – Giới thiệu khái quát tác phẩm truyện cần phân tích (nhan đề, tác giả, thể loại), nêu nhận xét chung về tác phẩm.  – Làm rõ được nội dung chủ đề của tác phẩm.  – Phân tích được những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyện (cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ người kể chuyện, không gian, thời gian, chi tiết tiêu biểu,...) và hiệu quả thẩm mĩ của chúng; tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật của tác phẩm.  – Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ thuyết phục, bằng chứng xác đáng để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.  – Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.  **2. Những lưu ý khi viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện.**  - Đọc kĩ văn bản truyện, xác định chủ đề của truyện. |

**Nhiệm vụ 2. Thực hành.**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng viết một bài văn phân tích một tác phẩm truyện theo các bước.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS áp dụng viết một bài văn phân tích một tác phẩm truyện theo các bước.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

- GV nêu yêu cầu bài: Phân tích truyện ngắn “Làng” – Kim Lân.

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết theo các bước:

**\* Chuẩn bị.**

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài viết:

+ Xem lại nội dung đọc hiểu tác phẩm.

+ Xác định những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**\* Tìm ý và lập dàn ý.**

**- Tìm ý:**

GV hướng dẫn HS huy động tối đa các ý tưởng để tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi theo định hướng trong SGK.

**- Lập dàn ý.**

GV hướng dẫn HS sắp xếp các câu trả lời theo trật tự hợp lí để hoàn thành dàn ý với ba phần như gợi ý trong SGK trang 108: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- HS nghe yêu cầu, thực hiện theo các bước để chuẩn bị thực hành viết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Thực hành.**  **1. Đề bài:** Phân tích truyện ngắn “Làng” – Kim Lân.  **Quy trình các bước làm bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm truyện.**          **2. Rèn luyện kỹ năng viết: Phân tích nhân vật trong tác phẩm truyện.**      b. Bài tập.  Viết một đoạn văn khỏng 10-12 dòng phân tích tâm trạng của nhân vật ông Hai khi tâm sự với thằng Húc trong truyện ngắn: Làng (Kim Lân). |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG. (23 Phút)**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập (GV)**

Lập dàn ý cho đề bài phân tích truyện “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- GV gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản, từ ngữ, chi tiết, hình ảnh mà tác phẩm gợi lên.

- HS đọc văn bản, suy nghĩ cá nhân và lập dàn bài.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm vào buổi học hôm sau.

- HS nộp sản phẩm cho GV vào hôm sau.

**Bước 4: Kết luận, nhận định (GV).**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định).

**DỰ KIẾN SẢN PHẨM.**

**1. Mở bài:**

– Giới thiệu truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.

– Khái quát về tác phẩm: một truyện ngắn thành công trong việc khắc hoạ hình ảnh những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thời kì kháng chiến chống đế quốc Mỹ.

**2. Thân bài:**

– Phân tích nội dung chủ đề của tác phẩm:

+ Cuộc sống gian khổ, công việc nguy hiểm của ba cô gái ở trọng điểm trên tuyến đường (bằng chứng: ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, quan sát địch ném bom, đánh dấu bom chưa nổ, phá bom,...).

+ Nét riêng của ba cô gái (bằng chứng).

+ Vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn của ba cô gái: gạn dạ, dũng cảm, không sợ hi sinh, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ,... (bằng chứng: thể hiện trong một lần phá bom).

– Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm:

+ Kể chuyện theo ngôi thứ nhất (Phương Định – “tôi”) giúp cho nhân vật dễ dàng bộc lộ suy nghĩ, tâm trạng, cảm xúc.

+ Xây dựng nhân vật qua diễn biến tâm lí, hành động, lời nói, suy nghĩ,... (bằng chứng: nhân vật Phương Định).

+ Xây dựng tình huống truyện mang tính thử thách, nguy hiểm để nhân vật bộc lộ vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn (bằng chứng: tình huống phá bom).

+ Ngôn ngữ và nhịp điệu kể chuyện phù hợp với không khí khẩn trương của chiến trường (bằng chứng: các câu văn ngắn, nhịp nhanh trong truyện,...).

**3. Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

**-------Hết-------**

**Ngày soạn: 27/11/2025**

Họ và tên giáo viên: **Hồ Đình Phương**

Tổ chuyên môn: **Văn-Sử-Địa-GDCD**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Bài 4: TRUYỆN NGẮN**

**HOẠT ĐỘNG NÓI VÀ NGHE:**

**THẢO LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**ĐÁNG QUAN TÂM TRONG ĐỜI SỐNG.**

Môn học/Hoạt động giáo dục: **Ngữ văn**; Lớp: 9A2,9A6

Thời gian thực hiện: **01 tiết** (Tiết: 56)

**--------\*&\*--------**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Kiến thức:**

- Cách thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống.

- Tìm hiểu thu thập thông tin về vấn đề cần thảo luận.

- HS biết cách lắng nghe và trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng.

- HS nhận biết những yêu cầu về nội dung và hình thức của bài thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống.

**2. Về năng lực:**

- HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói; tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng nói và nghe trao đổi ý kiến về một vấn đề.

- HS có khả năng nắm bắt được thông tin bài nói của người khác.

- HS biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

- HS tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp, biết kết hợp ngôn ngữ nói với điệu bộ, cử chỉ, nét mặt (ngôn ngữ hình thể).

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thu thập và làm rõ các thông tin liên quan đến bài học; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề.

**3. Về phẩm chất:**

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC .**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ (5 Phút)**

**a. Mục tiêu:**

– Kích hoạt kiến thức nền về cách thảo luận nhóm.

– Xác định được nhiệm vụ học tập cần thực hiện của bài học.

**b. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**b. Nội dung:**Giáo viên nêu khái quát nội dung của vấn đề của bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập:**

HS trả lời câu hỏi:

(1) Nêu hai biện pháp em cho là cần thiết để tăng tính hiệu quả của các cuộc thảo luận.

(2) Đọc lướt nội dung bài học trong SGK, xác định nhiệm vụ học tập mà các em cần thực hiện trong bài học này.

**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:**

Cá nhân HS tìm câu trả lời, sau đó chia sẻ với bạn.

**Bước 3. Báo cáo, thảo luận:**

Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.

**Bước 4. Kết luận, nhận định:**

GV ghi tóm tắt các ý kiến dưới dạng từ/ cụm từ lên bảng, gạch chân những biện pháp then chốt, sau đó, tổng hợp ý kiến của HS và dẫn dắt vào bài học: Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống.

**2. HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (30 Phút)**

**Nhiệm vụ 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV yêu cầu HS đọc mục Định hướng (trang 54/SGK) và hướng dẫn tìm hiểu nội dung sau: + Thế nào là thảo luận về một vấn đề trong đời sống?

+ Để thảo luận về một vấn đề trong đời sống, chúng ta cần chú ý những gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm.**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện.**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **I. Định hướng.**  **1. Định nghĩa:**  Thảo luận về một vấn đề trong đời sống là đưa ra ý kiến của cá nhân và trao đổi, bàn bạc, lắng nghe ý kiến của mọi người cùng tham gia để có hiểu biết đúng, đầy đủ, toàn diện hơn và lựa chọn được cách thức giải quyết vấn đề một cách phù hợp.  **2. Những chú ý khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống**  - Quan tâm, theo dõi các sự kiện, hiện tượng,…trong cuộc sống xung quanh hoặc suy nghĩ từ các văn bản đọc hiểu để phát hiện vấn đề có ý nghĩa.  - Lựa chọn một vấn đề cần thảo luận. Tìm hiểu các thông tin về vấn đề và suy nghĩ, xác định ý kiến của em về vấn đề đó.  - Thảo luận trong nhóm về vấn đề đã lựa chọn.  - Khi thảo luận, cần nêu rõ cách hiểu hoặc quan điểm của bản thân về vấn đề, đồng thời, tôn trọng các ý kiến khác. |

**Nhiệm vụ 2. Thực hành**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**

- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài và chia lớp thành các nhóm:

+ Nhóm 1,2. Thảo luận vấn đề: *Gia đình có vai trò như thế nào trong cuộc sống của mỗi chúng ta?*

+ Nhóm 3,4. Thảo luận vấn đề: *Tình cảm quê hương quan trọng với mỗi người như thế nào?*

+ Nhóm 5, 6. *Thảo luận vấn đề: Trình bày suy nghĩ của em về cách ứng xử với những số phận thiếu may mắn trong cuộc sống.*

- GV yêu cầu HS tiến hành chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý theo các bước hướng dẫn trong SGK.

**a. Chuẩn bị.**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân trong các nhóm, thu thập thông tin và xác định nguyên nhân dẫn đến kết quả sự việc.

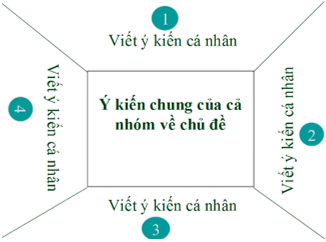
- Lựa chọn phương tiện hỗ trợ trao đổi, thảo luận (nếu cần) như: giấy, máy tính, tranh ảnh, sơ đồ,...

- GV hướng dẫn HS xem lại các yêu cầu nói và nghe trong thảo luận nhóm.

**b. Tìm ý và lập dàn ý.**

- GV hướng dẫn HS tìm ý bằng cách đặt và trả lời câu hỏi.

- GV yêu cầu các nhóm thảo luận theo Kĩ thuật dạy học khăn trải bàn.



- GV yêu cầu HS lập dàn ý bằng cách dựa vào những ý đã tìm được, sắp xếp theo ba phần của bài viết.

- GV cho các nhóm bổ sung, sửa chữa dàn ý cho nhau.

- Sau 15 phút chuẩn bị, GV yêu cầu HS trình bày theo trình tự:

**- Mở đầu:** Nhóm trưởng giới thiệu, nêu vấn đề và ý kiến chung về vấn đề thảo luận.

- Một bạn trình bày nêu và làm rõ ý kiến về vấn đề đó.

**- Thảo luận trong nhóm:**

+ Dựa vào dàn ý đã lập được, lần lượt từng thành viên trong nhóm nêu ra các ý kiến của mình.

+ Các thành viên trong nhóm có thể bày tỏ sự đồng tình hoặc phản đối với ý kiến mà thành viên khác nêu ra. Có thái độ phù hợp khi bày tỏ quan điểm.

**- Kết thúc:** Nhóm trưởng chốt lại, khẳng định lại ý kiến.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.

**Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm.**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận.

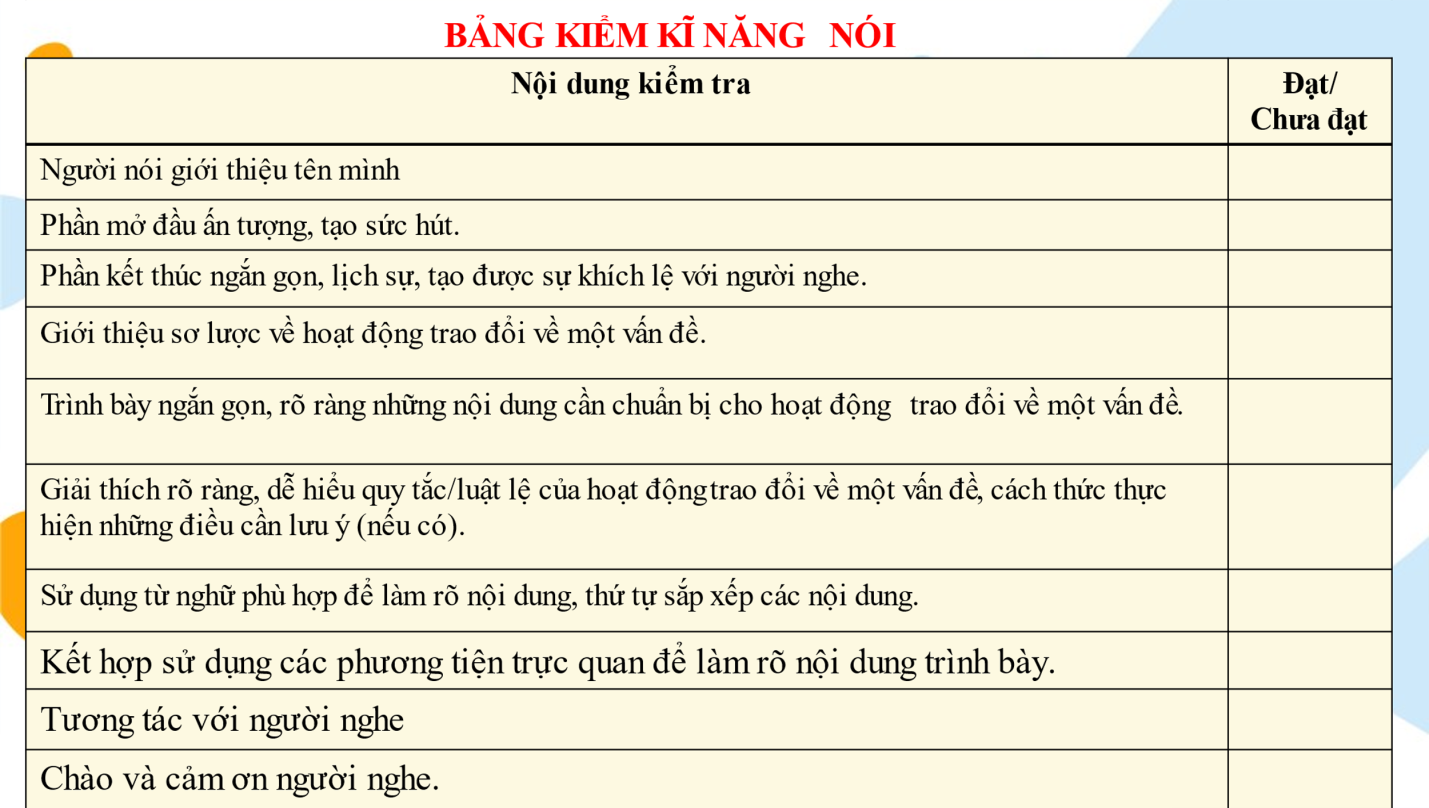
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

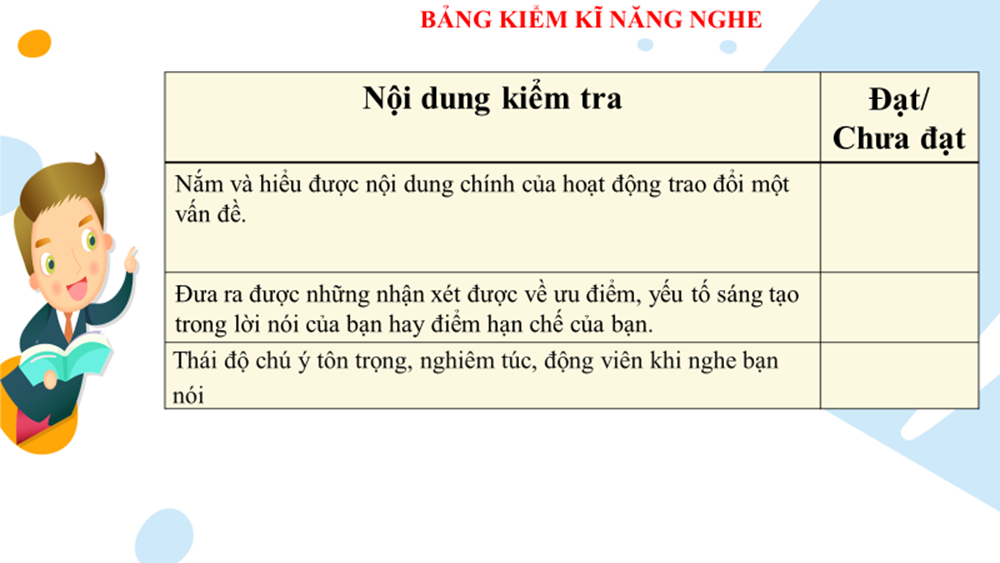
**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện.**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

- GV chiếu lại dàn ý mẫu đã phát cho HS từ buổi trước.

- Yêu cầu HS đọc nhẩm lại dàn ý đã chuẩn bị ở nhà và luyện nói với bạn cùng bàn và chấm điểm cho nhau theo bảng tiêu chí sau:





**GIÁO VIÊN CHỐT NỘI DUNG KIẾN THỨC**

|  |
| --- |
| **II. Thực hành trình bày bài nói-nghe.**  **a/ Đề bài:**  Thảo luận nhóm trao đổi về một vấn đề: Gia đình có vai trò như thế nào trong cuộc sống của mỗi chúng ta?  **b/ Các bước:** Chuẩn bị 🡪 Tìm ý và lập dàn ý 🡪 Nói và Nghe 🡪 Kiểm tra và chỉnh sửa. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (5 Phút)**

**a) Mục tiêu:** Hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b) Nội dung:**Thảo luận nhóm trao đổi về một vấn đề: Trình bày suy nghĩ của em về cách ứng xử với những số phận thiếu may mắn trong cuộc sống.

**c) Sản phẩm:**Phần nói của HS và nhận xét của các bạn.

**d) Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**

GV tổ chức phần SHOW AND TELL:

+ Mời 2-3 HS lên bảng nói trước lớp.

+ Mỗi bạn sẽ cầm đồ vật/tranh ảnh/mở bài hát/video liên quan đến bài nói của

mình và nói trước lớp.

+ HS ở dưới chú ý theo dõi và nhận xét bài bạn theo kĩ thuật 3-2-1: 3 khen – 2 góp ý – 1 thắc mắc.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- HS luyện nói và những bạn khác lắng nghe, nhận xét.

- GV quan sát, hỗ trợ.

**Bước 3: Thảo luận, báo cáo.**

- Người nói: Trình bày cá nhân; Giải đáp thắc mắc.

- Người nghe: Nhận xét dựa vào bảng tiêu chí.

- GV nghe HS trình bày.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung.

=> Chốt lại kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 Phút)**

**a) Mục tiêu:**Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b) Nội dung:**BTVN Thực hành nói tại nhà: Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (em có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…)

**c) Sản phẩm:**Video quay lại phần nói của HS.

**d) Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập.**

GV yêu cầu HS quay lại video: Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (em có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…) và up lên Facebook / Tiktok …Hoặc gửi qua Zalo của giáo viên.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**

- Lên dàn ý, luyện nói và quay lại video.

- Up video lên Facebook / Tiktok … Hoặc gửi qua Zalo của giáo viên.

**Bước 3: Thảo luận, báo cáo.**

- HS trả lời câu hỏi của GV.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

- HS nhận xét và bình chọn bài nói hay nhất và truyền cảm hứng nhất

- Giáo viên nhận xét, đánh giá.

**-------Hết-------**